

NHỮNG BÀI PHÁP TIÊU BIỂU CỦA HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

Tu hành.

- Tu đạo là cần phải “Quay Trở Lại”. Nghĩa là gì ? Tức là phải nhường cho người việc tốt lành, còn mình thì nhận phần hư xấu. Xả “Tiểu Ngã” để thành tựu “Đại Ngã”.
- Đối với ma đừng khởi tâm thù nghịch. Hãy xem chúng như các bậc Thiện Tri Thức trợ Đạo cho mình.
- Từ vô lượng kiếp đến nay, hết đời này sang đời khác, mỗi người tạo bao nghiệp khác nhau, nên vọng tưởng cũng không đồng. Nghiệp nặng thì vọng tưởng nhiều, còn nghiệp nhẹ thì vọng tưởng ít.
- Người tu hành phải vì cắt đứt dòng sanh tử luân hồi, vì hóa độ chúng sanh, chứ không vì cầu cảm ứng mà tu Đạo.
- Người tu Đạo phải luôn luôn hồi quang phản chiếu, chứ không nên hướng ngoại truy cầu. Không thể chạy tìm cầu chân tâm ở bên ngoài được, mà phải quay về tự tánh thì tự nhiên đầy đủ cả.

- Đối với người mới phát tâm tu hành, điều chướng ngại trọng yếu nhất khi dụng công là tâm tham luyến sắc dục giữa nam và nữ. Đây là vấn đề căn bản nhất.
- Người tu Đạo nên chú ý ! Chớ gieo duyên nhiễm ô với người khác. Sợi dây trói buộc bất tịnh này sẽ làm chúng ta đọa lạc.
- Hiện tại, chúng ta may mắn có được thân người. Nếu không biết dùng thân người để tu hành thì đợi đến khi nào mới chịu tu ? Chỉ e đến lúc mất thân này rồi, dẫu có muốn tu hành thì đã quá muộn màng !
- Khi tu học Phật pháp, điều thiết yếu là phải chân thật. Nơi mỗi hành động, lời nói, cử chỉ đều phải chân thật.
- Sống trong tự viện, chúng ta phải biết tiết kiệm mọi vật dụng. Có câu: “Giữ gìn vật của chùa như bảo vệ tròng con mắt”.
- Không thương cùng không ghét chính là nghĩa Trung Đạo.

Tu đạo là gì ? Tức là tu theo Trung Đạo. Khi đối xử với mọi người, phải lấy lòng bình đẳng và lòng từ bi làm căn bản. Khi hành sự, phải cẩn thận, chớ đi lạc vào lưới rọ tình ái.

- Chưa bao giờ có việc “Ngày nay tu Đạo thì ngày mai thành Phật”. Mới cuốc một nhát đầu có thể đào giếng nước ngay được. Tu hành là đem khối sắt mài thành cây kim. Khi công phu đầy đủ thì tự nhiên sẽ thành tự.
- Việc đầu tiên khi tu học Mật chú là phải chánh tâm thành ý. Nếu tâm không chân chánh thì khi tu học, Mật chú nào cũng thành tà. Tâm nếu chân chánh thì việc tu học Mật chú mới được cảm ứng.
- Vô minh có hai đồng bạn. Hai đồng bạn đó chính là tham ăn và tham sắc dục. Cả hai việc này trợ giúp vô minh tạo ra vô số nghiệp xấu.
- Có câu:
 “Khi muốn làm người tốt thì nghiệp báo hiện,
 Khi muốn thành Phật thì ma đến thử thách”.
 Nếu không muốn trở thành người lành thì nghiệp báo không tìm đến. Càng quyết chí làm người lành bao nhiêu thì nghiệp báo càng tìm đến tới tấp bấy nhiêu để đòi chúng ta thanh toán nợ nần cho rõ ràng.
- Phật và ma chỉ khác nhau nơi một tâm niệm: Phật thì có tâm từ bi, còn ma thì có tâm tranh hơn thua.

- Người thực sự biết cách tu hành thì nhất cử nhất động đều là tu cả.
- Người tu Đạo không nên đi khắp nơi quảng cáo sự tu hành của mình. Ai thường làm việc đó thì nhất định sẽ đọa lạc vào đường ma.
- Khi ở bất cứ nơi nào, người tu Đạo cũng đều phải che giấu và tẩy xóa tông tích; chớ nên để lộ diện.
- Tâm của chúng ta thường trú tại những nơi khác chứ không trú tại trong tâm mình. “Trú tại những nơi khác” nghĩa là có thân mà tâm lại chạy tán loạn.
- Giảng Kinh thuyết Pháp là tu Huệ. Ngồi Thiền là tu Định. Không nói lời tạp nhạp là tu Giới.
- “Phiền não tức Bồ Đề”. Nếu biết cách tu hành thì phiền não tức là Bồ Đề, bằng ngược lại thì Bồ Đề biến thành phiền não.
- Tu Đạo cần phải tập đại khờ. Càng đại khờ bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu. Đại khờ cho đến lúc buông xả muôn việc thì vọng tưởng sẽ không còn.
- Vô minh nghĩa là không hiểu rõ. Gốc rễ của vô minh là ái dục.

- Mục đích chủ yếu của sự tu hành là cắt đứt dòng sanh tử, chứ không phải cầu cảm ứng.
- Tu hành thì cần phải giữ mình cho trong sạch, như giữ đôi mắt không để dính một hạt cát.
- Cờ bạc thì tạo nghiệp nặng. Bốc thí thì tích lũy công đức. Ngồi Thiền thì trừ ngu si, giúp sanh trí huệ.
- Người tu hành nên cẩn thận lời nói nơi chỗ đông người và phòng hộ tâm niệm khi ngồi một mình. Lúc ở giữa đại chúng, đừng nên nói nhiều. Khi ở riêng một mình nên đề phòng tâm ích kỷ và vọng tưởng. Nếu làm được như thế thì chẳng bao lâu sự tu hành sẽ được chuyên nhất và thấy rõ chân tâm.
- Thọ khổ thì dứt khổ. Hưởng phước thì hết phước.
- Người chân chánh tu Đạo phải quán xét mọi hành vi, cử chỉ của chính mình. Lúc đi, đứng, nằm, ngồi, chớ rời chánh niệm. Đừng giống như tấm gương, chỉ biết soi mặt người mà không thể tự soi lại bộ mặt thật của mình.
- Nếu còn chấp trước thì đó là tâm người thế tục. Nếu xả chấp thì đó là tâm Đạo.

- Nếu không muốn chết, phải sống như người đã chết, tức là phải giữ tâm đừng để tham lam, sân hận, si mê nổi lên.
- Người học Đạo nhất định phải phát nguyện. Nguyện lực có khả năng thôi thúc chúng ta tiến tu theo Chánh Đạo mà không lạc vào đường tà. Tuy nhiên, phát nguyện mà không hành thì giống như cây có hoa nhưng không đơm trái, thật vô ích !
- Dùng lưỡi để thuyết pháp thì tích lũy công đức. Ngược lại, nếu dùng lưỡi để nói chuyện thị phi thì tạo nghiệp xấu. Thay vì thuyết Pháp mà lại nói những lời thị phi vô nghĩa, chính là tạo 1.200 tội lỗi.
- Đối với kẻ trong người ngoài, già, trẻ, lớn, bé, sang giàu, hèn hạ, người tu Đạo phải nên dùng tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả. Nhờ những tâm hạnh đó mới được cảm ứng.
- Tu Đạo là tu chân thành và thiết thật. Thế nên, có câu: “Tâm thành thì được cảm ứng”.
- Sống trên cõi này, chúng ta phải luôn luôn làm việc lành. Nơi mỗi hơi thở và sức lực, chúng ta đều phải làm việc lành để tích lũy công đức. Trong hiện đời, chớ nên dựa vào

căn lành đã trồng trong những đời tiền kiếp mà tận hưởng hết phước báo.

- Phật có thể chuyển hóa tất cả chúng sanh thành Pháp Khí, nên có câu: “Mượn cái giả để tu việc chân. Túi da hôi thối này chỉ là căn nhà tạm bợ”. Chúng ta trú tại căn nhà này để tu Đạo, nghĩa là mượn “căn nhà” sắc thân giả tạm để tu thành Pháp Thân chân thật.
- Nếu tâm tham lam tràn trề không biết đủ thì tương lai sẽ bị đọa lạc vào địa ngục. Nếu từ sáng đến tối luôn giận dữ với tâm sân hận nặng nề thì sẽ trở thành ngạ quỷ. Nếu tâm ngu si nặng nề, chỉ làm những việc ngu xuẩn thì sẽ trở thành thú vật.
- Khuyết điểm lớn nhất của chúng sanh là tình ái si mê; ngày đêm chúng sanh sống trong tình ái si mê, không thể nào xả bỏ được. Nếu chuyển được tâm háo sắc thành tâm tu học Phật pháp trong từng giây phút mà không lãng quên, thì sẽ mau chóng thành Phật.
- Người chân chánh khai ngộ thì không bao giờ nói mình đã khai ngộ. Các bậc thánh nhân xuất hiện nơi thế gian tuyệt đối không tiết lộ chân tướng. Phàm những kẻ tự xưng là Phật hay Bồ Tát, đều là hạng tà ma.

- Người có đức hạnh không phải do nơi địa vị hay tuổi tác, mà trong những hành vi lại kín đáo và im lặng, khiến tự nhiên hiển lộ phẩm cách đặc thù của họ, làm cho người khác kính nể. Phẩm cách đặc thù này không khiến cho kẻ khác sợ sệt, vì nếu như thế thì họ sẽ lánh xa.
- Mọi người đều có ba tên giặc phiền não trong nội tâm; chúng là tham lam, sân hận, si mê. Chúng ta không cần diệt trừ chúng mà chỉ cần chuyển hóa chúng thành những hạt giống Bồ Đề.

Trì Giới và Nhẫn Nhục.

- Người tu hành phải tu tướng vô ngã; tu đến độ không còn cái Ta. Nếu được như thế thì có thể nhẫn chịu tất cả; cảnh giới nào đến, tâm đều an nhiên bất động và tâm thanh thản giống như hư không.
- Việc thành Phật vốn không phải dễ dàng ! Chưa chặt đứt tâm tham dục mà mong thành Phật thì không bao giờ làm được. Người đời nay đa số đều thích cầu may, đi đường tắt, nên dễ dàng bị những việc huyền ảo lạ kỳ lôi cuốn và bị mê hoặc rồi lạc vào lưới ma.

- Tại sao nói láo ? Vì sợ mình mất quyền lợi và bị thua thiệt.
- Nếu phạm giới dâm dục thì dễ dàng phạm giới giết hại, ăn cắp, và nói láo. Vì vậy, giới dâm dục bao gồm các giới giết hại, trộm cắp, và nói láo.
- Giữ năm giới và làm mười điều lành thì được sanh cõi trời và cõi người. Nếu còn tham lam, sân hận, si mê thì sẽ bị đọa lạc vào ba đường ác.
- Nếu hiểu rõ Giới Luật thì có thể thâm nhập vào Phật pháp. Nếu không hiểu Giới Luật thì giống như mây bay trên nền trời, lơ lửng không có một điểm tựa căn bản.
- Căn bản của Giới Luật chỉ có một điều, chính là giữ tâm không ích kỷ.
- Đối với việc tinh tấn trì Giới, điều chủ yếu là trì Giới ở những nơi không ai thấy. Không phải chỉ tinh tấn trì Giới trước mặt người khác, mà khi ở một mình cũng phải luôn luôn siêng năng tinh tấn nghiêm trì Giới Luật.
- Tu học Phật pháp chính là tu học việc không làm não hại người khác. Là Phật tử, phải nên

ăn chay, vì nếu ăn thịt tức là làm tổn hại sanh mạng của những chúng sanh khác.

- Ăn chay phải chịu thiệt thòi vì không thể hưởng được của ngon vật lạ trong cuộc đời. Tuy nhiên, nếu ăn thịt loài vật thì sau khi chết phải tới địa phủ để thanh toán nợ nần. Tôi thật tâm nói cho quý vị biết: Nếu mọi người không ham “Khoái khẩu”, không tham hưởng thụ, thì sau khi chết sẽ không phải ra tòa !
- Người tu học Phật pháp mà không giữ Giới Luật thì cũng giống như chiếc bình không đáy: Đổ nước vào bao nhiêu thì chảy ra bấy nhiêu. Thế nên, phải nghiêm trì Giới Luật để từ từ đạt đến cảnh giới vô lậu.
- Dẫu tu pháp môn nào, phải có tâm nhẫn nhục thì việc tu hành mới mong thành tựu. Ngược lại, không thể tu hành thành tựu bất cứ pháp môn gì.
- Người xuất gia tu Đạo gì ? Chính là tu Đạo nhẫn nhục.
- Nhẫn là hạt châu vô giá mà người người không biết đào tìm. Nếu biết cách dùng thì mọi việc đều tốt lành.

- Người tu Đạo cần phải nhẫn những gì mà kẻ khác không thể nhẫn, nhường nhịn những gì mà kẻ khác không thể nhường nhịn, ăn mặc những gì mà kẻ khác không thể ăn mặc. Nói chung, phải thọ nhận những gì mà người khác không thể thọ nhận.
- Khi chúng ta tu Đạo, việc quan trọng nhất là **không tranh**; nghĩa là không cùng người khác tranh đua hơn thiệt, hay tranh đua điểm tốt xấu, hoặc tranh luận về việc đúng sai của kẻ khác.
- Dẫu ở hoàn cảnh nào, chúng ta cũng chớ tham lam quá độ. Phải thường biết đủ và nhẫn nhịn. Đó là pháp vi diệu vô thượng mà mọi người lại quên đi ! Vì vậy, nếu **không tranh** và **không tham** thì thọ hưởng phước báo vô biên. Nếu vẫn còn tranh chấp, tham lam, nhiễu loạn, thì nghiệp xấu đến với chúng ta không ít. Dẫu có muốn thoát ra ba cõi, nhưng cũng không có cách gì vượt thoát được.

Tham Thiền và Niệm Phật.

- Tại sao chúng ta không nhận ra cội gốc và khuôn mặt thật của chính mình ? Do vì

chúng ta chưa xả bỏ tâm chấp ngã và tâm ích kỷ của chính mình.

- Tham Thiền tức là quán chiếu. Quán chiếu những điều gì ? Quán chiếu trí huệ Bát Nhã. Trong từng tâm niệm, chúng ta hãy quán chiếu lại chính mình; chớ nên quán chiếu người khác. Phải quán chiếu xem coi tâm có trụ chăng ?
- Người Tham Thiền phải thấu suốt những vấn đề căn bản. Đó là những vấn đề gì ? Tức là thói quen tật xấu của mình. Đả Thiền Thất tức là chúng ta cố gắng dẹp trừ hết mọi tập khí xấu xa và lỗi lầm của chính mình.
- Trong Thiền Đường, mọi người ngồi Tham Thiền. Đó là lúc thử xem ai có thể trúng tuyển quả vị Phật. Làm sao được trúng tuyển ? Cần phải “Bên trong không chấp vào thân tâm, còn bên ngoài thì không thấy thế giới”.
- Nhiều người Tham Thiền thường rơi vào hai lỗi: Trạo cử (tán loạn) và hôn trầm (ngủ gục). Nếu không ngủ gục thì cũng khởi vọng tưởng trong Thiền Đường.
- Khi Tham Thiền, việc quan trọng là phải có tâm nhẫn nhục và tâm bền bỉ. Bí quyết của việc Tham Thiền là nhẫn. Không nhẫn được

cũng cứ cố gắng chịu nhẫn. Nhẫn cho đến cực điểm thì tự nhiên tâm sẽ khai thông, sáng suốt, liễu ngộ.

- Khi Tham Thiền đến lúc chín muồi thì không những hết vọng tưởng mà còn bớt vọng tưởng và phiền não, khiến phẩm cách cao thượng hơn cũng như khí phách được hùng dũng thêm.
- Tại sao tâm chưa tương ứng với Đạo ? Vì tâm cuồng loạn chưa dừng.
- Tham Thiền cần có lòng nhẫn nại, vì đó là vốn liếng của sự khai ngộ.
- Khi Tham Thiền, chúng ta có cơ hội khai ngộ; lúc đó tự tánh sáng ngời sẽ hiện rõ như mùa xuân về trên cõi đất và vạn vật đều sinh sôi nảy nở.
- Người chân chánh Tham Thiền là người chân chánh niệm Phật. Ngược lại, người chân chánh niệm Phật cũng là người Tham Thiền. Kẻ chân chánh trì Giới cũng là kẻ chân chánh Tham Thiền.
- Chân Ngã là gì ? Tức là tự tánh, cũng tức là quả vị Phật. Thành tựu quả vị Phật mới đạt

được chân ngã. Trước khi thành Phật thì tất cả đều là giả.

- Thân tâm ai không nhiễm ô thì người ấy là Phật. Ngược lại thì là chúng sanh. Nhiễm ô là gì ? Nói vắn tắt, nhiễm ô tức là nhìn không thông, xả không được, khởi vọng tưởng trong từng giây phút.
- Dụng công cho đến lúc thành thực rồi thì chúng ta sẽ ăn mà không chấp là mình đang ăn, mặc mà không chấp vào y phục mình đang mặc, còn nói chi đến những vật ngoài thân. Tất cả đều xả bỏ hết.
- Tu hành không chỉ hạn cuộc trong việc Tham Thiền, tụng Kinh mà thôi. Phải tùy thời tùy nơi mà tu hành. Đừng móng tâm phân biệt nhiều. Chớ tranh đấu vì quyền lợi, giành chức lãnh đạo để sai khiến người khác, và cũng chớ nên biểu diễn hay thi thố tài năng trước mặt Thầy mình.
- Tu Đạo quý tại chuyên nhất. Tướng tài do mưu lược chứ không do hùng dũng. Binh lính cần tinh nhuệ chứ không cần nhiều.
- Chân thật niệm Phật là luôn luôn niệm trong từng giây phút; vọng tưởng hay ý nghĩ gì về

ăn uống cũng không có cả; xả bỏ muôn sự chính là chân thật niệm Phật.

- Khi chúng ta niệm Phật, Phật cũng niệm chúng ta, giống như gọi điện tín đến Phật A Di Đà. Đó gọi là cảm ứng đạo giao. Nếu chúng ta không niệm Phật thì Phật không có cách gì tiếp độ chúng ta. Vì vậy, phải thường trì niệm danh hiệu Phật.
- Khi niệm Mật chú, cần phải niệm cho đến lúc Mật chú lưu xuất từ tâm ra và đồng nhập vào tâm. Mật chú và tâm đồng hợp nhất vào một âm thanh mà không thể phân biệt được. Niệm mà không niệm; không niệm mà niệm.
- Khi chúng ta lễ Phật, Phật là vị nhận lễ, còn phước huệ của chúng ta thì được tăng trưởng. Thế nên, lễ Phật là “cảm”; Phật nhận lễ là “ứng”; đó là đạo giao.

Hạnh của Người Xuất Gia.

- Phải bốn người xuất gia trở lên cùng hòa hợp sống chung thì mới gọi là Tăng Đoàn. Đó là “hòa giai cộng trụ (cùng sống hòa hợp với nhau)”, không tranh không chấp. Nơi một

người xuất gia sống đơn độc không thể gọi là Tăng đoàn.

- Không thể muốn pháp xuất thế gian cùng pháp thế gian đồng một lúc. Chân không thể đứng trên hai chiếc thuyền: Một hướng ra Giang Bắc, còn một thì xuôi về Giang Nam.
- Quý vị thường biết rằng chư Đại-đức, Cao-tăng thuở xưa đều ngộ Đạo trong khi tu hành khổ hạnh. Không một vị Tổ-sư nào khai ngộ trong khi hưởng thụ; tìm trong Đại Tạng Kinh không thấy có một vị nào như thế cả.
- Tiêu chuẩn tuyển chọn vị Trụ-trì phải như thế nào ? Điều kiện tiên quyết là phải không có tâm nóng giận, biết dùng tâm ôn hòa đối đãi với người khác, nơi nơi đều có duyên lành với người, không dùng quyền uy mà bức bách kẻ khác, phải có tác phong và tinh thần dân chủ, khiến người người đều cung kính tôn trọng.
- Người xuất gia có thể nhận sự cúng dường, nhưng không được tham cầu sự cúng dường. Có như thế mới xứng đáng là đệ tử chân chánh của đức Phật.
- Hai chúng đệ tử xuất gia, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, không nên tu hành chỉ vì danh vọng

và địa vị, mà cần phải có tinh thần thay thế chúng sanh chịu khổ với tâm bình đẳng cứu giúp họ.

- Người xuất gia nếu không tinh tấn tu Thiền tập Định, tụng Kinh, trì Chú, nghiêm thủ Giới Luật, mà chỉ nương tựa vào Phật hầu có được miếng cơm manh áo thì chắc chắn sẽ bị đọa lạc vào ba đường ác.

“Tinh lực dồi dào thì không cảm thấy lạnh.

Khí lực sung túc thì không cảm thấy đói.

Thần lực đầy đủ thì không cảm thấy mệt”.

Tinh, khí, thần là ba báu vật mà người xuất gia phải cần tu trì.

- Người xuất gia phải làm gương cho những kẻ tại gia; nếu không nêu được gương tốt thì người tại gia sẽ không khởi tâm tin tưởng thâm sâu, và không thể gieo ảnh hưởng gì với họ cả. Thế nên, làm người xuất gia thì phải có hình tướng của người xuất gia.
- Người xuất gia phải có chánh tri chánh kiến, bằng không thì nhất định sẽ đi lạc vào đường ma, rồi bị năm mươi ấm ma lôi kéo đi. Người xuất gia phải cùng nhau làm việc; không

được tự mình làm việc khác lạ và muốn làm gì thì làm.

- “Chuyên nhất thì linh. Phân tán thì chướng ngại”. Chuyên nhất về việc gì ? Tức là chuyên nhất đoạn trừ dục vọng và tham ái, bằng không thì dẫu có xuất gia tu Đạo đến tám mươi bốn ngàn kiếp đi nữa cũng vẫn không đạt thành tựu. Vì vậy, đây là điều rất trọng yếu.
- Phải luôn luôn tu Đạo bồi Đức. Khi đức tánh đã được tròn đầy và hạnh tu đã được viên mãn thì chúng ta mới xứng đáng là người xuất gia.
- Người xuất gia phải lấy việc hoằng dương Chánh Pháp làm sự nghiệp vì đó là bốn phận và trách nhiệm. Thế nên, trong từng tâm niệm, chúng ta phải luôn luôn hoằng dương Chánh Pháp. Ngoài ra, nơi mọi hành động và cử chỉ đều thuyết Pháp cho chúng sanh.
- Phật pháp được người Phật tử xiển hưng và nhất là được truyền thừa dựa vào chư Tăng. Tuy nhiên, phải lấy giới luật làm nền tảng căn bản. Nếu người Phật tử xuất gia hay tại gia không trì giới thì Phật pháp sẽ bị suy vi.

- Người xuất gia phải làm đúng theo bốn phận của mình. Nếu đã xuất gia tu hành thì trên căn bản không thể tham cầu sự cúng dường, danh lợi, hoặc dùng thủ đoạn để dụ dỗ và lôi cuốn tín đồ. Dầu họ là người hộ pháp hay không, vẫn phải đối xử bình đẳng.

Nhân Quả, Sám Hối, và Chuyển Hóa.

- “Không thể cầm nắm được nghiệp”. Chúng ta bị nghiệp dẫn dắt nên sanh ra ở thế gian này để trả nghiệp báo đời tiền kiếp của mình. Trong quá khứ, chúng ta tạo những nghiệp khác nhau, nên hôm nay thọ nhận những quả báo khác biệt. Vì vậy có câu: “Lưới nghiệp vây bủa chẳng chịt”.

“Nhất thiết thị khảo nghiệm

Khán nhi thậm ma biện

Địch diện nhược bất thức

Tu tái tùng đầu luyện.

Tạm dịch:

Tất cả đều khảo nghiệm

Xem coi ta làm gì

Trước mặt chưa nhận ra

Phải bắt đầu trở lại”.

- Chữ “Nhục (Thịt)” trong tiếng Tàu gồm có một kẻ bị ăn và một kẻ đang ăn. Kẻ đang ăn thì ở phía ngoài và vẫn còn làm người. Kẻ bị ăn thì đã biến thành loài vật. Kẻ đang ăn và kẻ bị ăn có mối liên hệ oán thù với nhau mà không thể hóa giải được; họ cứ giết hại lẫn nhau từ đời này sang đời nọ.
- Nếu thực sự muốn giải độc cho thế giới thì mọi người phải ăn chay, chớ nên ăn thịt.
- Người xưa nói: “Người quân tử tự tạo mạng”. Những người đạo đức, quân tử chân chánh có thể sửa đổi vận mạng của họ vì họ vượt thoát được số mạng. Tại sao không có những điềm lành ? Vì tâm niệm xấu xa. Trồng nhân xấu thì đương nhiên phải gặt quả xấu. Nếu có thể sửa đổi tâm tánh, làm lành tránh ác, thì điềm lành sẽ đến và xa lìa điềm xấu.
- Tập khí xấu xa khó trừ bỏ được. Tuy nhiên, nếu xả bỏ được thì thật là người có Định-lực.
- “Người thấy lỗi chúng ta là Thầy của chúng ta”. Người nói ra lỗi của chúng ta chính là bậc Thiệt-tri-thức. Vì thế, chúng ta phải nên cảm ơn, chớ sanh tâm oán thù.

- Tâm cung kính có thể chuyển hóa tâm chấp nê thành tâm dịu dàng, hiền từ.
- Lễ Phật tức là lễ tự tánh Phật; nghĩa là lễ vị Phật trong tự tánh của mình. Tương lai sẽ thành Phật tức là tự tánh mình sẽ thành Phật.
- Tại sao chúng ta có nghiệp ma ? Vì trong đời quá khứ không chịu nghe lời dạy bảo và khuyên răn của các vị Thiện-tri-thức, cứ mãi chạy theo vọng tưởng, tạo bao nghiệp xấu. Thế nên, đời này thường bị nghiệp ma ràng buộc, khiến cho mọi việc đều không được vừa ý và mãn nguyện.
- Tâm tư và hành vi của con người luôn luôn thay đổi theo ngày tháng. Làm thế nào chúng ta không biết rằng chúng ta sẽ thay đổi tôn giáo ? Có thể tin theo tín ngưỡng này trong đời hiện tại, nhưng không chắc chắn rằng chúng ta sẽ tin theo tín ngưỡng đó trong đời vị lai. Nếu có ai chưa tin tưởng Phật pháp, chớ thất vọng. Tất cả chỉ tùy thuộc vào thời gian và nhân duyên. Họ có thể chưa tin tưởng Phật pháp hôm nay, nhưng có thể vào ngày mai sẽ tin tưởng. Quý vị có thể nói: “Nếu họ chưa tin tưởng Phật pháp đời này, tôi sẽ đợi họ đến đời sau. Nếu đời sau họ vẫn chưa tin tưởng Phật pháp, tôi sẽ đợi họ đến

đời kế. Nếu họ chưa tin tưởng trong đại kiếp này, tôi sẽ đợi họ sang đại kiếp sau. Nếu sau khi một đại kiếp đã trôi qua mà họ chưa tin tưởng Phật pháp, tôi sẽ đợi thêm một đại kiếp kế. Trong những lúc đó, sẽ có ngày họ tin tưởng Phật pháp”.

- Hiện tại là thời đại thông tin, nên Phật giáo bước vào thiên niên kỷ mới. Chúng ta muốn hợp nhất tất cả tôn giáo vào trong đạo Phật. Do đó, trước hết người Phật tử chúng ta phải học cách cảm thông với nhau. Chúng ta chớ có chấp vào Đại Thừa hay Tiểu Thừa mà phải học hỏi lẫn nhau. Những gì chưa từng biết đến, chúng ta phải đi học hỏi nơi người khác. Dẫu người khác có học hỏi gì nơi chúng ta hay không, chớ bận tâm.

Quy Y Tam Bảo.

- Sau khi đã quy y Tam Bảo, chớ tạo thêm nghiệp xấu mà phải làm tất cả điều lành. Tôi tuyệt đối chịu trách nhiệm tất cả nghiệp xấu mà mọi người đã tạo trong quá khứ vì tôi chưa có thể giáo hóa quý vị được. Lẽ ra quý vị phải bị đọa địa ngục vì nghiệp xấu đã tạo trong quá khứ, nhưng tôi bảo đảm rằng quý

vị sẽ không bị đọa lạc. Lẽ ra quý vị sẽ bị tái sanh làm loài ngạ quỷ vì nghiệp xấu đã tạo xưa kia, nhưng nhờ quý vị tự sám hối sửa đổi lỗi lầm, nên tôi sẵn sàng thay thế quý vị đọa làm loài ngạ quỷ để chịu hình phạt. Lẽ ra quý vị sẽ bị đọa làm súc sanh vì nghiệp xấu xa xưa, nhưng hiện nay quý vị tránh làm việc xấu và thường hành việc lành, nên tôi sẵn sàng thay thế quý vị làm loài súc sanh. Dẫu nghiệp xấu gì quý vị đã tạo, tôi sẵn sàng gánh chịu hết cho quý vị.

- Chớ nghe theo tôi. Hãy lắng nghe lại trí huệ của chính mình. Hy vọng những người đệ tử của tôi có đầy đủ trí huệ mà không bị mê tín.
- Đối với những ai đã từng thọ tam quy y và năm giới với tôi, tất cả đều là thịt thà máu huyết của tôi. Dẫu thân phần nào của tôi bị cắt đứt, tôi đều đau nhức. Dẫu máu huyết trên thân chảy ra nơi nào, nguồn khí lực của tôi đều bị tổn thương. Do đó, quý vị phải đoàn kết với nhau. Để giúp cho Phật giáo được phát triển mạnh mẽ, quý vị phải chịu đựng thua thiệt và những lời mắng chửi mà những người khác không thể chịu nổi. Phải mở rộng tâm lượng và hành vi phải chân chánh. Nếu không làm việc chân chánh thì

chư Phật và chư Bồ Tát sẽ biết rõ; quý vị không thể lừa dối được các ngài. Mọi người phải tự kiểm nghiệm và tinh tấn sửa đổi lỗi lầm đã tạo tác trong quá khứ. Chân thật nhìn nhận những việc làm điên đảo và những hành vi bất chánh đáng của mình. Phải sống ngay thẳng chân thật. Phải hoàn toàn quên mình để hy sinh làm việc cho Phật pháp và xã hội. Trên thế gian, trong mỗi hội đoàn và cộng đồng đều có những sự phức tạp cùng những điều gay cấn. Tại chùa Vạn Phật Thành, chùa Kim Sơn, chùa Kim Luân và tất cả những chi nhánh khác thuộc Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới, chúng ta phải cải thiện những điều đó. Dĩ nhiên, chúng ta không thể làm hoàn mãn ngay lập tức, nhưng phải thay đổi từng bước cho đến khi đạt tới nơi hoàn mãn nhất, triệt để nhất, rốt ráo nhất. Từ đó, chúng ta mới có thể duy trì được những hành vi lương thiện để giúp cho Phật pháp được phát triển và xiển dương. Mọi người đệ tử của tôi phải gánh vác lấy trách nhiệm đó và suy nghĩ: “Nếu đạo Phật chưa được xiển dương, đó do vì tôi chưa hoàn thành trọng trách của mình”. Chớ đổ gánh nặng lên vai những người khác. Nếu mọi người đều suy nghĩ theo cách đó thì trong tương lai chắc

chấn đạo Phật sẽ được phát triển và lan tràn khắp nơi trên thế giới.

Giáo Dục.

- Hiện tại mọi người đi học chỉ vì danh lợi. Cách phát âm hai chữ Minh Lý và Danh Lợi trong tiếng Tàu gần giống nhau, nhưng ý nghĩa thì lại khác xa đến tám mươi bốn ngàn dặm !
- Trẻ em như mầm non đang lớn; cành cây mọc ra um tùm cần phải được cắt tỉa thì tương lai mới trở thành vật liệu hữu ích được.
- Này các bạn trẻ ! Các bạn có biết căn bản làm người là gì không ? Đó là tám đức tánh hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ.
- Tại sao hiện nay trên thế giới đầy dẫy những tội lỗi do thanh thiếu niên gây ra ? Vì những bậc cha mẹ chỉ lo sanh con chứ không lo chăm sóc, dạy dỗ.
- Tâm tham của chúng ta là cái hố không đáy; nó cao hơn trời, dày hơn đất, sâu hơn biển cả, nên mãi mãi không thể lấp đầy.
- Người không đạo đức mới thật là kẻ nghèo cùng.

- Nếu có người đến cầu Pháp, tôi sẽ bảo người ấy nên ăn ít, mặc ít, ngủ ít một chút, vì lý do: “Mặc ít thì tăng phước. Ăn ít thì tăng thọ. Ngủ ít thì tăng lộc”.
- Con người sống không phải vì miếng ăn mà sống để làm lợi ích cho xã hội, ban phước đức cho nhân dân, và hỗ trợ cho thế gian. Người người phải: “Thay Trời đem lòng từ bi giáo hóa chúng sanh. Một lòng trung thành vì nước, cứu dân”.
- Suốt cuộc đời, tôi không bao giờ bận rộn vì mình và cũng không bao giờ để ý đến bọ chét thúi này.
- Tại sao thế giới ngày càng băng hoại ? Vì ai ai cũng tranh danh, tranh lợi, tranh quyền, tranh địa vị, và nghiêm trọng nhất là tranh sắc dục.
- Tôi muốn xin quý vị món quà lớn; đó là tánh nóng giận, ngu si, phiền não, và những tâm sân hận của quý vị.
- Thiên tai không phải là thiên nhiên gây tai nạn hay thiên nhiên gặp họa nạn, mà chính là tai họa nhân loại chúng ta phải gánh chịu. Những tai họa đó chính do chúng ta tự tạo ra rồi tự chuốc lấy.

- Muốn phát triển Phật giáo, chúng ta phải bắt đầu từ đâu ? Theo ý tôi, trước nhất phải bắt đầu từ nền giáo dục. Nếu bắt đầu với giáo dục thì trẻ em sẽ hiểu rõ Phật giáo. Đến khi khôn lớn, tự nhiên các em sẽ giúp cho Phật giáo được phát triển rộng rãi.
- Làm việc ma tức là ma. Làm việc người tức là người. Làm việc Phật tức là Phật.
- Hiện tại, tôi đang ở xứ Mỹ. Tôi hy vọng dân chúng xứ này đều y theo luật pháp và thay đổi những tập tục xấu xa... Nếu hành theo luật pháp thì sẽ làm công dân tốt. Nếu dân chúng trong một quốc gia đều là công dân tốt thì họ cũng là công dân tốt của toàn thế giới.
- Một trong những mục tiêu của nền giáo dục là tuyển chọn nhân tài. Nhân tài là những ai ? Là những người có trí huệ thông minh. Đối với những người chậm hiểu, chúng ta phải cố gắng giúp họ khai mở trí huệ. Đó là mục đích chính.
- Tôi muốn cống hiến một nền giáo dục không những nối tiếp huệ mạng của chư Phật mà cũng nối tiếp huệ mạng của chúng sanh.
- Đã hàm thụ nền giáo dục lành mạnh, sau khi ra trường, học sinh sẽ biết cách hành xử

trong xã hội. Chúng sẽ có khả năng tạo ảnh hưởng tốt để thay đổi tập quán trong xã hội.

- Nhân loại gần đi đến chỗ diệt vong ! Điều này không do thiên tai hoạn nạn mà do con người đã từ từ quên dần nền luân lý đạo đức.
- Tạo lỗi lầm trong sự giáo dục nghiêm trọng hơn bịnh ung thư và nạn bom nguyên tử. Nền giáo dục bất chánh sẽ vô hình chung giết chết thế hệ trẻ và khiến cho họ đánh mất đi bản chất làm người, quên đi tâm linh, và không màng đến sanh mạng.
- Con gái phải đợi đến hai mươi tuổi mới được có bạn trai. Con trai phải đợi đến hai mươi lăm tuổi mới có bạn gái. Bằng cách đó, thanh thiếu niên sẽ không bị hại. Nếu có bạn trai hay bạn gái quá sớm, thì các em sẽ không thể trở thành người học sinh giỏi và công dân gương mẫu. Các em phải làm người tốt và học trò giỏi để có khả năng làm việc lành trong tương lai. Nếu gặt mạ sớm trước khi chính mùa thì đó chỉ là đám mạ vô ích. Trong tương lai, nếu con người phát triển tình dục sớm, thì thế hệ sau sẽ tệ hại hơn thế hệ trước.

- Trẻ em ở nước này xem tivi quá nhiều. Kết quả, trước tuổi mười bảy mười tám, chúng đã biết hẹn hò. Điều này thật tai hại vô cùng ! Chúng ta sẽ không có những nhân tài trong tương lai, vì đa số những người đó sẽ là người đần độn.
- Phải dạy trẻ em những nề nếp giáo dục căn bản như không tranh, không tham, không tìm cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo, không uống rượu, không hút chích, không tà dâm. Nếu làm được như thế thì vẫn còn hy vọng để thay đổi nền giáo dục... Thật ra, nền quốc phòng căn bản nhất và triệt để nhất chính là nền giáo dục. Nếu nền giáo dục không đúng đắn thì dẫu có vũ khí quốc phòng gì cũng là vô ích... Nền giáo dục của đạo Phật là sự giáo dục cứu vớt con người bảo tồn chân tánh, tâm linh, và sanh mạng. Chúng ta đi khắp nơi đánh thức con người và thúc giục họ cải tiến nền giáo dục, kéo thế hệ trẻ tránh khỏi bờ vực tiêu vong, và xoay chuyển mối nguy hiểm diệt vong của nhân loại ở các quốc gia và trên toàn thế giới.
- Tất cả sự giáo dục không thể tách rời từ chữ hiếu. Tách rời hiếu hạnh ra thì không còn nền giáo dục. Trong trời đất có vô số bài học,

nhưng thực sự chỉ có một bài học “Hiếu hạnh”. Bài học này bao trùm tất cả sự học hỏi. Học hoàn mãn bài học này thì những bài học khác cũng sẽ được hoàn tất.

- Tất cả thầy cô giáo phải làm gương cho học sinh qua hành động của mình. Phải ngay thẳng, chân thực, tự trọng, và truyền đạt trí huệ cùng niềm hy vọng đến cho thế hệ sau. Chớ nên tranh đấu hay biểu tình để thêm lương.
- Tất cả mọi người đều là thầy của tôi và tôi đều là thầy của tất cả mọi người. Tôi luôn luôn tự dạy mình, và mình tự làm thầy cho chính mình.
- Học hỏi không có bắt đầu hay chấm dứt. Không có lễ tựu trường đầu niên học, ngày nghỉ lễ, ngày ra trường.
- Dẫu ở nơi nào, tất cả đều là trường học. Không có nơi nào mà không phải là nơi học hỏi. Không có phút giây nào là lúc mà không học hỏi.

Đạo Phật và Phật Pháp.

- Tông chỉ của Phật giáo là mọi người ai ai cũng có thể thành Phật.
- Chúng sanh trong hiện tại là cha mẹ của chúng ta thuở quá khứ và là chư Phật trong tương lai. Nếu đối với chúng sanh mà khởi tâm sân hận tức là sân hận với cha mẹ và chư Phật, nghĩa là trở thành đứa con bất hiếu, ngỗ nghịch.
- Tôi gọi đạo Phật là đạo của chúng sanh, vì ai ai cũng là chúng sanh và không thể chạy ra khỏi hư không hay Pháp giới. Thế nên, đạo Phật là đạo học của tất cả chúng sanh.
- Tôi cũng gọi đạo Phật là đạo của con người, vì tất cả mọi người đều có tư cách thành Phật. Chỉ cần tu hành chuyên nhất thì cuối cùng chắc chắn ai ai cũng sẽ thành Phật.
- Tôi lại gọi đạo Phật là đạo của tâm, vì mọi người đều có tâm. Tu hành tức là dẹp trừ vọng tâm và giữ chân tâm; có vọng tâm thì làm phàm phu; có chân tâm thì làm Phật.
- Dâm dục là nguồn gốc của sanh tử. Nếu không đoạn trừ dâm dục thì muốn sanh lên cõi trời cũng không được, huống hồ là muốn chứng đạo Bồ Đề vô thượng ? Vì vậy, nếu

muốn tu pháp Thiên-định Tam Ma Đề, trước hết phải vượt qua cửa ải này.

- Muốn phát tâm Bồ Đề, nhất định phải nghe và học Phật pháp cho nhiều. Khi hiểu rõ Phật pháp rồi thì tự nhiên sẽ phát tâm Bồ Đề.
- Đạo Phật bao trùm khắp hư không, Pháp giới. Tất cả chúng sanh đều có đủ Phật tánh và đều có thể thành Phật. Hiện tại, nếu quý vị chưa tin tưởng Phật pháp thì tương lai sẽ tin tưởng. Nếu trong tương lai quý vị vẫn chưa tin tưởng Phật pháp thì trong kiếp sau sẽ tin tưởng. Không những nhất định quý vị sẽ tin tưởng Phật pháp mà chắc chắn cũng sẽ thành Phật !
- Chú Thủ Lăng Nghiêm là vua trong các bài Chú và cũng là bài Chú dài nhất. Bài Chú này rất quan trọng đối với sự thịnh suy của Phật giáo. Trên thế giới, nếu còn người trì tụng chú Thủ Lăng Nghiêm thì Chánh Pháp sẽ còn tồn tại, bằng ngược lại thì là Mạt Pháp. Chú Thủ Lăng Nghiêm là thần chú do hóa thân của đức Như Lai từ ánh sáng trên đỉnh đức Phật tuyên thuyết. Thế nên, diệu dụng không thể nghĩ bàn; mỗi chữ đều hàm chứa biết bao diệu dụng thâm sâu.

- Thời Mạt Pháp, tất cả Thiên ma ngoại đạo, ly, my, vọng, lường, yêu quái núi sông, v.v... sợ nhất là thần chú Thủ Lăng Nghiêm, vì đây là thần chú phá tà hiển chánh”.
- Thời Chánh Pháp, người người đều muốn tu hành. Ngược lại, vào thời Mạt Pháp, ai ai cũng không muốn tu hành. Nếu mọi người đều tu hành thì đời Mạt Pháp chuyển thành đời Chánh Pháp.
- Phật pháp là gì ? Nói vắn tắt, Phật pháp nghĩa là chìa khóa. Hiện tại tôi đang giảng Kinh, tức là giảng về chiếc chìa khóa này. Hôm nay thuyết Pháp, nghĩa là thuyết về chiếc chìa khóa này. Đây là chìa khóa trí huệ mở tung ống khóa vô minh.
- Phật pháp vẫn còn tại thế gian. Nếu chúng ta có thể dũng mãnh vượt ra khỏi dòng thác điên đảo, phát tâm Bồ Đề rộng lớn, chí thành khẩn thiết mà tu trì Phật pháp, thì vẫn còn có cơ hội thoát khỏi thế giới Ta Bà. Bằng ngược lại, chúng ta cứ mãi xoay chuyển trong sáu đường không ngừng nghỉ, và vĩnh viễn không thể thoát khỏi bao nạn khổ trong cõi này.

“Phật pháp vị tăng tự diệt

Đạo đức ứng tu nhân bất tu

Lão thật chân thành triệu vật cơ
 Hư ngụy giáo hoạt thọ bao ưu
 Cử thế ngũ trước thanh thậm tiên
 Chúng sanh tam túy tình vô thu
 Bàn cần ký ngữ tăng thanh bối
 Triển hưng ngô giáo tại tỳ kheo.

Tạm dịch:

Phật pháp chưa từng tự diệt mất
 Đạo đức nên tu, người chẳng tu
 Thành tâm chân thật bị người cười
 Hư ngụy gian trá được khen ngợi
 Đời năm trước người thanh tịnh hiếm
 Chúng sanh say tình chưa hề chán
 Đòi lời khuyên nhủ Tăng hậu bối
 Triển hưng Chánh Giáo nơi Tỳ Kheo”.

Hiện nay Phật giáo tại Tây Phương mới vừa phát triển. Chớ khiến Chánh Pháp của Phật giáo ở nơi đây trở thành thời Mạt Pháp. Nhất định phải hỗ trợ Chánh Pháp thường trụ lại thế gian; nghĩa là gì ? Nếu chân thật tu hành, không

háo danh lợi hư giả và tham sự cúng dường thì Chánh pháp sẽ trụ lại thế gian mãi mãi. Nếu mỗi người xuất gia đều trì giới không giữ tiền, thường ngồi tọa thiền, mỗi ngày dùng một buổi, luôn luôn đắp y ca sa, và nghiêm thủ giới luật thì Chánh Pháp sẽ trụ lại thế gian mãi mãi. Điều này cũng có nghĩa là thực tiễn hành trì theo lời Phật dạy. Nếu muốn hỗ trợ Phật giáo, chính mình phải hoằng dương Phật pháp; dùng thân làm gương mẫu cho người; chú ý vào bốn oai nghi như đi, đứng, nằm, ngồi; nghiêm trì năm giới; dùng bốn tâm vô lượng như từ, bi, hỷ, xả để cứu độ chúng sanh. Lại nữa, phải dùng sáu tông chỉ chính như không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo để làm tiêu chuẩn mực thước cho ngôn hạnh. Nếu y theo những pháp tắc đó mà tu hành thì dầu ở nơi nào quý vị cũng đều hoằng dương Phật pháp, và không để đời mạt pháp xuất hiện.

Trí Huệ.

- Chí công vô tư là Chánh Pháp. Ích kỷ, tự lợi là tà pháp.
- Làm thế nào để diệt trừ tâm sân hận do vô minh sai khiến ? Phải tu pháp môn Nhẫn

Nhục Ba La Mật; nghĩa là tuyệt đối không nên khởi tâm nóng giận, vì đây là điều rất quan trọng. Nếu không khởi tâm nóng giận thì sẽ phát sinh trí huệ.

- Đòi Mật Pháp, người người đều phạm một lỗi lầm chung là quá cao ngạo; nghĩa là lấy tai thay mắt; nghe có điều gì hay thì liền chạy đuổi theo.
- Chúng ta, những người tin Phật pháp, chớ nên lạc vào lưới mê tín. Mê tín là gì ? Là tin bậy, tin cuồng, tin một cách mê muội, như tin tưởng ngay những lời người khác vừa nói.
- Tại sao chúng sanh lại mê lầm điên đảo ? Vì nhận lầm vô minh là ông chủ và tống khứ trí huệ đi mất. Vô minh đưa ra mệnh lệnh: “Cho việc đúng là sai; cho việc trái là phải”.
- Từ trong Thiền định, hãy gạt lọc tâm tư, trừ bớt tham dục, để giúp trí huệ nảy sanh.
- Những ai thường thích khởi tâm nóng giận đa số là những kẻ ngu si, vô minh nặng nề, không trưởng dưỡng chút công phu nào.
- Vọng niệm là tâm niệm hư dối không chân thật. Kẻ thường khởi vọng tưởng điên đảo chính là kẻ tuy biết rõ việc đó không đúng,

nhưng vẫn cố làm, rồi xảo quyết biện luận cho là đúng.

- Nếu quý vị thường hồi quang phản chiếu (xoay lại ánh sáng tự tâm), thấy rõ tự tánh, khiến phát sanh trí huệ Bát Nhã, thì đó là tạo công. Ứng dụng trí huệ Bát Nhã mọi nơi mọi chốn, xoay chuyển biến hóa không cùng tận, nhưng không nhiễm trước, không tạo những việc bất tịnh, thì đó là tạo đức.
- Thật ra, trí huệ Bát Nhã của kẻ ngu và người trí vốn không khác biệt. Có sai khác là kẻ ngu thì không biết dùng trí huệ, còn người trí thì biết vận dụng nó.
- Nếu không chấp trước trong ngoài thì “đến” và “đi” đều được thông dong tự tại, cũng như biết được mình từ đâu đến và sẽ đi về đâu. “Đến” có thể nói là trở về; nghĩa là trở về lại chân tâm. “Đi” tức là đi đến Pháp giới.
- Nếu quý vị chấp trước vào việc “có đến, có đi” thì sẽ bị chướng ngại, mất tự do.
- Nếu có “trí” thì tâm của quý vị sẽ giống như ánh mặt trời; nếu có “huệ” thì tâm sẽ tựa như vàng trắng.

- Hy vọng được khai ngộ hoặc hy vọng được thành Phật đều là những vọng tưởng điên rồ. Mọi người phải nhớ: “Chỉ cầu tu hành mà không cầu những hy vọng hão huyền”.
- Nếu Bồ Tát có thần thông mà không thị hiện thì có thần thông để làm gì ? Bồ Tát dùng thần thông để giáo hóa chúng sanh như dựng cây để thấy hình, khiến họ sanh lòng tín ngưỡng. Thế nên, được lợi ích hai chiều. Đó là pháp môn phương tiện thiện xảo.
- Quý vị hãy chú ý ! Ma cũng hiện thần thông, khiến những kẻ tham cầu thần thông và không có Định lực sa vào chạm bẫy, bỏ mất Đạo nghiệp, để trở thành quyến thuộc của ma. Thế nên, ai ai cũng phải đặc biệt chú ý cẩn thận.
- Người nào muốn có thần thông thì trước hết phải xả bỏ muôn sự, chuyên tâm tham Thiền tĩnh tọa. Đến khi công phu chín mùi thì tự nhiên có thần thông. Thần thông không phải là việc có thể tìm cầu ở bên ngoài, mà chỉ có được khi nội tâm chúng ta đã chứng đắc.
- “Nhìn thấu suốt, xả bỏ, tự tại”. Nhìn thấu suốt tức là hiểu vấn đề một cách rõ ràng. Xả

bỏ tức là giải thoát. Chỉ khi đạt được giải thoát rồi mới có được sự tự tại chân chánh.

- Học Phật pháp thì cần phải dùng trí huệ chứ không thể dùng tình cảm. Dùng trí huệ để tu học Phật pháp thì đó là sống trong đời Chánh Pháp. Dùng tình cảm tu học Phật pháp thì đó là sống trong thời Mạt Pháp.
- Nhiều người nghĩ rằng đời người là sung sướng. Thật ra, những sự vui sướng ấy đều là giả dối. Niềm vui chân thật phải được tìm từ tự tánh, chứ không phải đến từ bên ngoài.

Gia Phong của chùa Vạn Phật Thành.

- Chùa Vạn Phật Thành có 6 tông chỉ chính để làm mục đích tu hành, bao gồm: Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo. Nếu hiểu rõ được chân nghĩa của sáu tông chỉ chính đó thì việc quý vị đến chùa Vạn Phật Thành không uổng công.
- Sáu tông chỉ chính đó vốn là sáu con đường sáng ngời, sáu loại trí huệ, sáu chày hàng phục ma quân, và sáu tấm kính chiếu yêu quái.

- Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo là đạo lý căn bản làm người, là nền tảng của sự tu hành, và là tiêu chuẩn cho chánh trị.
- Bước đầu tu học Phật pháp chính là không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo. Nếu nhớ rõ sáu tông chỉ chính đó, thì có thừa khả năng thành Phật.
- Tôi giảng về sáu tông chỉ chính cho những ai muốn thành Phật, muốn thành Bồ Tát, muốn thành Thanh Văn, A La Hán. Đó là những tông chỉ rất quan trọng. Nếu thực sự hành theo thì đâu có dùng suốt đời cũng không hết !
- Nếu muốn làm người Phật tử chân chánh, nhất định phải không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo. Ngay từ thuở nhỏ, tôi đã từng y theo sáu con đường sáng: Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo. Đâu là việc gì, nếu người khác thích thì tôi không thích. Nếu người khác không thích thì tôi lại thích. Đó là cách của tôi. Quý vị có thể hành được không ? Nếu

hành được thì tôi chúc mừng quý vị đã làm một Phật tử tốt.

- Sự tu hành chân chánh là không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo. Nếu giữ chắc được sáu tông chỉ chính đó thì quý vị mới là người Phật tử chân chánh. Nếu không muốn bước đi trên sáu con đường lớn đó, e rằng quý vị khó làm những điều lợi ích cho Phật pháp.
- Sao gọi là Giới Luật ? Giới Luật chính là: Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo. Chớ tìm kiếm Giới Luật trong Luật Tạng. Những giới luật này ai ai cũng có khả năng hành được.
- Điểm trọng yếu của Phật pháp là gì ? Chính là không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo. Ngày ngày, hãy dùng sáu tông chỉ chính để đo lường hành vi của mình. Nếu chưa đúng tiêu chuẩn, phải lập tức sửa đổi. Khi không còn lỗi lầm và chỉ có công đức thì mới được xem là người Phật tử. Đó là những tông chỉ chính của chùa Vạn Phật Thành mà tôi hy vọng mọi người nên tuân thủ, để được khai ngộ và thành Phật.

- Nếu muốn tu học trí huệ chân chánh, việc đầu tiên là phải đoạn trừ ái dục. Làm thế nào để đoạn trừ ái dục ? Phải đoạn trừ bằng cách: Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo. Sáu tông chỉ chính là pháp bảo đoạn trừ ái dục và khiến đạt được trí huệ chân chánh.
- Sao gọi là tà kiến ? Nếu tranh đua, tham lam, mong cầu, ích kỷ, tự lợi, và thường nói láo thì là tà kiến.
- Đã từng tu học Phật pháp qua bao thập niên mà vẫn còn tâm tham tiền của, cầu danh cầu lợi ! Không ngừng tham lam và tranh đua. Đó chỉ vì không hiểu cách tu học Phật pháp, bằng không thì đâu có thích chúng.
- Trong việc tu Đạo, nhất định phải: Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo. Chỉ khi đó mới có chánh tri chánh kiến và có khả năng tu đạo. Nếu không tu sáu tông chỉ chính đó mà lại bảo rằng là người tu hành, thì là điều cần gỡ.
- Nếu có tâm tranh đua, tham lam, cầu danh lợi, ích kỷ tự lợi, không nói lời chân thật, tuyên truyền quảng cáo để người khác sùng bái, thì nên biết người đó bị lạc vào cảnh ma.

- Nếu không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo, thì Chánh Pháp trụ lại thế gian.
- Mục tiêu chính của chúng ta là dừng mọi hoạt động của tâm tranh đua, tham lam, mong cầu, ích kỷ, tự lợi, và nói láo. Lúc đó, trí huệ hiện trước mặt, phóng ánh hào quang chiếu tan màng vô minh tăm tối, và khả dĩ thấy tâm rõ tánh, cũng như đạt đến mục đích tu hành.
- Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo được xem là chân tâm. Khi dụng tâm chân thật thì sẽ dẹp trừ được mọi nghiệp chướng. Nếu tâm không chân chánh thì nghiệp chướng luôn bén theo gót.
- Nếu cẩn thận tôn thủ giới không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo thì mười phương chư Phật thường đến gia trì, hộ niệm, và ban phước lành cho quý vị.
- Làm thế nào để tránh phiền não ? Phương thức thật đơn giản là không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo. Nếu làm được như thế thì sẽ

ngăn hết mọi hữu lậu và hàng phục được phiền não.

- Tại sao vẫn chưa được tự tại vô ngại ? Chỉ vì vẫn còn tâm tranh đua, tham lam, mong cầu, ích kỷ, tự lợi, nói láo, nên chưa được tự tại.
- Nền khoa học chân chánh là gì ? Không tranh đua là khoa học. Không tham lam là khoa học. Không mong cầu là khoa học. Không ích kỷ là khoa học. Không tự lợi là khoa học. Không nói láo là khoa học.
- Những ai làm công tác phiên dịch kinh điển nhất định phải hành phù hợp với sáu con đường sáng lớn: Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo.
- Nếu muốn quốc gia thái bình an lạc, nhất định phải dùng sáu tông chỉ chính, hay sáu tiêu chuẩn chính. Đó là những phương pháp tốt nhất để chuyển dòng vận mạng.
- Nếu muốn hỗ trợ thế gian, việc trước nhất phải: Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo. Phải tự làm gương tốt cho người khác noi theo. Nhờ cách đó mà thế giới sẽ ngày một được hòa bình an lạc.

- Dẫu là ngành nghề nào, tông nào, phái nào, tôn giáo nào, nếu tận lực mang lại lợi ích cho người khác mà không tự lợi, thì đó là chân chánh. Nói rõ hơn, nếu người nào biểu diễn giúp kẻ khác trên bề mặt, nhưng lại hy vọng đạt được vài điều như dẫu không tham tiền tài mà lại tham sắc dục, dẫu không tham sắc dục mà lại tham danh vọng lợi lạc, thì đó là người giả dối.
- Tôi đã giải thích cho quý vị bằng cách này và cách nọ, nhưng chỉ là việc cũ thôi. Đạo lý tuy bình thường nhưng quý vị khó lòng thực hành được. Nếu đã hành được thì đã thành Phật từ lâu rồi. Nếu quý vị thật sự hành theo sáu tông chỉ chính đó và nếu không thành Phật thì tôi nguyện sẽ ở mãi trong địa ngục không bao giờ ra. Tôi bảo đảm chắc thật với quý vị rằng những ai tu hành theo sáu tông chỉ chính đó, trong tương lai nhất định sẽ thành Phật.

Không Tranh.

- Nếu không tranh hơn thua, quý vị sẽ không giết hại. Gây nghiệp giết hại chỉ vì tâm tranh đua tác quái. Khi bắt đầu tranh hơn thua, quý

vị có thái độ “tránh ra khỏi chỗ này, bằng không thì sẽ chết”. Con người giết hại lẫn nhau nhiều vô kể cũng chỉ vì tâm niệm đó.

- Đối với người tu hành, phải cẩn trọng mà không tranh đua với người. Chớ nên tranh hùng tranh bá. Chớ nên có tâm nóng giận, Nếu được như thế thì sẽ chặt đứt đường A Tu La.
- Tại sao con người không sống hòa bình với nhau trên thế giới ? Bởi vì họ tranh đua và cướp đoạt lẫn nhau, chứ không bao giờ biết nhường nhịn lẫn nhau. Do đó, chiến tranh bộc phát, tạo thành bi kịch nước mất nhà tan.
- Lý do ma trở thành ma là vì chúng có tâm ganh đua giành hạng nhất. Có câu: “Do có tâm thắng bại nên mới tranh hơn thua. Điều này trái ngược với đạo lý; nếu khởi bốn tướng (nhân, ngã, chúng sanh, thọ giả), thì làm sao đắc thiên định tam muội ?” Khi không tranh được làm bậc nhất, ma liền khởi tâm sân hận, ganh ghét, đố kỵ, chướng ngại. Bất cứ ai có những tâm niệm hay hành vi đó chính là ma và không bao giờ có thể thành Phật.

- Người tu hành không tranh hơn thua với thế nhân. Mọi người đều cùng nhau dụng công tu đạo. Nếu có ai dụng công tu đạo thì người đó cũng giống như mình đang hành vậy. Suy nghĩ như thế thì sẽ không có tâm niệm tranh làm người giỏi nhất.
- Nếu không tồn giữ tâm niệm tranh đua thì sẽ đoạn tuyệt sự qua lại với loài A Tu La. Nếu không tham lam thì sẽ đoạn tuyệt việc qua lại với loài súc sanh.
- Chúng ta không nên tranh hơn thua với người. Dẫu quý vị có tranh hơn thua, tôi vẫn không tranh. Dẫu có bị quý vị chửi mắng, tôi vẫn không chửi lại. Dẫu bị quý vị đánh đập, tôi vẫn không đánh lại. Dẫu bị quý vị bức hiếp bắt nạt, tôi vẫn không bức hiếp bắt nạt lại quý vị. Đây là tông chỉ nhất quán ở Vạn Phật Thành.

Không Tham Lam.

- Nếu không tham lam thì sẽ không ăn cắp. Tại sao muốn đi ăn cắp vật của người ? Chỉ vì tham lam. Nếu không tham lam, dẫu người khác có cho vật gì, quý vị cũng không màng

đến. Thế nên, để tránh gieo nghiệp trộm cắp quý vị phải dẹp trừ tâm tham.

- Người Phật tử phải chịu đựng đói khát, nóng lạnh. Nếu được như thế thì sẽ tương ứng với Phật pháp. Chớ tham ăn ngon, mặc đồ đẹp, hay sống nơi sang trọng. Chớ tham hưởng thụ. Thọ khổ thì hết khổ. Hưởng phước thì hết phước.
- Chớ nên tham cầu danh vọng hão huyền. Trong từng hành động cử chỉ, phải luôn luôn tiến bước đến chân lý. Đó mới là đặc tánh của người Phật tử chân chánh.
- Người Phật tử chúng ta phải có trạch pháp nhãn. Chớ nên tham mặc cả hay cầu cảm ứng. Chớ dùng tâm tham lam mà cầu học Phật pháp. Hôm nay nghe người này nói Hiền-tông hay thì muốn học Hiền giáo. Ngày mai nghe người khác nói Mật-tông tốt, lại đi đến đó học. Tu học suốt cuộc đời mà không giữ vững lập trường, chuyên tâm nhất ý, thủ trì chữ “Nhất (mật)”, nên cuối cùng lãng phí cả cuộc đời.
- Phải xem sự tu hành như bốn phận mà không tham cầu. Chẳng bao lâu, công đức tự

nhiên tròn đầy và quả Bồ Đề cũng tự nhiên thành tựu.

- Phải dụng công tu hành tự nhiên. Chớ tham lam và cầu hỏi có được công xảo hay hiệu quả gì chẳng. Chớ khởi tưởng gì cả. Chỉ việc tiến bước dụng công và sửa đổi tập khí mỗi ngày.
- Dẫn tu hành pháp môn gì: Niệm Phật, trì chú, học giáo lý, trì giới luật, tham Thiền, v.v..., đều không nên tham cầu mau chứng đắc. Nếu muốn như thế, thì đó là một dạng của tâm tham. Một khi có tâm tham thì sẽ làm chướng ngại cho trí huệ linh cảm, tự tánh sáng suốt, vì chúng không có tâm tham. Có tâm tham cũng giống như bụi dính tấm gương. Người tu hành nhất định phải hiểu rõ điều này. Chớ tham lam nhiều; chớ tham mặc cả.
- Kẻ có tâm tham không bao giờ được an lạc. Ngược lại sẽ có niềm vui. Do đó, phải ngừng tâm tham.
- Có bao nhiêu người chỉ vì khởi tâm tham mà thân bại danh liệt ! Có bao nhiêu người vì tâm tham đó mà khiến cho nước mất nhà tan

! Tâm tham này hại biết bao người, nên phải cẩn trọng đề phòng.

- Tại sao bị cảnh chuyển ? Chỉ vì có tâm háo kỳ. Tâm háo kỳ là một dạng của tâm tham.
- Một khi tâm tham nổi lên rồi thì tham lam không chán. Dầu là tiền tài hay vật chất, lúc đó quý vị luôn cảm thấy không đủ. Càng tham nhiều chừng nào thì càng cảm thấy không thỏa mãn chừng ấy. Càng chưa thỏa mãn thì lại càng tham nhiều thêm. Tham lam cho đến già mà vẫn chưa thức tỉnh, để rồi bị lòng tham đó hại cả cuộc đời. Đến lúc chết, quý vị vẫn cảm thấy là chưa đạt được điều gì và vẫn còn hối tiếc. Thật đáng thương thay ! Tông chỉ chính thứ hai ở Vạn Phật Thành là không tham lam tiền tài, lợi lộc, hoặc danh vọng. Nói chung, không nên tham lam bất cứ điều gì. Mỗi cá nhân chỉ nên giữ bốn phạm hoàng dương Phật pháp, nối tiếp huệ mạng của chư Phật.
- Tôi có tập tánh kỳ quái. Những gì người khác muốn thì tôi lại không muốn. Những gì người khác tham cầu, tôi lại không tham cầu. Những gì người khác thích, tôi lại không thích.

Không Mong Cầu.

- Nếu không mong cầu, thì không có tâm niệm tà dâm. Tâm niệm tà dâm nổi lên chỉ vì còn mong cầu. Con gái tìm bạn trai. Con trai tìm bạn gái. Không những đi tìm, họ còn “truy cầu” như thể không có việc gì quan trọng hơn. Nếu không có tâm mong cầu thì làm sao có tâm tà dâm ? Thanh nam tú nữ có gì là tốt ? Tất cả chỉ là bọc da hôi chứa thịt thúi. Chúng có đáng để tham đắm không ? Nếu không mong cầu thì không phạm giới tà dâm.
- Dẫu dụng công gì, chúng ta vẫn chưa cùng đạo tương ưng; tựu chung, chúng ta chưa bước lên đường lộ được. Tại sao ? Bởi vì chúng ta vẫn còn “vọng tâm” hư vọng giả dối. Chúng ta nhắm đến mục đích quá cao xa và thường cầu danh trục lợi; đó là những vọng tâm.
- Ra ngoài tìm cầu niềm vui từ sáng đến tối. Nếu tầm cầu được thì chỉ là niềm vui tạm bợ. Nếu không tầm cầu được thì sẽ có bao phiền não. Lòng tham không chán. Hy vọng đạt được, rồi lại lo lắng sợ mất khi đã đạt được. Đó là niềm vui giả dối. Niềm vui chân thật không đến từ sự tìm cầu. “Đạt đến nơi không mong cầu thì không còn ưu phiền”. Nếu

không còn mong cầu thì chính là niềm vui chân thật và niềm an lạc chân thật của tự tánh.

- Mong cầu gần giống như tham lam. Tham lam thì trừu tượng và vô hình. Mong cầu có nghĩa là thật sự ra ngoài phan duyên cầu cạnh bằng cách dùng mưu mô thủ đoạn. Mong cầu những gì ? Mong cầu tiền tài vật chất. Nói chung, mong cầu tất cả sự lợi lộc. Ở Vạn Phật Thành, chúng ta hướng vào trong tâm mà tìm cầu, chứ không hướng ngoại. Chúng ta tìm bên trong tâm để quét sạch mọi vọng tưởng, tánh hoang, tâm cuồng, đố kỵ, chướng ngại, tham, sân, si, v.v... Chúng ta không đánh phấn thoa son bên ngoài mà chỉ trang nghiêm và thanh tịnh hóa bên trong tâm niệm. Có câu: “Người tu hành đạt đến nơi không còn tâm mong cầu thì phẩm cách tự nhiên cao thượng”. Khi không mong cầu bất cứ việc gì từ người khác, phẩm cách của chúng ta tự nhiên cao quý thanh tịnh, không còn những vọng niệm cấu bẩn.

Không Ích Kỳ.

- Nếu không ích kỷ thì không nói láo. Vì sợ mất lợi nên con người thường nói láo. Do lòng ích kỷ tràn ngập, họ lường gạt và nói láo với hy vọng che dấu bộ mặt thật.
- Trên căn bản, chỉ có một điều giới: Không ích kỷ. Nếu ai ích kỷ, chính họ đã phạm giới, bằng ngược lại thì không phạm. Cũng như thế, nếu ai ích kỷ, họ sẽ phạm luật pháp, và ngược lại thì không phạm.
- Tâm chân chánh chính là tâm không ích kỷ, bằng ngược lại thì là tâm tà vạy.
- Tại sao chúng ta không nhận ra bộ mặt thật xưa nay của mình (bản lai diện mục) ? Bởi vì chúng ta chưa trừ được “ngã tướng” và “tâm ích kỷ”. Nếu không có “ngã tướng” và “tâm ích kỷ” thì chúng ta sẽ nhận diện bộ mặt thật của mình xưa nay.
- Người thế gian luôn luôn bận rộn, chạy đôn chạy đáo. Động cơ của họ xuất phát từ tâm ích kỷ. Họ chỉ muốn bảo vệ tánh mạng và tài sản riêng tư. Ngược lại, Phật pháp là giáo pháp chí công vô tư, với mục đích mang lại sự lợi ích cho mọi người.
- Lúc tu đạo, phải “xoay chuyển trở lại”; nghĩa là gì ? Tức là “ban cho người điều tốt và giữ

điều xấu cho mình”. Chúng ta xả bỏ tiểu ngã để hoàn thành đại ngã.

- Kẻ xấu xa là hạng người gì ? Đó là hạng người ích kỷ, tự lợi, và quên nghĩa khi thấy lợi lạc.
- Tại sao con người trên thế giới thối đọa đến mức độ này ? Vì ai ai cũng quá ích kỷ. Đối với những việc mang lại lợi ích cá nhân, họ sẽ tranh làm trước nhất. Ngược lại, nếu những việc gì không mang lại lợi ích cá nhân, họ sẽ khoanh tay đứng một bên mà nhìn, hoặc nói những lời chế nhạo mỉa mai với thái độ đứng nơi an toàn mà nhìn đám lửa cháy rực ngập trời. Có rất nhiều loại ích kỷ như ích kỷ về địa vị, ích kỷ về danh dự, ích kỷ về quyền lợi, ích kỷ về tiền bạc. Nói rõ hơn, nếu ai chỉ lo cho chính mình mà không màng đến người khác, chỉ vì tâm ích kỷ của họ hiện hành. Có câu: “Đại Bồ Tát không lo cho người. Phật Di Đà chỉ lo cho mình”. Đó là cách suy nghĩ của những người Tiểu Thừa. Nhà Nho cũng có câu: “Mỗi người tự quét tuyết trước cửa nhà, chớ màng băng đóng trên ngói nhà của người khác”. Đó là thái độ chẳng màng gì đến việc của người khác. Sống trên thế gian, con người phải giúp đỡ lẫn nhau. Đó là lý do tại sao chúng ta phải đề xướng tư tưởng Đại Thừa và

học theo tinh thần Bồ Tát như nghe có chúng sanh khổ nơi nào thì đến nơi đó để cứu độ họ. Chúng ta chớ nên vui sướng hả hê về những vận xấu của người khác. Nếu người thế gian không ích kỷ, thì ai ai cũng sống hòa thuận với nhau như một đại gia đình. Tuy nhiên, do tâm ích kỷ, chúng ta tạo biết bao vấn đề với nhau. Do đó, không ích kỷ là tông chỉ chính thứ tư ở Vạn Phật Thành.

Không Tự Lợi.

- Nếu không tự lợi thì không phạm giới uống rượu. Tại sao con người thích uống rượu. Vì họ muốn phá thân và làm rối loạn tâm tánh của mình, tự tạo mê muội đến độ tưởng mình như ông trời hay tiên thánh đang hưởng thú vui trên cõi trời. Một khi say sưa, họ tùy tiện chửi mắng người và tăng trưởng lửa dâm dục. Có vài người uống rượu vì muốn kích thích khí huyết. Sau khi uống xong, họ quên đi tất cả. Uống rượu say sưa cũng giống như nghiện thuốc phiện. Tất cả chỉ vì muốn tự lợi nên họ mới uống rượu.
- Tông chỉ này còn quan trọng hơn tông chỉ thứ tư “Không Ích Kỳ”. Chẳng có ai mà không

muốn tự lợi. Tuy nhiên, con người phải tự kiềm chế việc mong cầu tự lợi để thế giới được tốt hơn. Không tự lợi nghĩa là quên mình mà làm việc lợi ích cho người khác. Đó là “quên mình vì người”. Đó cũng là tinh thần của chư Bồ Tát. Bồ Tát tự làm lợi cho mình và cũng mang lại lợi ích cho người; tự độ mình và cũng độ người; tự giác ngộ và cũng giúp người giác ngộ như mình. Chúng ta không nên tự lợi, mà chỉ làm lợi ích cho người, cứu độ người, và giúp người giác ngộ.

- Khi có khả năng, chúng ta nên mau chóng làm lợi ích cho người. Có câu: “Trao dồi đất tâm và trồng dưỡng đức tánh trong trời đất”. Nếu thường làm lợi ích cho người, thì chẳng bao lâu chính mình sẽ có đức hạnh. Nếu luôn luôn cầu mong người khác làm lợi cho mình mà tự không làm lợi cho người, hoặc nếu luôn tìm cách mặc cả và nuôi dưỡng tâm ý lại, thì chúng ta thật là nhu nhược.
- Nếu có khả năng làm lợi ích cho người và khiến họ vui vẻ, dẫu đi đến đâu, ai ai cũng cảm mến gương tốt của mình.
- Khi học sinh bắt đầu học cách làm người, chúng ta phải dạy chúng rằng chớ huân tập

tâm ích kỷ và chớ chú trọng về tiền tài. Người xưa học tập chỉ vì muốn hiểu đạo lý. Người đời nay học tập chỉ vì danh lợi do muốn danh thơm lợi nhiều. Tại sao ? Vì trường học dạy học sinh theo những phương pháp sai lầm. Do đó, thế giới ngày một thối đạo.

- Người thường nghĩ cách làm lợi ích chúng sanh chính là Bồ Tát. Kẻ thường nghĩ tư lợi chính là quý ma. Bồ Tát chỉ biết có người khác mà không biết đến mình. Quý ma chỉ biết có mình mà không màng đến người khác. Bồ Tát và quý ma đối ngược với nhau.

Không Nói Láo.

- Nghĩa là không có chủ tâm lường gạt người khác. Tại sao con người lại nói láo ? Vì họ sợ mất đi sự lợi lạc cá nhân, nên mới nói láo. Nếu thường dùng chân tâm để đối đãi với người, chúng ta tự nhiên sẽ giữ được giới không nói láo.
- Một khi không nói năng thì thôi, chứ đã nói rồi thì phải luôn nói những lời chân thật. Chớ bao giờ nói những lời lường gạt người khác. Dẫu trong bất cứ hoàn cảnh nào, chúng ta

cũng phải nói những lời chân thật và giữ miệng nói láo từng giờ từng khắc.

- Mọi người phải nên nói những lời chân thật. Dẫu bị đánh đập, mắng chửi, cũng cứ nói những điều chân thật mà không sợ sệt. Xin thưa với quý vị rằng tôi là người ngay thẳng. Tôi là người lập mạng ngay thẳng trung trực và không mong cầu những điều xiểm khúc quanh co. Có ai muốn phạt tôi thì cứ phạt, chẳng sao đâu. Nếu bị hành hạ, tôi vẫn nói những lời chân thật và cũng không oán trách ai, vì nghĩ điều đó rất đáng để nói. Trong sự tu hành, tôi không bắt người khác nhất định phải tin những gì tôi nói ra. Tôi chỉ tận tâm cố gắng nói lời chân thật dẫu họ có tin tưởng hay không.
- Tại sao người tu hành không tiến bộ trên bước đường tu đạo ? Vì họ nói láo quá nhiều. Khi nói láo một lời, hàng trăm vọng tưởng nói láo khởi lên.
- Nếu nói láo, dẫu tụng chú gì hay đọc kinh gì cũng vẫn không linh nghiệm. Nếu muốn tụng chú niệm kinh được cảm ứng hay thành tựu, điều tiên quyết là chớ nên nói láo. Phải luôn nói lời chân thật ngay thẳng mà không nói láo hay nói những lời thêu dệt.

- Tại sao giới “Không nói láo” được đặt trong sáu tông chỉ chính ? Vì để nhấn mạnh thêm. Nếu phạm một trong năm tông chỉ bên trên, quý vị sẽ nói láo, còn ngược lại thì không phạm. Do đó, không nói láo là giới điều căn bản cho người tu học Phật pháp.
- Tôi không bao giờ nói láo dẫu ở nơi nào. Tôi cố gắng làm người chân thật; nói và làm những điều chân thật, chứ không dùng thủ đoạn để đối xử với người và giải quyết sự việc. Nếu muốn nói điều gì, tôi vẫn cứ nói cho dẫu ở đâu mà không sợ người khác phiền lòng. Nếu có việc mà tôi không muốn nói, dẫu ở nơi đâu, tuyệt đối tôi sẽ không nói láo hay lường gạt người khác.

Sáu tông chỉ chính đó vốn là biệt danh của năm giới. Thật ra, ai ai cũng đã từng nghe qua và hiểu rõ, nhưng ít ai chịu hành trì thực tiễn. Đó là lý do tại sao tôi lại nhắc nhở mọi người rằng: Không tranh nghĩa là không giết hại; không tham nghĩa là không ăn cắp; không tìm cầu nghĩa là không tà dâm; không ích kỷ nghĩa là không nói láo; không tự lợi nghĩa là không uống rượu.

Ba Đại Tông Chỉ.

Tông chỉ nhất quán của Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới là:

Dù rét chết, không phan duyên.

Dù đói chết, không xin xỏ.

Dù nghèo chết, không cầu cạnh.

Tùy duyên không đổi, không đổi tùy duyên.

Chúng ta phải giữ gìn ba đại tông chỉ ấy.

Xả mạng vì Phật sự.

Tạo mạng vì bốn sự.

Chánh mạng vì Tăng sự.

Hiếu sự rõ lý, hiếu lý rõ sự.

Tấn hành nhất phái tâm truyền của Tổ Sư.

Bàn về sự tu hành, tôi cảm thấy rằng người xuất gia không nên: 1/ Đi vòng vòng mà phan duyên với những người giàu sang quyền quý; 2/ thường thường ra ngoài hóa duyên xin xỏ; 3/ việc gì cũng cầu cạnh người khác giúp đỡ.

“Dù rét chết, không phan duyên”: Câu này miêu tả suốt cuộc đời tu hành của tôi. Khi còn ở vùng Đông Bắc (Mãn Châu, Trung Quốc), dẫu là mùa

đông hay mùa hè, tôi luôn mặc ba lớp áo; một lớp ở bên trong, cộng với lớp trên là một tấm y rách nát với nhiều miếng vải vá chồng lên chiếc y cũ kỹ. Lúc đó tôi có cảm thấy lạnh không? Dĩ nhiên là có. Tuy nhiên, tại sao tôi lại kiên trì hành như thế? Vì tôi muốn hành theo phương châm: “Dù rét chết, không phan duyên”.

“Dù đói chết, không xin xỏ”. Lúc còn tu hành ở động Quán Âm trên núi Phù Dung tại Hồng Kông, có lần trong suốt hai tuần lễ tôi nhịn đói vì không có thức ăn gì cả. Lúc đó, tôi ngồi thiền trong động và chuẩn bị nhịn ăn mà chết. Đương thời, dưới núi có ông cư sĩ Lao Khoan Thánh với biệt danh là “Bốn Địa Pháp Sư (Thầy pháp địa phương)”. Bồ Tát Vi Đà ba lần báo mộng cho ông ta: “Ở động Quán Âm có một vị pháp sư hiệu là An Từ. Ông nên đến đó để cúng dường”. Do đó, ngày hôm sau, vị cư sĩ này mang hơn ba mươi cân gạo và bảy mươi đồng để cúng dường tôi. Ba bốn tháng trước đó, ông bị chó cắn chân. Các thầy thuốc và bác sĩ Đông-y lẫn Tây-y tuy chữa trị cho ông ta nhưng vết thương đó vẫn chưa lành trong suốt mấy tháng trường, khiến họ đều bó tay thúc thủ. Bồ Tát Vi Đà thích xen vào chuyện của người khác, nên báo mộng, báo ông ta: “Hãy đem đồ đến cúng dường cho vị

Pháp Sư ở động Quán Âm thì bình chân sẽ được lành”. Do tin tưởng điềm báo mộng đó, nên ông ta đem gạo và tiền đến cúng dường. Bấy giờ, ở trong động, tôi đang chuẩn bị chết mà chưa từng nói với người nào: “Xin hãy thương hại tôi. Đã qua bao ngày mà tôi chưa ăn miếng cơm nào”. Đó là phương châm: “Dù đói chết, không xin xỏ”.

“Dù nghèo chết, không cầu cạnh”. Vào lúc đến chùa Nam Hoa ở Quảng Đông để thân cận đại lão hòa thượng Hư Vân, trong mình tôi không có một đồng xu dính túi. Ngay cả tiền gởi thư cũng không có. Tuy nhiên, tôi chưa từng cầu cạnh với người cư sĩ nào cả. Do đó, ba đại tông chỉ này của tôi đều có lai lịch, chứ chẳng phải là lời nguyện trống rỗng. Khi mua nhà thương để làm chùa Vạn Phật Thành, ai ai cũng thấy đó là nơi quá lớn và sợ rằng tôi sẽ cầu cạnh, nên họ bỏ chạy lánh xa. Dầu như thế, tôi không bao giờ than vãn sự khó khăn đó cho bất cứ một ai. Khi làm việc, tôi không cầu mong được đền bù và tuyệt đối không cầu mong người khác giúp đỡ, mà chỉ để mũi trên đá mài và tự làm lưng cực nhọc.

“Xả mạng vì Phật sự”: Nghĩa là không màng gì đến sanh mạng của mình; không ngừng xả bỏ

thân mạng, mồ hôi, nước mắt để làm việc Phật sự. Là người Phật tử và đã xuất gia, chúng ta không thể ngồi nhìn Phật giáo suy tàn và chịu sự khinh khi của người khác. Vì muốn Phật giáo được phát triển mạnh mẽ, dầu có hy sinh tánh mạng, chúng ta cũng không màng. Chúng ta muốn dùng Chánh Pháp để cứu độ con người sống trong thế giới áp bức xấu xa này, cũng như muốn giúp chúng sanh sống trong cảnh hòa bình an lạc.

“Tạo mạng vì bốn sự”. Người xưa có câu: “Người quân tử học cách tạo mạng. Mạng do Ta tạo lập; phước do Ta tự tìm cầu. Họa và phước bất định và tự mình chiêu cảm lấy”. Tuy là phàm phu, nhưng chúng ta cũng có thể chuyển mình thành Thánh nhân.

“Chánh mạng vì Tăng sự”: Đây là bàn về việc người xuất gia phải nghiêm thủ giới luật của Phật chế định. Điển hình, đắp y ca sa là tiêu chuẩn đặc thù của người xuất gia. Nếu không đắp y ca sa thì không có đức tướng tỳ kheo. Lại nữa, thọ trai mỗi ngày một buổi chính do đức Phật chế định. Tiết chế vấn đề ăn uống khiến cho tâm tham dục được giảm bớt. Có bớt tham dục thì mới dễ dàng tu đạo. Thế nên, chớ ăn những thức ăn có quá nhiều chất bổ. Đó là quy

ché ở Vạn Phật Thành. Tuy chưa được hoàn bị cho lắm, nhưng hy vọng mọi người sẽ cố gắng hết sức để tự trao dồi đức hạnh.

“Hiếu sự rõ lý, hiếu lý rõ sự” là nguyên tắc hành sự của chúng ta.

“Tấn hành nhất mạch tâm truyền của Tổ Sư”: Mọi người đều phải tu hành chân thật và thành tâm. Chúng ta chớ có nói quá nhiều. Hành vi của chúng ta chớ có vượt quá lời nói. Nếu có lòng tự tín, thì người khác nhất định sẽ theo bước của chúng ta. Đó là cách mà chúng ta hoàn thành bốn phận của người xuất gia. Phật giáo cũng nhờ đó mà được chấn hưng, và đời Mạt Pháp sẽ tự nhiên được chuyển thành Chánh Pháp.

Ba y, một bình bát, và tọa cụ không bao giờ rời thân mình. Mỗi ngày dùng một buổi là gia phong của chúng ta.

Khi tu hành, chúng ta phải giữ chặt tông chỉ của mình mà không bao giờ xao lãng. Lúc tu học Phật pháp, chúng ta cũng phải giữ vững tông chỉ của mình vì đó là mục tiêu chính yếu. Một khi đã nhận rõ mục tiêu rồi, chúng ta phải dũng mãnh tiến bước, chớ bao giờ thoái lui. Bàn về vấn đề này, nhớ lại vào lúc vừa mới xuất gia,

tôi suy nghĩ: “Người xuất gia thì nhiều. Vậy tất cả có hiểu Phật pháp chăng ? Mỗi vị có định đặt mục tiêu của mình chăng ?” Khi xem xét vấn đề này, tôi nhận thấy rất nhiều người xuất gia không có ý muốn tu hành và chấm dứt dòng sanh tử. Thật vậy, họ không có mục tiêu gì cả, mà chỉ sống qua ngày qua tháng “Ăn và chờ chết”. Những người xuất gia như thế không làm được điều gì lợi ích cho đạo, chỉ khiến Phật giáo mang thêm gánh nặng, phiền lụy.

Tôi lại nhận thấy Phật tử người Hoa không nhận thức được căn bản Phật pháp là gì. Đức Phật giảng kinh thuyết pháp vì muốn người đời sau hiểu rõ giáo pháp của Ngài. Làm thế nào người Phật tử phát dương Phật giáo ? Suy nghĩ đến đây, tôi nhận thấy Phật giáo ở Trung Quốc chưa bao giờ thật sự có nền móng căn bản vững chắc, nên không thể đứng vững khi đối đầu với những điều thử thách và áp bức. Tại sao Phật giáo chưa có nền móng căn bản ? Vì chưa nhận thức được nền tảng căn bản của đạo Phật. Nền tảng đó là gì ? Chính là giáo dục. Nền giáo dục phải bắt đầu từ bậc nhi đồng. Phải vun trồng và tưới nước tri kiến, trí huệ, và tư tưởng của Phật pháp cho chúng. Nếu được như thế, việc tối thiểu là đứa bé sẽ được nuôi nấng và dạy dỗ để

trở thành một người chân thiện mỹ và công dân tốt cho thế giới. Khi tư tưởng có nền tảng căn bản và hành vi có mục tiêu rõ ràng, thì chúng mới khả dĩ hỗ trợ Phật giáo được phát dương rộng rãi. Bằng cách đó, giáo nghĩa căn bản của đạo Phật sẽ không bao giờ bị phai mờ.

“Con người có khả năng hoằng dương đạo pháp, chứ đạo pháp không thể hoằng dương con người”. Làm thế nào chúng ta có khả năng hoằng dương đạo pháp ? Chỉ khi nào có mục tiêu và tông chỉ, thì chúng ta mới y theo đó mà hành. Đối với nền Phật giáo Trung Quốc không cội gốc, một nền Phật giáo không có gốc rễ lẫn thân cây, mà chỉ có cành lá. Phật giáo Trung Quốc bao gồm những nghi lễ Thủy Lục Không, Phóng Diệm Khẩu, cầu siêu độ vong linh. Đó là hình trạng bề ngoài của nền Phật giáo Trung Quốc. Không ai chịu nghĩ rằng cứ theo đà đó thì sẽ tạo một giai cấp du dân vô nghề nghiệp, chỉ trở thành người Phật tử xuất gia để đi ăn xin. Thật đáng chán thay ! Những gì họ biết chỉ là việc làm lễ cầu siêu độ vong linh để kiếm tiền. Làm những lễ nghi đó, nếu là vị tăng có đức hạnh, quý vị không cần phải tụng kinh niệm chú, mà chỉ việc nói: “Hãy vãng sanh đi”, thì vong linh sẽ được vãng sanh sang cõi Tây

Phương Cực Lạc. Tuy nhiên, nếu không có đức độ và nếu không cần trọng trong mọi hành vi, thì quý vị có năng lực gì để cứu độ người khác? Thật ra, quý vị chỉ mang nợ tín chủ thêm thôi. Xa hơn nữa, ở Trung Quốc quy chế của người xuất gia do Phật định đặt không còn được tuân theo.

Điển hình, trong mọi ngày, chư tăng người Hoa không ai đắp y ca sa. Tại sao họ lại không đắp y? Nếu quý vị hỏi han, họ sẽ không biết rõ tại sao lại chẳng đắp y. Thật ra, theo giới tướng, Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ny phải luôn luôn đắp y ca sa và mỗi ngày thọ trai một buổi. Tuy nhiên, họ đã quên bưng những điều này. Vì quên đến độ chạy xa một trăm tám mươi ngàn dặm, nên họ không biết gì về ý nghĩa chân chánh của việc đắp y ca sa và mỗi ngày chỉ dùng một buổi ngộ. Không một Phật tử người Hoa nào hiểu rõ điều này. Có thể có một hoặc hai người xuất gia vẫn còn đắp y ca sa và dùng ngộ. Một lần nữa, có thể không có một người nào như thế trong số hàng trăm ngàn người xuất gia. Quý vị có thể bảo rằng những người giữ được như thế thật hiếm hoi giống như lông phượng hay sừng lân. Nếu hỏi về đức tướng tỳ kheo như thế nào, hầu hết những người xuất gia đều không biết gì cả. Ngày nay, ở

Trung Quốc và những nước theo Phật giáo Đại Thừa, người xuất gia đều không đắp y ca sa. Họ cảm thấy điều này rất tự nhiên mà đâu biết rằng nếu không đắp y ca sa thì không còn đức tướng tỳ kheo.

Họ nói: “Vâng ! Phật giáo Đại Thừa là đạo của Bồ Tát. Bồ Tát không đắp y ca sa vẫn là Bồ Tát”. Tuy nhiên, Bồ Tát vẫn phải đắp y ca sa vì cần trang nghiêm đức tướng. Hãy xem đức tướng của Bồ Tát Quán Âm, Phổ Hiền, Văn Thù, Địa Tạng. Các ngài đều đắp những phẩm vật để trang nghiêm đức tướng. Tuy là những tướng hư giả, nhưng đó là pháp biểu trưng trang nghiêm các cõi Phật ! Mọi người tu đạo và người xuất gia phải tuân thủ theo quy chế giới luật. Chớ nên đại dột lê bước hay có những hành vi điên cuồng. Quý vị bảo: “Nhưng Hoà Thượng Chí Công thật sự rất điên khùng !” Ngài Chí Công giả dạng như thế vì muốn khiến người khác bố thí thức ăn cho những kẻ khùng điên. Nghĩa là Ngài muốn dạy người cư sĩ chớ nên khinh khi chửi mắng những người mất trí. Giữa những kẻ mất trí, có vài vị dùng phương tiện để thị hiện; các ngài đến giáo hóa chúng sanh bằng cách che dấu hành trạng chân thật.

Tại sao chư tăng Bắc Tông không đắp y ca sa ? Khi Phật giáo Đại Thừa truyền sang những vùng phía bắc, vì không chịu nổi thời tiết quá lạnh rét ở những nơi đó nếu chỉ đắp y ca sa, nên họ phải mặc thêm đồ ấm bên trong thân. Những đồ ấm đó có thể giúp thân tránh bị lạnh rét. Tuy nhiên, khi được đắp lên những đồ ấm đó, y ca sa dễ dàng bị tuột rớt. Khi đạo Phật vừa được truyền sang Trung Quốc, có lẽ những vị tỳ kheo vào những thời đó không được lạnh lợi cho lắm. Do vụng về, có lẽ họ đôi lúc họ cũng đánh mất y ca sa. Một khi bị mất y và vì không có tiền để may cái mới, nên họ phải đi xin xỏ khiến cho cư sĩ sợ sệt mà lánh xa. Về sau, người xuất gia hợp với nhau, bảo: “Cứ giữ theo cách này thì không thể được. Y ca sa của chúng ta thường tuột rớt, còn may thêm một chiếc y mới thật rất khó khăn. Đa phần người Tàu sống rất cần kiệm. May lại y ca sa mới thật rất đắt. Nếu đánh mất y ca sa thì là một vấn đề nan giải”. Khi đó, trong cuộc họp có một vị “Tổ Sư” không được thông minh cho lắm đưa ra ý kiến: “Tôi có cách giải quyết vấn đề ! Chúng ta có thể may lên y ca sa một cái móc và một chiếc vòng rồi móc chúng lại với nhau để y không còn bị rơi”. Đó là cách phát minh y ca sa kiểu Tàu. Kể từ đó, người xuất gia cứ may y ca sa theo cách ấy. Y ca sa xưa kia

vốn không có cái móc và chiếc vòng, mà chỉ do người Tàu chế đặt ra. Quý vị có thể nhìn thấy chư tăng Ấn Độ đắp y ca sa mà không có cái móc và chiếc vòng; họ chỉ đắp y theo truyền thống Nam Tông. Từ việc này, chúng ta biết rằng khi đạo Phật được truyền sang một vùng đất mới, có nhiều sự thay đổi do phong tục tập quán của dân chúng địa phương,

Tuy nhiên, ở Trung Quốc, sau khi đã sửa đổi, người xuất gia lại thói bước, rồi ngưng luôn việc đắp y ca sa. Lý do là vì hầu hết chư tăng người Tàu phải tự túc trồng trọt sinh sống. Khi làm việc, thật rất bất tiện nếu vẫn đắp y. Vì vậy, họ giải y ra và chỉ mặc đồ thường phục. Họ để y ca sa sang một bên. Tuy nhiên, thời gian sau, dẫu không làm việc họ cũng chẳng đắp y ca sa. Có vài vị vẫn còn giữ truyền thống và đắp y khi vào chánh điện hay dùng ngộ. Song, theo truyền thống hiện tại, không ai còn đắp y ca sa vào lúc dùng ngộ hay lên chánh điện. Thật vậy, người xuất gia ở Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Việt Nam và ở mọi nơi thuộc Phật giáo Bắc Tông đều chỉ mặc chiếc áo tràng và cho đó là y phục của người xuất gia. Đây là điều sai lầm lớn lao ! Nếu người xuất gia không đắp y ca sa thì cũng giống như đã hoàn tục, vì không khác gì người

thế tục. Mặc áo tràng không đủ chứng minh rằng mình là người xuất gia. Dẫu có đắp y suốt ngày, cũng vẫn phạm giới và luôn luôn không tự chân thật, thì còn nói gì đến việc không đắp y !

Do đó, thật sự không còn Phật giáo ở Trung Quốc và bất cứ nơi nào mà “đạo Phật” được truyền từ Trung Quốc sang. Tất cả đều đánh mất gương mặt thật của đạo Phật. Khi xem xét vấn đề này, tôi muốn sửa đổi phong tục này ở Trung Quốc. Song, tôi nhận biết mình chỉ là người tầm thường với lời nói vô giá trị. Tôi không có địa vị gì cả và chẳng ai thèm nghe tôi. Dẫu có hét khan cổ họng, không một ai tin tôi. Do đó, tôi phát nguyện rằng sẽ canh tân, chỉnh đốn và giúp Phật giáo được chấn hưng lại ở Tây Phương hầu mong mọi người sẽ nhận chân được đạo Phật là gì.

Vì thế, vừa đến Mỹ, tôi đơn thân độc mã đề xướng việc đắp y ca sa và mỗi ngày chỉ dùng một buổi ngọ. Vì người Mỹ thường thích hưởng thụ và phương tiện hóa, nên họ không ưa gì khi bị bảo phải đắp y ca sa. Tuy nhiên, vì ở xứ Mỹ ít người xuất gia đắp y, nên tôi có thể đề xướng việc đắp y. Tôi cũng khởi xướng việc mỗi ngày chỉ dùng một buổi ngọ, vì ngay lúc còn cư sĩ chưa xuất gia, tôi chỉ dùng một buổi ngọ. Đã bao

năm trường kể từ lúc xuất gia cho đến nay, tôi luôn luôn ăn một ngày một buổi. Vì không có đức độ và tu hành gì, điều có thể làm được là tôi chỉ dạy những đệ tử xuất gia bất chước theo giới tướng bên ngoài của mình. Do đó, những ai xuất gia theo tôi, dẫu nam hay nữ đều phải giữ giới chỉ dùng ngộ. Tôi chỉ chấp nhận họ khi nào hành được như thế. Đó là điều kiện sắt đá cho những ai muốn theo tôi xuất gia, mà không thể thay đổi. Dẫu bất cứ lúc nào, dẫu hoàn cảnh có bức bách đến mức độ nào, không thể thay đổi được giới điều này. Lý do là vì tôi đã từng khởi tướng phương thức đắp y ca sa và mỗi ngày chỉ dùng ngộ qua bao thập niên kể từ khi vừa tới Mỹ và cho đến hiện tại. Trải qua bao thập niên và khi người xuất gia quen dần với phương thức đó, tôi tin tưởng rằng họ sẽ thật sự chấp nhận từ trong tâm khảm. Mọi người sẽ hiểu rõ cách thức mà tôi truyền dạy.

Mọi người đều biết thanh danh về quy luật mỗi ngày dùng một buổi ngộ ở Vạn Phật Thành. Dẫu đi, đứng, nằm, ngồi, người xuất gia ở Vạn Phật Thành đều đắp y ca sa. Tất cả đều có đủ ba y ca sa, một bình bát, và một tấm tọa cụ như đã được ghi rõ trong giới luật. Trong giới luật có nói rõ rằng ai đắp y ca sa sẽ được mười

công đức. Dầu không thích có công đức đó, quý vị chớ nên đánh mất hình tướng của người xuất gia. Quý vị có thể nói: “Tôi không có tâm tham và không cần công đức đó”. Có thể không muốn công đức, nhưng quý vị cũng cần có phước đức. Phước đức do tích tụ từ từ mà có. Dầu bất cứ lúc nào và ở nơi đâu, quý vị phải luôn luôn vun bồi phước đức và trí huệ. Nếu không tu phước và huệ thì quý vị không xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của tín thí.

Hiện tại, con người vô tình để cho thói xấu biến thành tập tục: Người xuất gia không đắp y mới được xem là chân chánh, còn người đắp y thì bị xem như giả dối. Những ai đắp y lại bị mắng chửi là làm điều quái gỡ. Chính tự đức Phật giữ ba y ca sa, một bình bát, một tấm tọa cụ. Ngài luôn luôn đắp y ca sa. Song, khi đạo Phật được truyền sang Trung Quốc, tất cả chư tăng ở đó đều ngưng việc đắp y. Kể từ đó, người trong đạo Phật lại bảo rằng những ai đắp y ca sa là sai trái.

Có một câu chuyện về những học sinh vừa từ Trung Quốc sang Đài Loan. Vì chạy trốn lánh nạn, nên không có học sinh nào, chỉ trừ một hai học sinh, nhớ mang bằng cấp chứng chỉ theo. Khi làm đơn xin nhập học vào các trường

đại học ở Đài Loan, chúng hoảng hốt vào lúc bị hỏi về bằng cấp chứng chỉ. Do đó, chúng đi tìm kiếm giấy chứng chỉ mẫu ở khắp nơi. Khi tìm ra, chúng y theo đó mà làm giấy chứng chỉ giả rồi nộp cho bộ Giáo Dục. Do đó, chúng được phép thi cử và ghi danh vào đại học. Tuy nhiên, khi có học sinh khác nộp giấy chứng chỉ thật vào bộ Giáo Dục, thì những người làm việc lại cho là giấy chứng chỉ giả. Họ bảo: “Giấy chứng chỉ của mọi người đều được cất giữ cẩn thận sạch sẽ. Tại sao giấy chứng chỉ của trò lại cũ rít, nhàu nát ? Chắc chắn trò đã làm giả rồi cố ý làm cho tờ giấy đó được xem như cũ kỹ nát nhàu để người khác không thể nói gì được”. Do đó, họ từ chối nhận giấy chứng chỉ đó. Tất cả quý vị xin hãy suy nghĩ: “Cái giả được xem là thật, còn điều thật lại bị xem là giả”.

Nếu người xuất gia không đắp y ca sa thì cũng giống như họ hoàn tục. Vì nền Phật giáo ở Trung Quốc đã trở nên suy đồi, tôi ra nước ngoài để đề xướng rằng người xuất gia phải đắp y ca sa và mỗi ngày chỉ dùng một buổi ngộ y theo lời dạy của đức Phật. Ở Vạn Phật Thành, chúng ta tôn thờ những quy chế đó. Nếu quý vị nhận thức được gia phong của Vạn Phật Thành, thì tà chết chứ không thay đổi. Quý vị nên suy

nghe: “Có phải muốn tôi không đắp y ca sa chăng ? Thà bảo tôi chết, còn hơn là bảo tôi không đắp y ca sa. Thà bảo tôi chết, còn hơn là bảo tôi không giữ giới dùng ngọc mỗi ngày một buổi”. Với sự quyết định và tín tâm kiên cố như thế, quý vị mới là thành viên chân chánh của chùa Vạn Phật Thành. Một khi đã nhận rõ mục tiêu, thà chết chứ không thay đổi ý chí. Dầu có bước vào thiên đường mà không đắp y ca sa và vừa ngồi xuống liền được khai ngộ, tôi cũng không dám làm như thế.

Đối với việc đắp y ca sa, chư tăng ở Trung Hoa lục địa, chẳng những vào lúc đả thiền thất mà ngay cả vào mọi thời mọi lúc, họ cũng đều không làm. Không có đạo tràng nào mà có người xuất gia đắp y ca sa. Họ đã quen dần với tập khí đó rồi. Người xuất gia mà không đắp y thì mất đi đức tướng tỳ kheo. Áo tràng và y hậu mà họ đang mặc hoàn toàn là y áo thời nhà Đường, và cũng không phải là phần chính của đạo Phật. Làm sao để chứng minh điều này ! Hãy nhìn xem chư tăng Nam Tông, ngay hiện tại vẫn thường đắp y trong mọi thời. Tại sao họ không đắp y ca sa ở Trung Quốc ? Điều này thật dễ hiểu. Bởi vì người Tàu rất cần mẫn làm nhiều công việc nặng nhọc. Vừa đi ra ngoài làm việc thì y ca sa

lại rất bất tiện. Do đó, khi đi ra ngoài đồng làm việc, họ cởi bỏ y ca sa ra và chỉ mặc đồ bên trong để làm việc. Vì y ca sa lượm thượm, vướng mắc và bất tiện cho sự làm việc, nên họ ngưng đắp y ca sa. Trải qua năm tháng, sự việc trở thành thói quen. Họ bắt đầu nghĩ rằng y bên trong được đắp khi ngủ nghỉ là y phục của người xuất gia. Thật ra, họ chỉ giữ y phục vào đời Đường. Y phục của người thế gian đã thay đổi nhiều lần, nhưng người xuất gia vẫn còn giữ cách xưa vì không thay đổi y phục của đời Đường. Họ đi đến việc xem áo tràng và y hậu như y phục đặc biệt dành cho người xuất gia, nhưng đó là điều hoàn toàn sai lầm. Nếu không đắp y, thì quý vị chẳng là gì ngoài việc làm cư sĩ trọc, mà không xứng đáng làm người xuất gia. Tại sao vậy ? Vì quá tùy tiện. Ngay trong mọi cử chỉ hành động đều không biết mình là người xuất gia.

Trong thiên thất, dĩ nhiên họ không đắp y. Trong giới bốn có dạy: “Y bất ly thể (y ca sa không thể rời thân được)”. Đi bất cứ nơi đâu, phải mang theo ba y, một bình bát, và tọạ cụ, bằng ngược lại thì phạm giới. Song, nếu hỏi người xuất gia thời nay, có ai dám nói rằng y ca sa của họ không bao giờ rời thân ? Tuy nhiên, đó

chỉ là giới tướng bên ngoài. Không phải đắp y mới thành người xuất gia. Nếu đắp y mà không giữ giới thì vẫn bị xem như là người tại gia; nghĩa là làm tỳ kheo mà phạm giới, và lại tệ hại hơn làm người tại gia. Ngay cả vào lúc đắp y lại thường khởi những tâm niệm tham dục tà vọng, còn nói chi đến việc không đắp y. Nếu không đắp y ca sa theo lời Phật dạy, tôi tin tưởng rằng không có ai trong số quý vị thật là Bồ Tát, Thanh Văn, hay Duyên Giác.

Lại nữa, bàn về vấn đề mỗi ngày dùng một buổi. Tại sao tôi lại dùng ngũ thôi ? Từ khi còn nhỏ, tôi đã có tâm niệm: Tôi muốn chịu khổ thay thế cho tất cả chúng sanh và đem tất cả công đức lành mà mình có được để ban bố cho họ. Tôi muốn tất cả thống khổ của mọi người được giao cho mình. Khi người Nhật xâm chiếm nước Tàu, họ bắt người Tàu đi làm việc khổ sai trong những trại lao động; ở những nơi đó, các người lao công bị hành hạ, không có cơm để ăn hay y phục để mặc; khi bị chết vì lạnh và đói, thân xác họ bị bỏ cho chó ăn. Nhìn thấy người Tàu bị những điều thống khổ đó, tôi nhận ra rằng trên thế gian còn có rất nhiều người không có gì để ăn. Thế nên, tôi bắt đầu ăn mỗi ngày một buổi. Khi dùng ba buổi trong một ngày, tôi

có thể dùng năm chén cơm trong một buổi. Sau này, khi bắt đầu mỗi ngày chỉ dùng một buổi, tôi chỉ dùng có ba chén cơm; thế thì tôi dành được mười hai chén cơm cho những ai không có cơm để ăn. Ở vùng Mãn Châu lạnh lẽo như thế mà tôi sẵn sàng đắp ba lớp y dẫu trời mưa giá lạnh trong mùa đông. Nhờ cách đó, tôi dành dụm được tơ vải cho những người không có y phục để mặc. Vì thời tiết ở bắc Cali không quá lạnh lẽo, tôi chưa đặt để quy chế gì về y phục. Đối với việc ăn uống, dẫu nam hay nữ đã là đệ tử xuất gia của tôi, tất cả đều chỉ dùng ngũ thôi để giúp tôi dành dụm thức ăn cho những người đói kém.

Tại Trung Quốc, không có chỗ nào mà chư tăng chỉ dùng ngũ trong một ngày. Khi đả Thiền Thất, có thể được gọi rằng là đả “Thiền Ăn”. Trong một ngày, có đến bốn lần ăn và ba lần dùng trà, cộng thêm bánh bao vào ban đêm. Nếu bảo rằng vẫn tu hành tinh tấn theo kiểu đó, tôi thật không thể nào tin tưởng được. Tôi đã cảm nghĩ rằng mỗi ngày dùng một buổi ngũ thôi cũng quá phiền phức rồi. Tuy nhiên, quý vị ăn uống bốn lần, cộng thêm bánh bao vào buổi tối nữa. Chư tăng tu theo truyền thống Phật giáo Trung Quốc, họ gọi buổi ăn tối là “Dùng Thuốc”. Điều này được gọi là “Bịt tai để trộm chuông”.

Đó là việc tự lừa dối chính mình và lường gạt người khác. Họ muốn ăn tối nên gọi buổi ăn tối là “Dùng Thuốc”. Đó là đạo Phật ở Trung Quốc: Đạo Phật mà lường gạt người. Tôi không có cách nào để sửa đổi tập quán xấu xa đó. Ở xứ Mỹ, tôi đã định lập gia phong nơi hải ngoại hoàn toàn khác với đạo Phật ở châu Á. Tại xứ Mỹ, con người hưởng thụ quá mức. Vì cuộc sống quá sung túc, nên dẫu người xuất gia có làm bánh bao để dùng và dẫu thức ăn có ngon đến đâu, vẫn không sánh bằng thức ăn của người tại gia; người tại gia có thể thưởng thức những món sơn hào hải vị. Do đó, tôi đề xướng hạnh mỗi ngày chỉ dùng một buổi để đối trị cách hưởng thụ đó, bởi vì người Mỹ thường thích sống xa hoa.

Tôi đến xứ Mỹ không phải để thuyết pháp cho người Tàu mà chỉ vì muốn giáo hóa người Mỹ; đối tượng chính của tôi là quần chúng người Mỹ chứ không phải là người Tàu; việc giáo hóa cho người Tàu chỉ là điều phụ trợ thôi. Tôi đơn thân độc mã đến xứ Mỹ từ miền Á Châu xa xôi nghìn dặm. Đến ngay nơi trung tâm của vùng đất mà những tôn giáo khác đang có ảnh hưởng lớn đối với quần chúng địa phương, tôi đề xướng hạnh mỗi ngày dùng một buổi để đối trị cách sống xa hoa của họ. Nếu mỗi ngày chỉ dùng một

buổi ngộ được thì quý vị mới có thể xuất gia, bằng ngược lại thì không đủ tiêu chuẩn làm người xuất gia.

Bàn thêm về việc đắp y ca sa, ở Trung Quốc, tôi không thể nói rằng những người “xuất gia” đã thực sự xuất gia chân chánh hay không? Bất cứ ai cũng có thể cạo tóc, đốt vài nén hương lên đầu, rồi tự gọi mình là người xuất gia. Họ không có một điểm đặt thù nào về giới tướng. Đó là lý do tại sao ra quy chế rằng mọi người xuất gia ở Vạn Phật Thành phải đắp y ca sa. Nói chung, đến xứ Mỹ, để dẫn đường tiên phong cho đạo Phật, tôi đề xướng hạnh đắp y ca sa và mỗi ngày dùng một buổi.

Thiền - Thể tánh chân chánh của chư Phật

“Đại địa xuân hồi bách vật sanh
Phấn toái hư không tự tại ông
Tùng thử bất lạc nhân ngã tướng
Pháp giới tuy đại tận bao dung
Tạm dịch:
Xuân về cõi đất trăm vật sanh
Đập nát hư không ông tự tại

Từ đây nào còn lạc tướng nhân ngã
 Pháp giới tuy rộng vẫn bao dung”.

Bài kệ này thuyết về việc đả Thiên Thất của chúng ta như “xuân về nơi côi đất”. “Trăm vật sanh” nghĩa là quý vị có cơ hội khai ngộ. Nếu ánh sáng tự tánh hiển lộ thì cũng giống như trăm loài vật sanh sản trong mùa xuân. “Đập nát hư không”: Hư không vốn vô hình tướng, không có gì cả. “Ông tự tại”: Lúc ấy quý vị chân thật được tự tại. Từ đó, “không còn lạc vào tướng nhân ngã”, nghĩa là không còn có mình, người; nhân vốn không; pháp vốn không; nhân tướng cũng không; pháp tướng cũng không; nhân ngã đều không. Pháp giới tuy rộng lớn bao la, nhưng đều nằm trong chúng ta và “bao dung hết”. Quý vị xem coi việc này có lớn lắm không ? Đó mới thật là hành trạng của đại trượng phu.

“Hư không đả phá minh tâm địa (phá vỡ hư không sáng đất tâm)”.

Câu “Ai là người đang niệm Phật” là bảo kiếm Kim Cang và cũng chính là câu “Tảo Chử (chổi quét)” của ngài Châu Lợi Bàn Già. Có người hỏi: “Tại sao lại gọi là bảo kiếm Kim Cang hay cây chổi quét ? Nếu là bảo kiếm Kim Cang

thì không phải là cây chổi quét. Ngược lại, nếu là cây chổi quét thì không phải là bảo kiếm Kim Cang”. Tùy thuộc vào đâu nào mà quý vị sử dụng. Một đầu là bảo kiếm Kim Cang, còn một đầu thì là cây chổi để quét. Một đầu là cây kiếm bảo vương Kim Cang được dùng để chặt đứt tình ái, vô minh phiền não. Một đầu khác là cây chổi để quét; mỗi lần niệm câu “Ai là người đang niệm Phật?”, cũng giống như mỗi lần dùng chổi quét đất được sạch sẽ đôi chút. Dùng chữ “Ai” để quét những lòng tư dục. Bảo kiếm vương Kim Cang chặt tư dục và cây chổi cũng quét tư dục; đó là tâm niệm tham dục, tình ái, và những vấn đề liên hệ. Dùng bảo kiếm vương Kim Cang để chặt đứt hết những vấn đề rắc rối đó. Vừa khi tham quán chữ “Ai”, Thiên ma ngoại đạo không thể hại gì được, vì không có chỗ hở nào cho chúng xâm nhập vào. Do quý vị cầm gương trí huệ hàng phục mười đại ma quân cùng tất cả ma quân trên thế gian. Không ma quân nào có thể đương đầu với chữ “Ai” của quý vị. Nếu quên đi chữ “Ai” thì có lỗ hổng cho ma quân xâm nhập vào; nghĩa là quý vị bỏ bảo kiếm vương Kim Cang xuống và để cho vô minh khởi lên.

Khi tham quán câu “Ai là người đang niệm Phật”, sự việc có vẻ mơ hồ. Tham quán tới lui,

nhưng không thể tìm ra chữ “Ai”, nên mới khởi nghi tình. Lúc nghi tình phát khởi, nghi nhiều thì ngộ nhiều; nghi ít thì ngộ ít; không nghi thì không ngộ; thường nghi thì thường ngộ; nghi ngắn thì ngộ ngắn. Tại sao gọi là nghi tình ? Vì không thể tìm được chữ “Ai”. Chữ “Ai” là gì ? Nắm giữ chữ “Ai” hằng giờ cho đến khi hơi thở dừng, mạch máu ngưng, tâm niệm trụ, và đạt đến cảnh giới đại định thâm sâu. Dầu đi, đứng, nằm, ngồi, quý vị vẫn thường trú trong đại định đó. Không nhập vào và không xuất ra khỏi đại định đó, nên gọi là đại định thâm sâu. Lúc bấy giờ, trên không còn trời, dưới không còn đất, chính giữa không còn người, xa không còn vật; tất cả đều vắng lặng; ngay cả hư không đều tan biến. Một khi hư không tan biến rồi thì còn cảnh giới gì ? Quý vị hãy xem xét và suy nghĩ coi ! Quý vị có còn vọng tưởng hay tạp niệm chăng ? Khi hư không đã tan mất, vọng tưởng, tạp niệm, tư dục trú ở đâu ? Lúc ấy thật dễ dàng khai ngộ, dễ dàng xoay về cội gốc, dễ dàng minh tâm kiến tánh. Khi đó, sự việc gì cũng không làm chướng ngại khó khăn cho quý vị. Một khi đã thấy tánh thì mãi mãi không còn ưu sầu.

“Bốn lai diện mục hà xứ mịch (tìm bộ mặt thật xưa nay ở nơi nào ?)”

Từ đời nhà Thanh đến hiện tại, đa số đều tham quán câu “Ai là người đang niệm Phật ?” Tham quán chữ “Ai” là quan trọng nhất. “Ai” ? Vẫn còn chưa biết thì vẫn là chữ “Ai”. Nếu biết rõ thì là khai ngộ. Phải tìm ra “Ai là người đang niệm Phật”. Nếu bảo: “Tôi là người niệm Phật”. Quý vị à ? Nếu là người niệm Phật thì khi chết đi và được hỏa táng xong, quý vị đã đi về đâu ? Nếu quý vị là người đang niệm Phật thì phải không chết. Song, quý vị sẽ chết, bị hỏa thiêu, và không còn nữa.

Trong pháp môn tham thiền có nhiều câu thoại đầu. Có người tham quán câu: “Trước khi cha mẹ sanh ra, gương mặt của tôi vốn ra sao ?” Có người tham quán chữ “Vô”. Vô, nghĩa là không có gì cả và mọi việc đều trống không. Hoặc giả tham quán câu “Muôn vật có hiện hữu chăng ?” Họ tham quán chữ “Vô (không)” và “Hữu (có)”. Có người tham quán “Làm sao sự việc đều là không ?” Muôn vật trên thế gian đều chịu cảnh thành, trụ, hoại, không. Thế thì còn vật gì thoát ngoài định luật thành, trụ, hoại, không ? Đó là cách tham quán của họ.

Có người tham quán câu: “Con chó có Phật tánh chăng ?” Dẫu con chó có Phật tánh hay không, điều này cũng có thể làm một câu thoại đầu. Người khác tham quán câu: “Que cứt khô”. Vừa nghe qua, quý vị có thể cười, nhưng khi tham quán thì mới có mùi vị ! Vì không ướn nên không thú; do đó quý vị không cần phải cười. Tựu chung, có rất nhiều loại thoại đầu. Nếu cảm thấy câu thoại đầu nào thích hợp thì quý vị có thể dùng.

“Hành, trụ, tọa, ngọa tế toản nghiên (đi, đứng, nằm, ngồi tinh tường tham quán)”.

Trong lúc đả Thiền Thất, điều quan trọng là phải chuyên nhất, nghĩa là thân, tâm, và ý thức phải chuyên nhất. Nơi đây, thân của quý vị phải đi vào lúc đi, ngồi vào lúc ngồi, nằm xuống vào lúc nằm xuống. Lúc đi, ngồi, nằm phải y theo quy củ. Không để tâm khởi vọng tưởng thì tâm, niệm, và ý mới chuyên nhất. Ý không khởi tâm tham, sân, si thì mới nhất tâm tham quán “Ai là người đang niệm Phật ?”

Tham quán như dùng mũi khoan để khoan lỗ. Khoan cho đến độ khoan thủng qua gỗ. Một khi đã khoan xong, có thể thấy sang lỗ

bên kia; khai ngộ cũng như thế. Trước khi khai thông, chúng ta chỉ việc khoan lỗ hàng ngày. Cũng vậy, trước khi khai ngộ, chúng ta tham quán câu “Ai là người đang niệm Phật”.

Hiện tại, chúng ta đang dụng công phu để được khai ngộ. Trong lúc dụng công, chớ bảo: “Không thể khoan thủng lỗ hồng !” Nếu nghĩ như thế thì không thể nào còn muốn khoan nữa. Nếu không khoan thì không có lỗ khoan nào cả. Phải khoan lỗ vào hôm nay, ngày mai, ngày mốt; khoan hoài khoan mãi cho đến khi thông, tức là khai ngộ. Nghĩa là những gì chưa biết rõ trước kia, nay lại biết rõ. Những gì chưa hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Công phu đó như thế nào ? Như mèo rình chuột. Mèo rình chuột ngoài hang. Nếu chuột vừa ra thì mèo dùng móng vuốt mà bắt. Tham quán câu “Ai là người đang niệm Phật” cũng giống như mèo rình chuột. Vọng tưởng là chuột và câu “Ai là người đang niệm Phật” là mèo. Mèo chờ chuột để bắt; đó là tỷ dụ.

Tham quán cũng giống như ròng bảo vệ hạt châu. Ròng luôn luôn bảo vệ và không bao giờ xa rời hạt châu của nó.

Lại nữa, tham quán như gà ấp trứng. Gà mái luôn luôn lo lắng về gà con, nên suy nghĩ: “Chẳng bao lâu nữa gà con của tôi sẽ ra vỏ trứng”. Gà mái cứ vẫn ấp trứng: “Lẹ lên ! Lẹ lên ! Gà con hãy ra vỏ trứng mau !” Mỗi ngày, gà mẹ ấp trứng và nghĩ về gà con cho đến khi chúng ra khỏi vỏ. Có câu: “Loài sanh từ trứng do tưởng mà ra”.

Khi nghĩ mãi đến hồi chín muồi, trứng sẽ nở ra gà con; lúc đó gà mẹ thành công. Chúng ta tham Thiền cũng giống như gà mẹ ấp trứng. Đang ấp trứng, thân gà mẹ rất nóng nên mệt nhừ. Tuy nhiên, gà mẹ không thể nào rời khỏi ổ mà phải ấp cho đến khi trứng nở.

“Tham phá thoại đầu lộ đoạn nghiê (Khi tham quán thông suốt thoại đầu thì đầu mối hiển lộ)”.

Tham Thiền cũng như thế. Chúng ta phải thường chú tâm mà không khởi bất cứ vọng tưởng nào cả.

“Nhất niệm bất sanh toàn thể hiện, lục căn hốt động bỉ vân giá”

Dịch: “Một niệm nếu không sanh thì toàn thể tánh liền hiển hiện. Sáu căn vừa động liền bị mây che”.

Lúc một niệm chưa sanh khởi thì toàn thể đại dụng liền hiện tiền, nghĩa là trí huệ sẵn có sẽ hiện trước mặt. Sáu căn như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý vừa chợt động thì cũng như trời xanh đột nhiên bị mây che. Lúc một niệm chưa sanh thì “trong chẳng có thân tâm; ngoài không thể giới”. Tọa thiền đến lúc hơi thở dừng, nhưng không phải là chết. Khi hơi thở dừng thì không còn một vọng niệm. Song, nếu đột nhiên suy nghĩ: “Ồ ! Hơi thở của tôi đã dừng, không còn nữa, thì hơi thở sẽ trở lại. Lúc vô tâm thì hơi thở dừng; vừa lúc có tâm thì hơi thở trở lại. Thật ra, hơi thở không hoàn toàn ngưng, vì nếu như thế thì không còn sống trở lại. Do vì, hơi thở bên trong bắt đầu hoạt động nên không cần phải dựa vào hơi thở bên ngoài. Đó gọi là chuyển bánh xe pháp lớn; nghĩa là chuyển bánh xe pháp vô hình và hát bài ca không âm thanh. Tuy nhiên, chớ đắm chấp vào cảnh giới đó.

Người tu hành có lúc chợt tinh tấn và chợt thối thất. Có thể tinh tấn trong vài ngày rồi lại cảm thấy không được lợi lạc gì nên thối thất. Sau khi giải đãi làm biếng một thời gian, lại tinh tấn

tiếp tục. Do đó, lúc tu đạo, chúng ta phải theo trung đạo, không nên quá mau lẹ hay quá chậm chạp.

“Đi quá nhanh thì sẽ xảy chân; đi quá chậm thì sẽ lọt lại sau”.

Chớ quá khẩn trương hay quá chậm chạp. Không đi quá khẩn trương nghĩa là không quá gấp gáp; không quá chậm chạp nghĩa là không làm biếng. Phải dụng công đến độ tự tại khi đi, đứng, nằm, ngồi. Tự tại nghĩa là công phu thăng tiến. Lúc đó mới thật là Tham Thiên và dấu có muốn dừng nhưng vẫn không có cách.

Lúc đi, đứng, nằm, ngồi vẫn không rời chữ “Ai”. Song, dấu được như thế, nhưng vẫn chưa nhận ra chữ “Ai”. Phải làm quen với chữ “Ai” mà không để đánh mất. Ở mọi nơi mọi lúc đều dụng công tham thiên thành phiến. Lúc đó, dấu “ăn cơm mỗi ngày, nhưng cũng như chưa từng dùng một hạt cơm”. Chẳng phải là không dùng cơm, mà là quý vị không đắm chấp vào việc ăn cơm. Tuy dùng cơm nhưng giống như không có gì xảy ra. Đấp y nhưng cũng không chấp vào.

“Dấu đấp y nhưng cũng như không đấp một cọng chỉ nào”. Nghĩa là dấu đi, đứng, nằm, ngồi đều quên hết. Quên về việc ăn mặc rồi thì

còn nói chi đến những việc khác ! Những việc đó có nhằm gì đâu !

“Đả phá hắc đồng hiện bốn nguyên (đập thùng dầu hắc để hiện cội nguồn)”.

Đập vỡ thùng dầu hắc chính là khai ngộ. Tuy rằng tâm niệm tham quán chữ “Ai” là vọng tưởng, nhưng chúng ta dùng một vọng tưởng để trừ tất cả vọng tưởng. Trong mọi thời mọi lúc phải tham quán thoại đầu, chứ không nên thở ra thì tham quán còn thở vào thì không. Đếm theo hơi thở cũng không được vì tạo thành hai việc như lấy đầu đặt lên đầu. Cách thức tham quán thoại đầu chân chánh là phương pháp nhập môn. Do đó, chư Tổ sư luôn luôn tham quán khi hơi thở ra vào; niệm niệm tham quán không dừng.

Những ai thật sự biết dụng công sẽ không ngừng tham quán chữ “Ai”. Cứ liên tục khởi nghi tình về chữ “Ai” cho đến khi tâm, ý, thức đều tan mất; tâm cũng không; ý cũng không; thân cũng không; thức cũng không. Khởi vọng tưởng là do thức thứ sáu sanh khởi; nó bảo quý vị khởi vọng tưởng, bảo quý vị biết đau, bảo quý vị nhẩn đau không nổi. Tất cả đều do nó tác quái. Nếu dẹp

trừ tâm, ý, thức bằng cách tham quán cho đến khi không còn bị chúng chuyển, thì quý vị mới thật sự là người biết dụng công. Một khi được như thế, không những công phu ngày một tương ứng và nhất niệm cũng được tương ứng, mà cũng có khả năng khai mở trí huệ, nghĩa là khai ngộ. Thế nên người xưa có câu:

“Nhược nhân tĩnh tọa nhất tu du,
Thắng tạo hằng sa thất bảo tháp

Dịch:

Nếu ai ngồi tĩnh tọa trong giây lát,
Thù thắng hơn xây hằng sa bảo tháp”.

Ngồi thiền tĩnh tọa trong một giây phút thì “công đức thù thắng hơn xây hằng hà sa số bảo tháp”. Ngoài ra, chỉ ngồi trong giây lát đó mà có thể diệt trừ nghiệp xấu trong vô lượng kiếp sanh tử.

Những ai biết dụng công đều luôn luôn sống trong thiền định, bằng ngược lại thì thường sống trong vọng tưởng hư dối. Thiền định thì sanh xuất trí huệ, còn vọng tưởng thì sanh xuất ngu si. Làm thế nào để đạt thiền định? Phải xả bỏ vọng tâm mà quay về chân tâm. Tuy nhiên, chúng ta thường chạy theo vọng duyên, chú

không thích trở về với thiền định. Đó là lý do tại sao chúng ta thường khởi vọng tưởng, nên không thể quay về với chân tâm. Kết quả, chân tâm biến thành vọng tâm. Nếu thời thời khắc khắc thường hồi quang phản chiếu, không khởi nhiều vọng tưởng, và biết dụng công nơi tự tánh, thì sẽ trở về được với chân tâm. Lúc đả Thiền Thất cũng là lúc chúng ta xả bỏ vọng tâm để trở về với chân tâm và xả mê để trở về giác. Đó là lý do tại sao chúng ta xả bỏ hết tất cả để đến nơi đây chạy hương, tọa hương. Đi, đứng, nằm, ngồi cũng không nên xa rời “Cái này”, bằng không thì tạo điều sai lầm. “Cái này” chính là một câu thoại đầu.

“Như thị như thị quán tự tại (như thế, là như thế; tự tại mà tham quán)”.

Tôi sẽ giải thích cho quý vị hiểu rõ về cách chạy hương để không chạy quá nhanh. Chạy chậm hay đi từ từ cũng không phải là chạy hương. Phải làm sao ? Phải y theo quy củ, nhưng giữ tâm tự tại. Lúc đi, vẫn phải tham quán “Ai là người đang niệm Phật”. Trước hết chúng ta đi khoảng từ mười lăm đến hai mươi phút, rồi chạy hương. Chỉ chạy hương một vòng, hai vòng, hoặc nhiều lắm là ba vòng trong thiền đường, rồi

đánh mõ ra hiệu dừng lại. Không nên chạy hương quá lâu, bằng ngược lại mọi người sẽ mệt mỏi và đứt hơi khiến không thể dụng công được. Chỉ chạy một vòng, hai vòng, tối đa là ba vòng; chạy cho đến khi cảm thấy thân thể của mọi người vừa bắt đầu ấm trở lại thì ngay lúc ấy đánh mõ để ngừng chạy, rồi bắt đầu ngồi thiền. Một khi khí huyết lưu chuyển lại khắp thân thể thì phải bắt đầu tọa thiền.

Vào lúc ngồi thiền, phải cứng rắn như bảo kiếm Kim Cang để có sức lực mạnh mẽ mà không ai sánh bằng. Có ngồi thiền lâu thì mới nhập thiền định. Phải ngồi như thế nào? Vào lúc ngồi, tâm phải bình và khí phải tĩnh. Ngồi thẳng như chuông; mắt quán mũi; mũi quán miệng; miệng quán tâm; trong mọi lúc đều phải như thế. Chớ nên ngả phía trước, dựa phía sau, nghiêng bên phải hay trái. Cách hay nhất là ngồi xếp bằng như tư thế hoa sen hay Kim Cang, vì cách đó dễ giúp cho việc nhập định. Có người nói: “Đã ngồi xếp bằng được, nhưng chưa bao giờ nhập thiền định”. Lý do là vì quý vị vẫn luôn khởi vọng tưởng và không biết dụng công chân chánh. Ngồi xếp bằng là cách ngồi hay nhất, rồi kế đến là ngồi bán già (đặt chân trái lên chân phải). Nếu không thể ngồi được như thế thì cứ

ngồi theo bất cứ cách gì mà quý vị thích. Khi ngồi thiền, phải như như bất động, liễu liễu thường minh (sáng suốt thường biết). Phải cong đầu lưỡi lên để chạm với nướu hàm răng trên để hai mạch “Nhâm” và “Đốc” nối nhau. Lúc đó, khí huyết trong người sẽ chảy đều và quý vị sẽ cảm thấy an lạc tự tại. Nếu có nước bọt, có thể nuốt, vì nó giống như nước cam lồ trường dưỡng mầm Bồ Đề.

Ngồi trong một thời gian, quý vị sẽ bắt đầu cảm thấy ấm; khởi đầu từ bụng và lan khắp thân, rồi trở về bụng. Cảm giác ấm áp xoay vần như thế được gọi là giai đoạn “nhiệt nóng”. Thời gian sau, quý vị sẽ cảm nghiệm sự thay đổi thêm về “công xưởng hóa học” của thân thể, tức là đạt đến giai đoạn “đánh vị”. Quý vị sẽ cảm nghiệm lúc có lúc không vài cảm giác trên đỉnh đầu, vì không thể rời mó nắm bắt được mà chỉ là cảm giác, nhưng dường như là một cảnh giới không thể nghĩ bàn. Kế tiếp giai đoạn “đánh vị” là giai đoạn “nhẫn”. Trong giai đoạn đó, tuy khó chịu về cảm giác ngày càng nặng trên đỉnh đầu, giống như có một mũi khoan đang khoan xuống xương sọ, nhưng quý vị lại chịu đựng nổi; đến khi được thông suốt thì gọi là “Thế Độ Nhất”. Lúc đó, quý vị là đại trượng phu trên thế gian.

“Thiện tai, thiện tai, ngộ thù nhân (lành thay, lành thay, ngộ về chữ “Ai”)”.

Có bốn cảnh giới thiền định: Sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Trước khi đạt đến cảnh giới Sơ Thiền, đầu tiên sẽ trải qua cảnh giới khinh an, tức là thân thể cảm thấy rất an lạc tự tại, được gọi là “Pháp Hỷ”. Đạt đến cảnh giới đó, có thể không ăn mà vẫn chẳng cảm thấy đói, không ngủ mà vẫn chẳng cảm thấy mệt, không mặc đồ mà vẫn chẳng cảm thấy lạnh. Đó là cảm giác khinh an nhẹ nhàng thư thái vào lúc vừa tu thiền. Dấu đi, đứng, nằm, ngồi đều cảm thấy như không còn chính mình vì không biết bản ngã đã biến đâu mất.

Sau cảnh giới khinh an thì nhập vào thiền định của Sơ Thiền. Lúc ấy, không còn cảm giác về mình và mạch máu dường như ngưng đập. Quý vị sẽ cảm thấy như thân tâm bao trùm khắp pháp giới; một hoặc hai giờ ngồi thiền trôi qua cũng giống như chỉ trong giây phút. Tuy nhiên, chớ tự cho mình là đặc biệt vì chỉ nếm chút ít thiền định ở giai đoạn sơ khởi. Sau khi mạch máu dừng đập thì hơi thở cũng ngưng. Lúc hơi thở bên ngoài ngưng thở qua lỗ mũi thì hơi thở “thật” bên trong bắt đầu hoạt động; lúc đó

không còn lệ thuộc vào hơi thở bên ngoài nữa. Khi tiếp tục dụng công thì tâm niệm sẽ dừng. Khi không còn một niệm khởi lên và tất cả vọng tưởng đều lặng mất thì hoà nhập vào bản thể tự tánh; đó là Nhị Thiên. Tuy cho rằng ở Tam Thiên tâm niệm đều trụ vắng lặng, nhưng thật ra vẫn còn một niệm vô minh thô.

Đến Tứ Thiên thì tâm niệm thật sự bị đoạn dứt; tức là xả hết mọi tâm niệm. Tham Thiên đến cảnh giới đó chính là cảnh giới Tứ Thiên hữu lậu và vẫn chưa chấm dứt sanh tử hay chứng thánh quả. Để đạt đến sơ quả A La Hán, phải đoạn trừ 81 phẩm kiến hoặc. Sao gọi là kiến hoặc ? Kiến hoặc nghĩa là khởi tâm tham lam ái luyến đắm chấp vào cảnh giới bên ngoài. Do thấy mà chấp trước nên bị mê hoặc. Sơ quả A La Hán được gọi là nhập lưu, nghĩa là nhập vào dòng pháp tánh của thánh nhơn và đi ngược dòng sáu trần của phàm phu. Bậc thánh nhơn chứng sơ quả A La Hán không nhập vào sắc tướng, âm thanh, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, pháp trần. Sáu cảnh trần này không thể làm dao động hay mê hoặc vị này. Đó là sơ quả A La Hán. Hiện tại, chúng ta vẫn chưa đạt đến cảnh giới Sơ Thiên; chưa có ai làm mạch máu ngưng đập được.

Nếu chưa đạt được những cảnh giới đó, phải tinh tấn dụng công trong từng giây phút, vì điều quan trọng là không nên lãng phí thời giờ. Cách hay nhất là ngồi xếp bằng hoặc ngồi bán già. Nếu cả hai cách đều quá khó thì có thể ngồi một cách tự nhiên. Vấn đề tu hành là tại tâm chứ không phải tại chân. Nếu xả bỏ hết các vọng tưởng thì ngồi cách nào cũng tu được. Nếu tâm tràn đầy vọng tưởng thì không thể tu hành thành tựu dẫu có ngồi cách nào đi nữa. Tu hành bao gồm việc tu tâm dưỡng tánh. Tu tâm có nghĩa là phải thường xuyên quán sát xem coi vọng tưởng nào nhiều nhất. Có phải nhiều nhất là vọng tưởng tham dục, sân hận, ngu si chẳng? Phải xoay về ánh sáng tự tâm mà quán chiếu; phải tự thanh tịnh hóa vọng tưởng thì công phu mới có phần tương ứng. Dẫu có ngồi theo tư thế nào cũng phải dẹp trừ mọi vọng tưởng; hết vọng tưởng thì trí huệ mới hiển hiện, bằng ngược lại thì không có trí huệ. Do đó, tu hành là dụng công nơi đất tâm. Vì thế sự tu hành được gọi là “pháp môn tâm địa”. Nếu tâm thường được thanh tịnh thì luôn luôn trụ nơi Linh Sơn. Dẫu niệm Phật, tụng chú, trì giới, giảng kinh, ngồi thiền, tất cả đều vì việc chế ngự tâm vào một nơi để dẹp trừ vọng tưởng và giữ lại chân tâm. Trong

từng phút giây phải tìm lại chính mình để nhận ra gương mặt thật xưa nay của chính mình.

Đó là phương pháp dụng công sơ khởi.

“Tánh giác linh minh nguyên phi vật (tánh giác nhiệm màu sáng suốt vốn không phải là vật)”.

Trong khi tham Thiền chớ mong muốn thấy cảnh giới này nọ; không mong muốn bất cứ gì hết; ngay cả hư không cũng chẳng màng. Dầu hư không có trống rỗng, nhưng vẫn không cảm giác hoan hỷ hay sợ sệt. Nếu cảm nghiệm sợ hãi thì sẽ gặp ma. Nếu cảm nghiệm hoan hỷ thì ma hoan hỷ sẽ đến. Hãy xem qua 50 ấm ma trong kinh Lăng Nghiêm; chúng có thể hiển hiện vào lúc ngồi thiền. Nếu nhận rõ thì sẽ không bị chúng chuyển. Thế nên có câu: “Ma đến chém ma; Phật đến chém Phật”. Dầu Phật hay ma có đến cũng không nên đắm chấp vào. Chớ chấp trước vào bất cứ cảnh giới gì. Chớ suy nghĩ: “Ồ ! Một vị Phật đang đến !” và sanh tâm vui mừng tột bậc; đó là cảnh giới tà. Có cảm giác sợ hãi cũng không đúng; có cảm giác thích thú hay không thích thú cũng không đúng. Do đó, phải ngồi thiền tịch tĩnh, an nhiên bất động, mà

không khởi tâm phân vân, không chạy đuổi theo cảnh giới. Cảnh giới có hiển hiện thì cứ hiện mà không đắm chấp để bị chúng chuyển. Nếu cảnh giới không hiển hiện thì cũng không nên tìm cầu. Từ đời vô thủy đến nay, trong ruộng tâm thức thứ tám, cảnh giới nào cũng có. Một khi tâm được vắng lặng thì chúng sẽ xuất hiện. Nếu cứ mãi khuấy nước đục thì nó chẳng bao giờ được lắng trong. Cũng vậy, nếu ngồi an nhiên bất động thì tâm niệm tự nhiên sẽ được thanh tịnh tịch tĩnh.

“Tâm thanh thủy hiện nguyệt, ý định thiên vô vân (tâm thanh tịnh như mặt trăng hiện trong nước; ý niệm định lại như bầu trời không còn mây)”.

Tâm được thanh tịnh cũng giống như ánh trăng soi đáy nước. Thế nên, chớ màng cảnh giới có thật hay có giả. Tinh tấn dụng công mới là chân thật. Tuy nhiên, chớ hành giống như những người chẳng biết cảnh giới gì đang xảy ra mà bảo: “A ! Cảnh giới này không tốt. Bạn đã bị ma nhập rồi !” Thật ra, vì tinh tấn dụng công nên mới thấy những cảnh giới đó. Nếu không tinh tấn tu hành thì không có cảnh giới gì hiển

hiện. Thế nên, chớ sợ hãi. Sự hiểu biết chân thật là không chấp trước vào bất cứ điều gì cả.

“Trí quang biến chiếu bốn lai chân (ánh sáng trí huệ chiếu rõ chân tánh xưa nay)”.

Hiện tại, chúng ta muốn phát triển trí huệ; để làm được việc đó, trước hết chúng ta phải chịu thọ khổ như dùng lửa trui rèn. Giả như quý vị là một đồng vàng thì phải dùng lửa trui để xem coi quý vị có phải là vàng thật hay không. Nếu là vàng giả thì sẽ bị thiêu đốt. Nếu là vàng thật thì không sợ lửa hồng. Nếu có mười lạng vàng thì vẫn là mười lạng dầu có nấu đến đâu. Nếu có mười lạng vàng giả thì khi nấu xong, có thể chỉ còn lại một lạng. Hiện tại, chúng ta được tôi luyện để trở thành thân kim cang bất hoại. Một khi đã luyện xong thì không còn sợ bom nguyên tử, bom khinh khí, hay bất cứ vũ khí nguyên tử nào. Tại sao chúng ta cảm giác sợ sệt ? Vì chúng ta có thể bị hủy diệt. Tuyệt đối không vật gì có thể hủy hoại thân kim cang bất hoại của quý vị được. Tuy nhiên, trước hết phải chịu đựng vài sự cực khổ. Có người nói: “Thật đau khổ quá mức. Tôi không thể chịu nổi !” Ai cảm nhận đau khổ ? Quý vị nói: “Tôi cảm thọ sự đau khổ”. Thế thì quý vị là ai ? Quý vị đáp: “Tôi chỉ là

thân thể này”. Nếu thân thể là quý vị thì sau khi chết sẽ như thế nào ? Lúc đó thân thể ra sao ? Nếu lúc đó có ai đánh đập hay chửi mắng xác thân của quý vị thì xác thân đó sẽ nhẫn chịu được. Nó sẽ nhẫn chịu tất cả sự khổ đau mà không khó gì. Quý vị nói: “Lý do là vì tôi đã chết, nên không còn vấn đề gì cả”. Vâng ! Tại sao không giả chết ngay trong hiện tại ?

“Nhược yếu nhân bất tử, tu tạo hoạt tử nhân (nếu ai muốn tránh chết, phải sống như người đã chết)”.

Nếu muốn sống thì trước hết phải cố thử chết. Có phải “Tự tử” chăng ? Không phải. Chỉ sống như người đã chết. Nếu nhìn mọi việc với cách nhìn của người đã chết thì sẽ không còn tranh đua, tham lam, sân hận, ngu si.

Tất cả chư Phật, chư Bồ Tát, và lịch đại Tổ-sư xuyên qua dòng thời gian đã từng thành tựu nhờ phương pháp này. Các ngài xuất sanh từ pháp môn này. Hiện tại, chúng ta chớ sợ khổ cực mà phải tinh tiến tu hành, nhận chân được việc tu trì, xả bỏ muôn vọng tưởng. Chớ làm biếng giải đãi. Vẫn còn chút khí lực nào thì vẫn chạy hương và tọạ hương. Chúng ta mượn cái giả để

tu tập chân tâm. Càng khó khăn chừng nào phải càng quyết tâm vượt qua chừng đó. Mọi người thích làm việc dễ dàng. Chúng ta phải làm những gì mà người khác không thích; phải nhẫn những gì họ không dám nhẫn. Chỉ có sự tinh tiến dũng mãnh đó mới thành tựu trí huệ chân thật. Đây là ý nghĩa của việc rèn luyện thân kim cang bất hoại trong lò lửa hồng. Sau khi tôi luyện xong, thân mạng sẽ trở nên mạnh mẽ và trí huệ sẽ phát sanh.

Nơi thiền đường, phải tự rèn luyện thân lẫn tâm. Thân tránh việc giết hại, ăn cắp, tà dâm; tâm tránh khởi tham, sân, si. Bằng cách đó chúng ta tinh tấn hành trì giới định huệ để diệt trừ tham sân si. Không thể nào tạo nghiệp ngay trong thiền đường. Dẫu có thể có những vọng tưởng ngậy dại, nhưng không thể làm theo chúng. Nhờ tránh nghiệp giết hại, ăn cắp, tà dâm, thân nghiệp được thanh tịnh hóa về những tập khí xấu. Một khi gìn giữ thân nghiệp và tâm được thanh tịnh cùng chuyên nhất, chúng ta phá vỡ màn vô minh và khôi phục lại trí huệ sẵn có. Tuy nhiên, vẫn còn đắm chấp vào thân tâm thì khó lòng xoay về cội nguồn và xả tà ngụy để quay về nẻo chánh. Chúng ta chưa có thể xả bỏ thân thể, bản ngã, và ngã sở. Chỉ người có thiện

căn mới xả bỏ hết mọi chấp trước về bản ngã và pháp trần. Nếu nhìn thấy thân vốn không (thật có) thì phá được sự chấp ngã. Nếu đạt thiên định thì pháp chấp cũng không còn. Không chấp vào ngã và pháp thì sẽ vượt ngoài thế sự, thoát khỏi sự chướng ngại của tình chấp, và không bị vật chất dục lạc làm ô nhiễm. Không còn chấp trước tức là giải thoát. Tuy nhiên, khó có thể hành được điều này. Nếu thật sự không còn chấp vào mình và người thì Pháp thân sẽ biến khắp pháp giới. Điều đáng thương hại là không một ai trong số chúng ta có thể làm được điều này ! Có ai biết được rằng sẽ còn bao nhiêu đại kiếp nữa chúng ta mới đạt đến cảnh giới này ?

Lúc tu hành, chúng ta phải bố thí thân thể cho thiên đường. Phải trì giới bằng cách tránh làm điều xấu và luôn hành việc lành. Phải kiên nhẫn chịu đau khổ. Không thể đánh mất một tâm niệm tu hành nào cả. Khi thời điểm đến, trí huệ tự nhiên sẽ hiện tiền và ánh sáng trí huệ Bát Nhã chiếu soi khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Song, phải cần trải qua thời gian tôi luyện. Do đó có câu: “Không thọ lạnh rét mùa đông thì hoa mai làm sao tỏa hương thơm ?”

Dẫu muốn làm việc gì phải cần có thời gian mới đạt thành tựu được. Vừa gặp thử thách

khó khăn mà thối chuyển thì không thể nào đạt thành tựu gì được.

“Thật tướng Bát Nhã tại kỳ trung (nhận thấy tướng Bát Nhã ngay trong đó)”.

Pháp môn tham thiền là “Vô vi mà vô bất vi”; nghĩa là vào lúc ngồi thiền, không làm gì nhiều cả. Tuy nhiên, nếu có một người tham Thiền thì một người hỗ trợ cho chánh khí của Pháp giới. Nếu mọi người đều tham thiền thì trên thế gian không còn chiến tranh.

Hỏi: Có cần phải ngồi để tham thiền không ?

Đáp: Vâng ! Ngồi thiền lâu mới nhập vào thiền định; nghĩa là tham thiền đi cùng với việc ngồi thiền. Ngồi thiền được lâu thì sẽ cảm nghiệm những cảnh giới không thể nghĩ bàn. Tuy nhiên, bên cạnh việc ngồi thiền, thiền sinh chân chánh cũng phải hành thiền vào lúc đi, đứng, nằm. Trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, không có giây phút nào mà không tham thiền. Thiền sinh không màng thế sự mà thường chiếu cố vào câu thoại đầu của mình “Ai là người đang niệm Phật” đến độ không còn thời gian để ăn uống ngủ nghỉ. Dẫu đi, đứng, nằm, ngồi đều phải tiếp tục tham quán thoại đầu cho tới khi đạt đến

“sơn cùng thủy tận (tận cùng non nước)”, tức là tham quán đến cực điểm.

Tham thiền cần phải chuyên nhất. Khi sự chuyên nhất đạt đến cực điểm thì sẽ có khả năng đương đầu với sự việc. Có câu: “Khi đạt đến nơi cực điểm thì sẽ chuyển đổi”. Dẫu là việc gì, khi đạt đến cực điểm đều có thể đương đầu với chúng. Hiện tại, vào lúc ngồi thiền, chớ than khóc khi chân vừa đau. Lúc đau nhức đến cực điểm, nó sẽ ngừng và quý vị sẽ cảm nghiệm cảnh giới vi diệu không thể nghĩ bàn. Không có cách nào để diễn tả cảnh giới đó được mà chỉ chính quý vị tự cảm nghiệm lấy. Một khi bị đau nhức đến độ cùng cực thì sẽ không còn đau nhức vì đã vượt qua cửa ải đau nhức. Tuy nhiên, vượt qua cửa ải đó xong cũng chưa đủ. Thời gian sau sẽ có thêm cửa ải này, rồi đến cửa ải khác. Có thể sau một giờ mới vượt qua cửa ải thứ nhất. Song, khi ngồi thêm một tiếng rưỡi nữa thì đau nhức trở lại. Tại sao vậy? Vì khí huyết chảy đến độ muốn vượt khỏi thêm một cửa ải nữa. Do đó, quý vị phải nhẫn chịu sự đau thêm cho đến khi không còn đau nhức. Một khi đau nhức tan mất, quý vị sẽ cảm thấy rất an lạc, tự tại không thể diễn bày. Lúc ấy, quý vị sẽ cảm thấy trời đất đều thái hòa.

Phải vượt qua những cửa ải đó để gạt sự lợi lạc. Nếu la khóc giống như trẻ con khi vừa bị đau thì không bao giờ có khả năng vượt qua những cửa ải đó. Phải kiên nhẫn chịu đựng những gì không thể nhẫn nổi ! Hãy cố gắng chịu đựng ! Tuy nhiên, phải kiên quyết ! Chớ sợ đau hay khó khăn ! Với ba lực vô úy đó, quý vị sẽ có khả năng vượt qua các cửa ải.

Tại sao ngồi trong thiền đường chúng ta lại không có đủ định lực để nhẫn chịu chút ít đau, nhức, hay khó khăn ? Tại sao lại cảm thấy không thể nhẫn nổi đến độ phải rên la ? Vì chúng ta không có chút định lực và chưa vượt khỏi những cửa ải đau, nhức, khó khăn đó. Hiện tại, nếu vượt qua chúng được thì chúng ta sẽ đạt được sự an lạc tự tại. Nếu chịu đựng đau nhức cùng cực đến độ quên cả mình thì sao còn sự đau nhức nào ? Làm bất cứ việc gì, phải làm đến độ cùng cực. Lúc đến sự thanh tịnh cùng cực thì ánh sáng sẽ chiếu suốt. Khi định lực và tâm thanh tịnh đạt đến cực điểm, hào quang trí huệ tự nhiên sẽ hiển hiện và sẽ khai ngộ. Ngày ngày đều mong muốn được khai ngộ, nhưng mong muốn loại khai ngộ nào nếu không thể chịu đựng chút ít đau nhức ? Sao chẳng cảm thấy tự xấu hổ ?

Có người than vãn: “Trong thiền đường có quá nhiều tiếng động như người này thì ho, người kia thì ngáy ngủ, người nọ thì cựa quậy khiến chiếc ghế ngồi thiền kêu răng rắc. Không thể nhẫn chịu được tiếng động !” Điều này có thể xảy ở mọi nơi. Có thể tránh tiếng động này, nhưng tiếng động khác lại đến. Nếu biết cách dụng công, thì dầu có động hay tĩnh, quý vị sẽ không bị chúng chuyển, nghĩa là không chú ý về chúng. Hoặc đôi mắt có thể chạy theo cảnh động và tĩnh, nói: “Người đó thật làm phiền, khiến tôi không thể nhập định”. Dầu người khác không tạo ra tiếng động, quý vị vẫn không thể nhập định được. Nếu nhập định được thì sẽ không chú tâm vào sự động hay tĩnh của người khác. Do đó, vào lúc ngồi thiền, chớ mong muốn phải hoàn toàn im lặng. Có thể tiếng động càng lớn thì sự khai ngộ càng mau. Không cáo gắt vì tiếng động. Ngược lại, nếu quá im lặng, không nên tìm cầu tiếng động; chúng chỉ là những cảnh giới thử thách.

Nếu biết dụng công thì ngay trong phố xá đô thị cũng có thể tu hành được. Ngược lại, sẽ không thể nào tu hành dầu có lẫn trốn vào hư không. Không có chỗ nào là nơi tu hành hoàn hảo nhất. Phải khắc phục hoàn cảnh. Dầu gặp

hoàn cảnh nào, chớ nói: “Ồ ! Hoàn cảnh này thật tệ hại !” Dời đi nơi khác, hoàn cảnh có thể còn tệ hơn. Cứ mãi dời chỗ này sang chỗ khác cho đến khi trong vũ trụ không còn nơi nào thích hợp cả. Nếu khắc phục được hoàn cảnh thì mọi nơi đều giống nhau. Chư Phật không chọn lựa nơi các ngài thành đạo, vì bất cứ chỗ nào cũng có thể chứng đắc quả vị Phật.

Phải học cách nhẫn nhục. Nếu nhẫn chịu được thì dấu cảm thấy khó chịu đến mức độ nào thì quý vị sẽ có chút định lực, rồi sẽ sản sanh chút ít trí huệ. Có phải quý vị bảo rằng muốn trì giới chẳng ? Ngồi tham thiền chính là đang trì giới, tức là trì giới nhẫn chịu đau nhức ! Lúc ngồi thiền tham quán câu “Ai là người đang niệm Phật” mà không ngừng trong giây phút nào, thì thử hỏi quý vị sẽ phạm giới gì ? Quý vị có tạo nhiều nghiệp xấu chẳng ? Đang khi ngồi thiền có phạm tội giết hại chẳng ? Quý vị có những tâm niệm như: “Hắn thật đáng ghét. Tôi sẽ giết hắn” chẳng ? Không. Quý vị có nghĩ về việc ăn cắp chẳng ? Không. Tránh nghiệp giết hại và ăn cắp chính là đang trì giới. Nhờ tham thiền quý vị tự nhiên giữ giới mà không cố gắng, rồi dựa vào đó mà phát khởi thiền định.

Nếu không tham thiền, tất cả vọng tưởng khởi lên trong tâm sẽ dẫn dắt quý vị đi tạo nghiệp giết hại, ăn cắp, tà dâm, nói láo, hay uống rượu. Một tâm niệm sai lầm có thể dẫn đến biết bao nghiệp xấu. Ngược lại, nếu ngồi thiền thì những vấn đề đó đều tan biến trong khi tự nhiên giữ giới mà không cố gắng. Nếu có thể chịu đựng sự đau nhức, thì sự giữ giới tự nhiên đó sẽ phát sanh thiền định, rồi từ đó phát sanh trí huệ. Lúc ấy, quý vị tinh tấn tu giới định huệ để diệt trừ tham sân si. Với ý chí tu hành, quý vị tẩy trừ tham lam và không còn nóng giận khi bị người khác đánh đập. Khi ngồi thiền quán, vô minh sẽ biến mất và tâm cuồng tánh loạn sẽ tiêu tan. Xin hỏi chứ có phải đó là những điều lợi lạc vô cùng chăng ? Đó là lý do tại sao bảo rằng tham thiền là pháp môn bao trùm hết tất cả pháp môn. Khi tham thiền đúng đắn, càng hành nhiều chừng nào thì càng mau khai ngộ hay minh mẫn chừng ấy. Phải tránh loại “thiền chết” vì cách đó khiến chúng ta bị ngu si thêm, không thể phân biệt nam bắc hay ngày đêm, thể như uống thuốc mê.

“Bốn địa phong quang nguyên như thử (cội nguồn xưa nay của chúng ta vốn là gì ?)”.

Mọi hơi thở, cử chỉ, lời nói, hành vi, suy nghĩ, phản ứng đều ảnh hưởng đến thời gian và không gian trong vũ trụ. Cũng vậy, khí lành, khí xấu, khí thanh tịnh, khí ô nhiễm trong vũ trụ đều ảnh hưởng đến chúng ta. Nếu thật sự muốn xoay về bản gốc thanh tịnh và thấy rõ mặt mũi xưa nay của mình, thì phải xả bỏ tất cả sự chấp trước về thân tâm cũng như nhìn xuyên suốt tất cả sự vật. Chúng ta phải chịu đựng sự tôi luyện trong lò lửa hồng trước khi phần thanh tịnh được tách riêng phần ô nhiễm. Trí huệ sẽ hiển hiện một khi tư tưởng và hơi thở đã được thanh tịnh hóa. Vẫn còn phần ô trọc thì phần thanh tịnh chưa được đầy đủ, nghĩa là sự ngu si của chúng ta vẫn còn đầy dẫy. Thế nên, đi và ngồi trong thiền đường cũng giống như lắng đọng bùn xuống đáy nước, để nước tâm được thanh tịnh trong sạch. Kế đến, nếu chúng ta lọc cạn cấu nơi đáy nước thì pháp thân thanh tịnh sẽ hiển hiện. Lọc cạn cấu bùn như nghĩa là thấy tâm rõ tánh, xoay về cội nguồn, bước lên đường trở về nhà để tìm xem nguyên quán của mình như thế nào.

Trong việc tu hành, phải thanh tịnh hóa trong và ngoài. Thanh tịnh hóa bên trong nghĩa là không khởi những vọng tưởng điên rồ. Thanh

tịnh hóa bên ngoài nghĩa là không tạo tác những hành vi lầm lẫn. Bên trong, phải vun bồi đất tâm và dưỡng tánh trong trời đất như chư thánh hiền. Bên ngoài, phải hành như vì vua bằng cách tránh làm việc xấu, thường làm việc lành, và mang lại lợi ích cho tất cả chúng sanh. Bên ngoài tạo công để thành tựu quả lành bên trong; nghĩa là bên ngoài lập công, còn bên trong thì tạo đức. Lập công có nghĩa là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Khi giúp người khác, chớ nên chấp trước vào tâm tưởng là có làm lợi ích cho họ; phải làm như không có gì xảy ra. Vừa có sự chấp trước thì liền chấp tướng. Lập công tạo đức làm lợi ích cho chúng sanh là bốn phận mà chúng ta phải làm. Chớ giữ ý niệm đang làm lợi ích cho họ để khi làm xong, không còn một sự chấp trước nào cả. Ngoài thì làm lợi cho người, còn trong thì làm lợi cho mình chính là ngòi tham thiền. Ngòi trong phút giây nào đều có sự lợi ích hữu dụng. Những gì là lợi ích ? Khi ngòi thiền đến độ hoàn toàn tịch tĩnh, ánh sáng thanh tịnh cùng cực chiếu suốt và quý vị sẽ cảm thấy dường như trong không còn thân tâm, cũng như ngoài thì không còn thế giới. Nếu vẫn nhập vào cảnh giới này khi không ngòi thiền thì được gọi là động tĩnh nhất như (trong động và trong tĩnh lặng, tâm niệm đều như nhau). Nói cách khác, khi

ngồi tĩnh tọa hay di động đều không có bất cứ vọng niệm nào. Động là tĩnh và tĩnh là động, tức là không còn có hai.

Khi công phu được như thế, quý vị sẽ thường nhập trong thiền định. Thế nên có câu: “Thời thời thường trong định. Chẳng có lúc nào mà không định”.

Nhất cử nhất động đều trong định; mọi ngôn từ, hành vi, đi, đứng, nằm, ngồi đều được hành trong định.

“Mắt xem thấy sắc nhưng trong tâm lại trống không. Tai nghe âm thanh nhưng nào biết đến”.

Để đạt đến cảnh giới thiền định này cần phải ngồi tham thiền. Trải qua thời gian dài dụng công thì sẽ đạt đến đó.

Nếu thật sự dụng công hay đến độ tương ứng với đạo thì không còn biết đói khát, lạnh nóng, tức là chẳng màng tất cả điều gì. Nếu đạt đến cảnh giới đó, quý vị sẽ biết rõ tất cả mọi việc. Dẫu có làm việc gì, nếu làm đến độ cùng cực thì sẽ có sự thay đổi. Cũng vậy, khi đạt đến điểm cùng cực của sự tĩnh lặng thì dao động hiển hiện. Ngược lại, khi dao động đến cực điểm thì tĩnh lặng hiển lộ. Điển hình, ban ngày là

động và ban đêm là tĩnh. Đêm tối đạt đến nơi cùng cực thì chính là lúc trời hừng sáng. Ban ngày đạt đến nơi cuối cùng thì trời hoàng hôn. Do đó, một ngày một đêm chính là một động một tĩnh. Nếu biết cách dụng công thì tu hành cho đến độ cái động không làm chướng ngại cái tĩnh và cái tĩnh không làm chướng ngại cái động; trong động có tĩnh và trong tĩnh có động. Lúc đó, sẽ nhận thấy trong chân không có diệu hữu và trong diệu hữu có chân không.

Chúng ta phải quyết chí tham thiền cho đến khi nhận rõ mình là ai. Chúng ta hàm hồ đến cõi này. Cuộc đời vô ý nghĩa nếu vẫn tiếp tục chết trong mê mờ. Chúng ta nhất định phải biết tại sao sanh ra ở cõi này và chết rồi sẽ đi về đâu. Chúng ta có thể chết một cách tự do tự tại chăng? Mục đích tu hành của chúng ta là phải đạt được sự tự tại trong sanh tử vì đó mới là sự tự do chân thật, tức là khả năng đến đi bất cứ nơi nào mà mình thích chứ không có phiền muộn lo âu. Nếu muốn đến cõi Tây Phương Cực Lạc, chúng ta chỉ việc ngồi xếp bằng trong tư thế hoa sen, già từ mọi người rồi đi vãng sanh. Đó mới gọi là sự giải thoát sanh tử chân thật.

Có câu: “Để thoát chết, phải dụng công rốt ráo”.

Để thoát dòng sanh tử, phải tu hành mà không sợ chết. Không nên sợ đau nhức, khổ sở, nhọc nhằn, khó khăn, hay bất cứ điều gì.

Thiền là thể chính yếu của chư Phật. Chư Phật trong mười phương xuất sanh từ thiền định. Nếu thiếu công phu tu thiền định, quý vị không thể nào khai ngộ hay chứng đắc quả vị Phật. Chúng ta không thuộc vào bất cứ tông phái nào như Quy Ngưỡng, Lâm Tế, Tào Động, Pháp Nhãn, Vân Môn. Chúng ta bao trùm toàn thể. Ví dụ, nếu cái bàn này biểu trưng cho sự hiện hành (tác dụng) của toàn thể thì chúng ta cũng giống như cái bàn tròn chứ không phải là một góc cạnh nào đó. Đó là lý do tại sao chúng ta phải làm hết sức tự nhiên mà không quảng cáo.

Pháp Môn Niệm Phật.

“A Di Đà Phật Đại Pháp Vương (Phật A Di Đà là đấng Pháp Vương vô thượng)”.

Tại sao chúng ta niệm “Nam mô A Di Đà Phật” ? Vì Phật A Di Đà có duyên lành lớn với chúng sanh trong mười phương. Trước khi chứng quả vị Phật, lúc còn tu hành nơi nhân địa, Ngài là vị tỳ kheo có pháp hiệu là Pháp Tạng; vị này phát 48 lời nguyện mà trong đó có lời

nguyện: Nguyện rằng sau khi thành Phật, nếu chúng sanh trong 10 phương xưng niệm danh hiệu của tôi thì nhất định sẽ thành Phật. Bằng không, tôi sẽ không chứng quả vị Phật”.

Nguyện lực của Phật A Di Đà giống như nam châm; chúng sanh trong 10 phương giống như sắc vụn. Đó là nhân duyên mà Ngài tiếp độ chúng sanh trong 10 phương sang cõi Tây Phương Tịnh Độ. Nếu chúng sanh không được tiếp độ thì sao ? Phật A Di Đà nguyện rằng chính Ngài sẽ không thành Phật. Do đó, tất cả chúng sanh như chúng ta nếu xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà thì sẽ có cơ hội thành Phật.

“Phổ nhiếp quần cơ vãng Tây Phương (tiếp độ hết muôn loài sang vãng sanh cõi Tây Phương Cực Lạc)”.

Kinh Di Đà thuộc thể loại kinh mà không do ai thỉnh hỏi nhưng Phật tự thuyết. Tại sao ? Vì không hiểu rõ pháp môn này, nên không ai có thể thỉnh Phật thuyết. Dẫu đại trí Xá Lợi Phật là vị đủ căn cơ lành nhưng không biết thỉnh hỏi Phật về pháp môn này. Có thể vì không giữ mãi được, nên Phật mới dạy cho đại chúng biết về pháp môn phương tiện nhất, trực tiếp nhất,

hoàn mãn nhất, dễ dàng nhất. Nếu ai chỉ cần nhất tâm bất loạn mà niệm danh hiệu Phật A Di Đà trong một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, cho đến bảy ngày, thì vào lúc lâm chung Ngài sẽ cùng chư thánh chúng hiện trước mặt người đó và tiếp dẫn họ sang cõi Tịnh Độ.

Dẫu hầu hết mọi người đều nhận thấy khó tin về pháp môn này, nhưng đây là pháp môn trực tiếp và dễ hành nhất.

Pháp môn Niệm Phật thích hợp cho cả ba căn cơ và mang lại lợi ích cho kẻ ngu lẫn người trí. Dẫu thông minh hay ngu si, tất cả đều có khả năng thành Phật. Khi được vãng sanh sang cõi Tây Phương Tịnh Độ nơi “không còn các điều khổ mà chỉ có những sự an vui”, thì sẽ hóa sanh từ hoa sen. Lúc đó, chúng ta sẽ không còn sanh trong bào thai như con người nhưng sẽ hóa sanh trong hoa sen, sống trong đó một thời gian, rồi tương lai sẽ thành Phật.

“Trú dạ trì danh chuyên thành niệm (ngày đêm thành tâm chuyên nhất trì danh hiệu Phật)”.

“Nhất cú Di Đà vạn pháp vương

Ngũ thời bát giáo tận hàm tạng
 Hành nhân đản năng chuyên trì niệm
 Định nhập Như Lai bất động đường”.

Tạm dịch:

Một câu Di Đà là vua muôn pháp
 Năm thời tám giáo đều bao trùm cả
 Những ai chuyên trì niệm danh hiệu Ngài
 Sẽ vào thiên định bất động Như Lai”.

“Một câu Di Đà là vua muôn pháp. Năm thời tám giáo đều bao trùm cả”. Giáo lý của Phật Thích Ca được phân thành tám giáo: Tạng, thông, biệt, viên, đốn, tiệm, bí mật, bất định. Năm thời là thời Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa và Niết Bàn. Năm thời và tám giáo đều được bao hàm trong một câu Di Đà.

“Những ai chuyên trì niệm danh hiệu Ngài, sẽ vào thiên định bất động Như Lai”. Người đó sẽ chắc chắn vãng sanh sang cõi Tịnh Độ Thường Tịch Quang. Chúng sanh trong đời mạt pháp sẽ được cứu độ nhờ niệm danh hiệu Phật. Nếu chúng ta muốn được tiếp độ, phải thường niệm Phật.

“Thiếu thuyết nhất cú thoại

Đa niệm nhất thanh Phật

Đả đắc niệm đầu tử

Hứa nhữ pháp thân hoạt

Tạm dịch:

Nói bớt ít một câu

Thêm một tiếng niệm Phật

Đập chết vọng niệm xấu

Khiến sống lại pháp thân”.

Chúng ta chớ xem thường pháp môn niệm Phật.

“Thời khắc quán tưởng thiện tư lượng (trong mọi phút giây đều phải quán tưởng kỹ càng)”.

Có bốn cách niệm Phật.

1/ Trì danh niệm Phật: Nghĩa là cứ niệm “Nam mô A Di Đà Phật” liên tục không dừng.

2/ Quán tưởng niệm Phật: Nghĩa là quán xem:

“A Di Đà Phật thân kim sắc

Tướng hảo quang minh vô đẳng luân
 Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di
 Cấm mục trừng thanh tứ đại hải
 Quang trung hóa Phật vô số ức
 Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên
 Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh.
 Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn
 Tạm dịch:

Phật A Di Đà thân sắc vàng
 Hảo tướng sáng ngời không ai sánh
 Mi trắng uyển chuyển năm Tu Di
 Mắt xanh thanh tịnh rộng như biển
 Trong hào quang vô số hóa Phật
 Chư hóa Bồ Tát cũng vô biên
 Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh
 Chín phẩm sen vàng lên giải thoát”.

3/ Quán tướng niệm Phật: Nghĩa là vừa niệm Phật và vừa quán hình tượng của Ngài. Phải niệm câu đó rõ ràng, nghe rành mạch, và giữ trong tâm rành rẽ.

4/ Thật tướng niệm Phật: Chính là tham thiền. Khi tham thiền, chúng ta tham quán câu “Ai là người đang niệm Phật ?” Chúng ta niệm “Nam mô A Di Đà Phật” suốt hai tuần, rồi tìm xem “Ai” là người đang niệm Phật. Phải thường tham quán chứ không để mất chữ “Ai”. Nếu đánh mất thì không thể trở về quê cũ. Nếu như thế thì sẽ không gặp Phật Di Đà.

“Chánh tín chánh nguyện chánh hạnh giả (phải có chánh tín, chánh nguyện và chánh hạnh)”.

Tín, nguyện, hạnh là ba tư lương của người tu hành pháp môn niệm Phật. Sao gọi là tư lương ? Để du hành đến một nơi nào đó, quý vị phải chuẩn bị lương thực; đó gọi là “Lương”; chuẩn bị đem theo tiền bạc, đó gọi là “Tư”. Tư lương chính là thức ăn và tiền bạc mà quý vị phải đem theo. Muốn sang cõi Tây Phương Tịnh Độ cũng phải có ba hành trang; đó là tín, nguyện, hạnh. Trước hết nhất định phải có niềm tin, bằng ngược lại thì không có duyên lành với cõi Cực Lạc. Thế nên, việc đầu tiên là phải có niềm tin; nghĩa là tin mình, tin Phật, tin nhân, tin quả, tin lý, tin sự.

Tại sao tin mình ? Phải tin mình quyết có đủ khả năng và tư cách vãng sanh sang cõi Tây Phương Tịnh Độ. Chớ tự khinh mình mà bảo: “Tôi tạo quá nhiều nghiệp xấu. Tôi không thể được vãng sanh sang cõi đó”. Đó là không có niềm tự tín. Giả sử có tạo bao nghiệp nặng, nhưng nay gặp được duyên lành: Có thể “Đổi nghiệp vãng sanh (mang nghiệp sang cõi Tây Phương)”. Nghĩa là dẫu có tạo nghiệp xấu gì trong quá khứ, quý vị vẫn có thể được vãng sanh và mang theo những nghiệp đó sang cõi Cực Lạc. Tuy nhiên, phải biết rằng chỉ mang những nghiệp xấu đã làm tạo trong quá khứ chứ không phải nghiệp xấu đang tạo tác. Nghiệp xấu trong quá khứ tức là những nghiệp trong các đời tiền kiếp. Nghiệp xấu đang tạo tác sẽ chín muồi trong tương lai. Quý vị chỉ có thể mang những nghiệp xấu đã tạo trong quá khứ chứ không phải nghiệp đang tạo trong hiện tại mà sẽ chín muồi trong tương lai. Dẫu xưa kia có tạo nghiệp gì, nhưng hiện tại vẫn có thể chuyển việc xấu hướng về điều lành, ngừng làm ác để trở thành người lương thiện. Làm được như thế mới mang nghiệp xa xưa sang cõi Tịnh Độ. Nếu vẫn tạo nghiệp thì không thể nào được vãng sanh.

Thứ hai, phải tin xác thật rằng có cõi Tây Phương Cực Lạc, cách xa thế giới chúng ta hơn trăm ngàn triệu cõi Phật. Trước khi thành Phật, tỳ kheo Pháp Tạng phát nguyện tạo cảnh Cực Lạc ở phương tây; nơi đó nếu có bất cứ chúng sanh nào trong 10 phương phát nguyện cầu vãng sanh thì sẽ được vãng sanh bằng cách niệm danh hiệu của Phật A Di Đà mà không cần làm gì thêm cả. Đây là pháp môn đơn giản nhất, dễ dàng nhất, thuận tiện nhất, hoàn mãn nhất mà không tốn kém hay mất công sức gì cả. Đây là pháp môn tối cao và vô thượng nhất, vì chỉ cần niệm “Nam mô A Di Đà Phật” là sẽ được vãng sanh sang cõi Cực Lạc.

Lại nữa, phải cần tin nhân và tin quả. Tin nhân nghĩa là tin rằng trong quá khứ quý vị đã từng gieo trồng căn lành khiến cho hôm nay tin tưởng vào pháp môn này. Nếu không có căn lành thì không ai có thể gặp được pháp môn Niệm Phật. Nhờ có căn lành đã trồng trong quá khứ nên ngày nay mới biết tín, nguyện, hạnh của pháp môn Niệm Phật. Song, nếu không tiếp tục trồng dưỡng căn lành đã từng gieo trồng thì sẽ không thể gặt hái quả Bồ Đề trong tương lai. Đó là lý do tại sao phải tin vào lý nhân quả; tin rằng do quá khứ đã gieo nhân lành Bồ Đề nên trong

tương lai sẽ gặt hái quả giác ngộ. Lý này cũng giống như gieo lúa mạ trên đồng: Phải trường dưỡng, vun trồng hạt giống trước khi chúng nảy mầm.

Cuối cùng, phải tin vào sự và lý. Tin sự nghĩa là phải tin rằng Phật Di Đà có duyên lành lớn lao đối với chúng ta và chắc chắn sẽ tiếp dẫn chúng ta đến quả vị Phật. Tin lý nghĩa là chúng ta có duyên lành lớn với Phật A Di Đà, bằng ngược lại thì không thể gặp được pháp môn Tịnh Độ. Phật A Di Đà là tất cả chúng sanh và tất cả chúng sanh cũng là Phật A Di Đà. Phật A Di Đà thành Phật nhờ niệm danh hiệu Phật. Nếu niệm Phật, chúng ta cũng sẽ thành Phật A Di Đà.

Chúng ta phải y chiếu theo sự và lý mà tu hành. Kinh Hoa Nghiêm thuyết về bốn pháp giới:

- 1/ Sự vô ngại pháp giới.
- 2/ Lý vô ngại pháp giới.
- 3/ Sự lý vô ngại pháp giới.
- 4/ Sự sự vô ngại pháp giới.

Xem xét về bốn pháp giới đó và bàn từ tự tánh thanh tịnh, chúng ta và Phật A Di Đà vốn là một, nên chúng ta có đủ tư cách để thành Phật.

Phật A Di Đà là đức Phật A Di Đà ngay trong bản tánh của chúng sanh (tự tánh Di Đà); chúng sanh là chúng sanh ngay trong tâm của Phật A Di Đà. Do mối liên hệ mật thiết đó nên có lý và sự. Tuy nhiên, quý vị phải tin tưởng lý này và tinh tấn thực hành bằng cách niệm danh hiệu Phật, chứ không thể làm biếng. Sự niệm Phật của quý vị phải tăng trưởng mà không thể giảm bớt.

Đã bàn xong về chữ “Tin”, nay chúng ta sẽ bàn về lời “Nguyện”. Sao gọi là “Nguyện” ? Nguyện tức là ý nguyện; khi ý nguyện hay ý niệm của quý vị hướng về một điều gì đó thì gọi là phát nguyện. Chúng ta biết bốn lời nguyện:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

Tất cả chư Phật và chư Bồ Tát trong quá khứ, hiện tại, và vị lai đều y theo bốn lời nguyện đó mà hành hạnh Bồ Tát và thành Phật.

Để lập nguyện, trước hết phải có niềm tin. Thứ nhất, tin tưởng có cõi Tây Phương Cực Lạc. Thứ hai, tin tưởng vào Phật A Di Đà. Thứ ba, tin

tưởng rằng chúng ta và Phật A Di Đà có duyên lành lớn lao nên chắc chắn sẽ được vãng sanh sang cõi đó. Với niềm tin vào ba điều trên, quý vị mới có thể phát nguyện: “Tôi nguyện sẽ vãng sanh sang cõi nước của Phật A Di Đà”.

Những lời nguyện cần thiết như: “Tôi nguyện được vãng sanh sang cõi kia. Không ai bắt hay kéo tôi phải đi. Tuy bảo rằng Phật A Di Đà sẽ đến tiếp dẫn, tôi vẫn tự nguyện đi vì muốn thân cận Ngài. Tôi nguyện sanh sang cõi Cực Lạc và khi hoa sen nở sẽ được thấy Phật A Di Đà để nghe pháp”.

Kế đến phải lập “Hạnh”. Làm sao lập “Hạnh” ? Niệm danh hiệu Phật: “Nam mô A Di Đà Phật, nam mô A Di Đà Phật...” thế như muốn tránh bị xử tử.

Tín, nguyện, hạnh là hành trang và vé để vãng sanh sang cõi Cực Lạc.

“Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng ca (bài ca niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng)”.

Lúc đang niệm “Nam mô A Di Đà Phật”, mỗi chúng ta tạo tác, trang nghiêm, làm thành tựu cho mình một cõi Cực Lạc, nơi cách xa

chúng ta trăm ngàn triệu cõi Phật. Hiện tại, tuy cõi Tây Phương Cực Lạc của Phật A Di Đà có cách chúng ta trăm ngàn triệu cõi Phật, nhưng khoảng cách đó không vượt ngoài một tâm niệm. Vì ngay trong tâm niệm, nên bảo rằng cõi đó không xa. Cõi Cực Lạc là cội nguồn chân tâm của mỗi chúng ta. Nếu đạt được tâm này thì sẽ được vãng sanh sang đó. Nếu không hiểu chân tâm xưa nay của mình thì sẽ không được vãng sanh. Giữa Phật A Di Đà và chúng sanh không có phân chia bỉ thử. Đó là lý do tại sao tôi nói rằng cõi Cực Lạc không xa. Trong một tâm niệm, hãy xoay lại phản chiếu chính mình để biết rõ mình vốn là Phật, và quả vị Phật đó chính là cõi Cực Lạc.

Với lý do đó, phải diệt trừ mọi vọng niệm ô uế, tạp niệm ái dục, tâm niệm ganh ghét, tâm niệm chướng ngại, tâm niệm ích kỷ, tâm niệm tự lợi. Phải học theo hạnh lợi tha của chư Bồ Tát, cứu giúp tất cả chúng sanh được giác ngộ. Nếu được như thế thì cảnh Cực Lạc luôn hiện trước mắt. Quý vị có đồng ý rằng nếu vọng tưởng và tạp niệm tan mất thì cảnh Cực Lạc hiển hiện chăng? Nếu không đồng ý thì đó là cảnh giới gì? Chớ chạy tìm cầu ở bên ngoài.

Quý vị thiện tri thức ! Tất cả quý vị đều là những bậc đại trí đại huệ. Quý vị thông minh hơn tôi nhiều và trong tương lai sẽ thuyết pháp hay hơn tôi. Bởi vì quý vị không hiểu tiếng Tàu, nên nay tôi giới thiệu quý vị truyền thống tu hành xưa. Trong tương lai, quý vị sẽ chuyển hóa và khiến pháp môn này vi diệu không thể nghĩ bàn.

Xin cho tôi viết bài ca:

“ Đại thánh chúa, A Di Đà

Đoan nghiêm vi diệu canh vô quá

Thất bảo trì, hoa tứ sắc

Dũng kim ba.

Tạm dịch:

Chúa đại thánh A Di Đà

Trang nghiêm vi diệu không ai sánh

Ao bảy báu, hoa bốn màu

Sóng vàng kim”.

Ai là vị đại thánh chúa ? Đó là Phật A Di Đà. Thế nên bảo: “ Chúa đại thánh A Di Đà, trang nghiêm vi diệu không ai sánh”. Đức tướng của Ngài trang nghiêm vi diệu mà không có hình tượng nào sánh bằng. Ngay trong “ao bảy báu”

có “hoa bốn màu”, tức là bốn màu sắc của hoa sen. Không những ao đầy cả bảy loại châu báu mà nước ao cũng tỏa ánh vàng ròng.

“Thanh hoàng xích bạch diệu liên hoa (hoa sen xanh vàng trắng đỏ vi diệu)”.

Cõi Cực Lạc, trong ao bảy báu với nước tám công đức có hoa sen xuất sanh ra do cảm ứng từ sự niệm Phật của chúng ta. Càng niệm Phật nhiều chừng nào thì hoa sen đó càng lớn chừng ấy, nhưng lại chưa nở. Vào lúc qua đời, tự tánh của chúng ta hóa sanh trong hoa sen đó ở cõi Cực Lạc. Có chín phẩm hoa sen, nhưng mỗi phẩm đều tùy thuộc vào công phu niệm Phật của chúng ta. Càng niệm nhiều thì hoa sen càng lớn thêm; ít niệm thì hoa sen nhỏ lại. “Nếu tôi không niệm thì sao?” Nếu hoàn toàn ngừng niệm Phật thì hoa sen của chúng ta sẽ héo tàn. Những phẩm hoa sen tùy thuộc vào sự cố gắng niệm Phật của chúng ta.

“Phong động thủy tịnh diễn ma ha (gió thổi, nước trong lặng diễn pháp Đại Thừa)”.

Tâm thanh tịnh như trăng hiện trên mặt nước. Ý định như bầu trời không mây. Nếu nhập vào niệm Phật tam muội thì sẽ nghe tiếng gió thổi mưa rơi câu: “Nam mô A Di Đà Phật”. Trong mọi âm thanh đều nghe tiếng niệm Phật. Thế nên có câu: “Nước chảy gió thổi diễn pháp Đại Thừa”. Tô Đông Pha viết: “Sơn sắc vô phi quảng trường thiệt. Khê thanh vô phi thanh tịnh âm (Sắc núi không đâu chẳng phải là lưới rộng. Tiếng suối không chi chẳng phải là tiếng thanh tịnh”.

Tất cả màu sắc núi non đều là tướng lưới rộng dài của chư Phật đang diễn thuyết pháp vi diệu. Đó là cảnh giới của sự chứng đắc niệm Phật tam muội. Vì vậy tôi viết bài kệ:

“Niệm Phật năng niệm vô gián đoạn
 Khẩu niệm Di Đà đả thành phiến
 Tạp niệm bất sanh đắc tam muội
 Vãng sanh Tịnh Độ định hữu phần
 Chung nhật yếm phiền Ta Bà khổ
 Tài tương hồng trần tâm niệm đoạn
 Cầu sanh Cực Lạc ý niệm trọng
 Phóng hạ nhiễm niệm quy tịnh niệm.

Tạm dịch:

Niệm Phật nên niệm không gián đoạn

Miệng niệm Di Đà đánh thành khối

Tạp niệm không sanh đạt tam muội

Vãng sanh Tịnh Độ quyết có phần

Suốt ngày chán cảnh khổ Ta Bà

Đoạn trừ tâm niệm chấp cảnh trần

Cầu sanh Cực Lạc ý niệm trọng

Xả bỏ niệm xấu quy niệm tịnh”.

Niệm Phật suốt từ sáng đến tối thì vọng niệm sẽ không sanh khởi, sẽ tự nhiên đạt niệm Phật tam muội, và sẽ được vãng sanh sang cõi Cực Lạc theo ý thích. Biết rõ cõi Ta Bà đầy đầy những sự đau khổ, nên phải cắt đứt mọi tâm tham dục, mong cầu, hay tranh đua danh lợi. Hãy xả bỏ tất cả việc thế tục và tâm niệm vì chúng đều là hư giả. Hãy cầu vãng sanh sang cõi Cực Lạc. Tâm niệm như thế rất quan trọng. Bài kệ này giải thích rõ ràng về lý lẽ niệm Phật. Nếu nắm được mùi pháp lạc đó thì sẽ nhận thấy rất hữu dụng.

“Nhất tâm bất loạn thành tam muội (một lòng chuyên chú thì thành tựu thiền định)”.

Niệm Phật hằng ngày trong Phật thất, chúng ta gieo hạt giống Phật tánh. Mỗi lần niệm là gieo một hạt; niệm mười lần thì gieo mười hạt. Nếu niệm hàng triệu lần trong một ngày thì gieo trồng hàng triệu hạt giống để rồi một ngày nào đó chúng sẽ đâm chồi. Chỉ cần niệm; chớ lo lắng về tạp niệm.

“Thanh châu đầu ư hồn thủy

Hồn thủy bất đắc bất thanh

Niệm Phật nhập ư loạn tâm

Loạn tâm bất đắc bất Phật.

Tạm dịch:

Châu xanh ném vào nước dơ

Nước dơ không thể chẳng trong

Niệm Phật nhập vào tâm loạn

Tâm loạn không thể chẳng giác”.

Niệm Phật cũng giống như ném hạt châu vào nước đục khiến nó trở nên lắng trong. Hạt châu thanh tịnh hóa nước dơ này có thể làm trong sạch bùn sinh. Niệm Phật cũng như hạt châu đó. Ai đếm được con số vọng

tưởng nổi lên từng hồi không ngừng như dòng sóng biển ? Khi danh hiệu Phật nhập vào tâm tán loạn, tâm tán loạn trở thành tâm Phật, tức là tâm giác ngộ. Niệm Phật một lần thì trong tâm có một vị Phật; niệm mười lần thì có mười vị Phật; niệm trăm lần thì có trăm vị Phật; càng niệm thì càng có nhiều vị Phật. Chỉ cần niệm “Nam mô A Di Đà Phật” thì có tâm Phật trong ý niệm. Khi niệm Phật thì Phật niệm chúng ta cũng giống như bắt làn sóng tivi. Quý vị niệm ở đây thì Phật ở bên kia niệm quý vị. Đó là cảm ứng đạo giao. Khi niệm Phật, nhờ không còn bất cứ vọng niệm nào, nên tự tánh có công đức vô lượng.

“Vạn lự giai không, nhập liên bang (muôn niệm đều ngừng liền nhập vào cõi Cực Lạc)”.

Tâm niệm hoang cuồng luôn luôn tìm việc để làm mà không ngơi nghỉ. Để cho nó được rãnh rỗi tự tại, chúng ta cho nó công tác bằng cách niệm “Nam mô A Di Đà Phật”. Đây cũng là một hình thức tham thiền. Không cần phải ngồi xếp bằng nhắm mắt như thiền sư Lâm Tế để tham thiền. Quý vị có thể mở mắt khi tham thiền.

“Đi cũng thiền; đứng cũng thiền; nói năng động tĩnh đều an nhiên”.

Dẫu đi, đứng, nằm, ngồi đều tham thiền. Người xưa có câu: “Có Thiền có Tịnh độ như cọp thêm sừng. Hiện đời làm thầy trời người; đời sau sẽ làm Phật Tổ. Có thiền mà không Tịnh độ, mười người tu thì chín người lạc. Không thiền mà có Tịnh độ, muôn người tu thì muôn người được vãng sanh”.

Pháp môn Tịnh độ là phương pháp tu hành dễ dàng nhất. Trong quá khứ, chư đại Bồ Tát đều tán thán pháp môn Tịnh độ, như Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền (chính Ngài niệm Phật và khuyến khích chúng sanh trong 10 phương cầu vãng sanh, trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, kinh Hoa Nghiêm), Quán Âm, Thế Chí. Ai đã từng nghe qua kinh Lăng Nghiêm thì phải biết đến chương “Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông” bàn rõ và rất hay về pháp môn niệm Phật. Tất cả chư đại Bồ Tát trong quá khứ đều tán thán và chuyên tu pháp môn Tịnh độ. Chư Tổ sư trong quá khứ đều bắt đầu tham thiền, ngộ đạo, rồi chuyên chú niệm Phật. Thiền sư Vĩnh Minh mỗi khi niệm một danh hiệu Phật thì có một hóa Phật hiện ra từ cửa miệng. Gần đây, đại pháp sư Ấn Quang chuyên môn đề xướng

pháp môn niệm Phật. Ngài Hư Vân cũng đề xướng như thế. Pháp môn được chư Phật tán thán này rất dễ dàng, thuận tiện, và hoàn mỹ nhất. Có phải trong kinh A Di Đà miêu tả chư Phật trong 10 phương đều hiện tướng lưỡi rộng dài bao trùm ba ngàn đại thiên thế giới để tán thán pháp môn này không ? Đây là cách tu hành hay nhất. Mọi người nên dùng pháp môn này mà đặt biệt nhất là ngay trong đời mạng pháp. Tuy nhiên, vì đang duy trì chánh pháp ở nơi đây, nếu không muốn niệm Phật thì phải tham thiền thế như mạng sống tùy thuộc vào đó. Chớ sợ khổ đau !

“Đốn ngộ vô sanh Phật thân hiện (chóng ngộ đến nơi vô sanh thì thân Phật hiển hiện)”.

Trì danh niệm Phật là pháp môn rất quan trọng trong thời mạng pháp, nên pháp môn này được phổ biến khắp mọi nơi. Tuy nhiên, chớ xem thường pháp môn này. Mỗi lần thiền sư Vĩnh Minh niệm một danh hiệu Phật thì từ trong miệng xuất ra một vị hóa Phật mà những ai có ngũ nhãn lục thông vào đương thời mới thấy rõ. Khi niệm Phật, quý vị phóng ánh hào quang khiến yêu ma quỷ quái đều hoảng sợ, bỏ chạy

xa, không dám quấy rầy. Do đó, công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn.

“Diệu giác quả vị tự thừa đương (chứng đắc quả vị Diệu Giác là bốn phận)”.

Chớ hỏi rằng pháp môn niệm Phật là thật hay giả. Nếu dụng công giỏi thì pháp môn đó sẽ thật, bằng ngược lại thì sẽ giả. Tất cả pháp môn đều như thế.

“Khi kẻ tà tu hành chánh pháp thì chánh pháp biến thành tà pháp. Khi người chân chánh hành tà pháp thì tà pháp biến thành chánh pháp”.

Tất cả đều do con người. Khi lễ Phật, phải quán tưởng như vậy: “Thân con lễ khắp 10 phương chư Phật trong vô lượng cõi Phật”.

Hãy quán tưởng thân mình bao trùm khắp pháp giới.

“Nhược nhân dục liễu tri

Tam thế nhất thiết Phật

Ứng quán pháp giới tánh

Nhất thiết duy tâm tạo.

Dịch:

Nếu ai muốn biết rõ
Ba đời của chư Phật
Nên quán tánh pháp giới
Tất cả do tâm tạo”.

“Thiết vọng chư hiền tề nỗ lực (hy vọng tất cả người hiền đều đồng lòng nỗ lực tu hành)”.

Pháp môn niệm Phật là phương pháp tu hành dễ dàng nhất mà ai ai cũng có thể hành được. Chỉ cần niệm “Nam mô A Di Đà Phật” thì vào lúc lâm chung sẽ được vãng sanh trong hoa sen nơi cõi Cực Lạc, ngày ngày được nghe Phật A Di Đà thuyết pháp, và trong tương lai sẽ thành Phật. Trong tương lai vào lúc qua đời, nếu niệm Phật thì được vãng sanh. Tuy nhiên, trong hiện thời chưa chết thì tại sao phải niệm danh hiệu của Ngài ? Phải dụng công niệm Phật trong hiện tại để nhớ mà niệm vào lúc qua đời. Giống như cây phải mọc lên trong bao năm mới cao đến trăm thước, quý vị phải niệm Phật ngay bây giờ để khi tử thần đến mới có khả năng niệm chuyên chú mà không bị bệnh hoạn, tham lam, sân hận, si mê làm điên đảo, rồi Phật A Di Đà sẽ

đến tiếp dẫn. Nếu không niệm ngay bây giờ thì sẽ không còn nhớ niệm khi thân thể rã rời vào lúc sắp chết, trừ khi có thiện tri thức đến nhắc nhở và cứu giúp. Do đó, việc quan trọng là phải niệm Phật trong hàng ngày và nhập vào niệm Phật tam muội để sự niệm Phật sẽ đến tự nhiên vào lúc lâm chung mà không quên mất. Hoặc giả, nếu không thể niệm Phật, nhưng Phật A Di Đà vẫn không quên cõi thuyề đại nguyện đến tiếp độ quý vị lên sen vàng và tiếp dẫn sang cõi Cực Lạc. Ngài sẽ không quên quý vị.

“Quý vị niệm Phật. Tôi niệm Phật”. Tại sao quý vị và tôi niệm Phật ? Để chấm dứt dòng sanh tử; để chuyển hóa cõi Ta Bà; để mọi nơi đều là cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà. Không mình người thì còn gì nữa ? Quán tịch tĩnh, đều tự hiểu muôn vật. Đoạn phiền não, phá vô minh, vượt khỏi sông ái của ba cõi”.

Kẻ ngu niệm Phật để cầu Phật ban cho thức ăn. Có người niệm “Nam mô A Di Đà Phật, nam mô A Di Đà Phật, xin ban cho chúng con khí hậu ấm !” Có người niệm Phật vì hy vọng được may mắn sung sướng hoặc tránh khỏi những vấn đề rắc rối khó khăn. Mục đích chủ yếu của việc niệm Phật là chấm dứt dòng sanh tử. Nếu muốn sống mãi mãi thì phải niệm Phật

A Di Đà. Nếu muốn chết thì nên niệm Phật để Ngài đến tiếp độ. Chúng ta sẽ được thoát khỏi bệnh hoạn, tham lam, ngu si giống như nhập thiền định và sẽ được vãng sanh mà không mấy khó khăn. Thứ hai, nếu niệm Phật, chúng ta có khả năng chuyển hóa cõi Ta Bà thành cõi Cực Lạc, nơi mà chúng sanh không còn chịu đựng khổ đau và chỉ hưởng an lạc sung sướng. Niệm Phật đến độ mình, người, và Phật đều không. Quý vị có thể bảo: “Điều này thật nguy hiểm ! Nếu tất cả đều tan mất thì phải chăng chúng ta cũng sẽ bị hủy diệt ?” Chỉ sợ rằng làm không được thôi. Nếu thật sự “diệt mất” thì quý vị sẽ được tự do. Bây giờ, quý vị sẽ tỏ ngộ muôn việc trên thế gian như tại sao quạ lại đen, sếu lại trắng, thông lại thẳng, bụi gai lại cong. Nhờ hiểu rõ mọi việc mà cắt đứt được phiền não, phá vỡ được màn vô minh, và quý vị vượt khỏi dòng sông ái dục lớn lao ở ba cõi Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới. Trong ba cõi, chúng ta điên đảo luyến ái lẫn nhau cho đến chết, rồi trở lại trong bào thai mà chưa bao giờ thức tỉnh để vượt ra. Tuy nhiên, trong hiện tại, chúng ta muốn vượt khỏi dòng sông ái dục. Có người nói: “Tôi chưa muốn làm”. Nếu như thế thì quý vị vẫn có thể chịu thêm nhiều vòng sanh tử nữa. Trong mỗi vòng, quý vị bị đọa lạc xuống thấp hơn cho đến khi chìm

xuống đáy sông ái dục. Bị chìm đắm biểu trưng cho việc thần thức của quý vị bị phân thành nhiều loài vật như kiến muỗi. Những loài côn trùng đó có ít trí huệ, ít phước báo, và thọ mạng ngắn ngủi.

“Tây Phương Cực Lạc thị quân gia (cõi Tây Phương Cực Lạc chính là quê hương của quý vị)”.

Trên thế gian này, trước khi việc gì xảy ra, mọi sự đều không nhất định. Luôn luôn có thể thay đổi tương lai. Ví dụ, trước khi niệm “Nam mô A Di Đà Phật” chúng ta chưa đủ tiêu chuẩn để được vãng sanh. Một khi đã niệm Phật rồi thì trở nên đủ tiêu chuẩn. Dẫu được vãng sanh là điều rất khó khăn, nhưng một khi niệm Phật thì có thể đi được. Ngược lại, dẫu có thể được vãng sanh ngay trong một tâm niệm mà không tụng đọc một câu nào cả, thì không thể vãng sanh sang cõi đó. Vì vậy, không có gì là nhất định cả. Kinh Kim Cang thuyết: “Không có một pháp nào là pháp nhất định. Thế nên được gọi là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Đó là phương pháp chứng đắc đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chúng ta phải dũng mãnh tiến bước mà không sợ khổ đau, khó khăn, nóng, lạnh cho

đến khi vãng sanh qua cõi Cực Lạc. Niệm “Nam mô A Di Đà Phật” mới là cách tu hành chân thật. Trong lúc niệm Phật, việc quan trọng nhất là phải chấm dứt dòng sanh tử luân hồi.

Bồ Tát Quán Thế Âm.

“Ta Bà hữu tân văn Quán Âm (thật may mắn nghe được danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm ở cõi Ta Bà)”.

Bồ Tát Quán Thế Âm có duyên lành lớn với chúng sanh ở cõi Ta Bà. Có câu: “Bồ Tát Quán Thế Âm ở trong mọi gia đình. Phật A Di Đà ở trong mọi chốn”.

Tại sao người thế tục có câu đó ? Vì họ cảm nhận thâm sâu lòng từ bi của Phật A Di Đà (nghĩa là Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ) và Bồ Tát Quán Thế Âm (quán sát âm thanh của thế gian), nên ai ai cũng biết đến hai vị này.

Trong đạo Phật, Bồ Tát Quán Thế Âm chiếm địa vị rất quan trọng. Có người bảo Bồ Tát Quán Thế Âm là người Tàu; có người cho rằng Ngài là người Mỹ; có người cho rằng Ngài là nam; có người bảo rằng Ngài là nữ. Song, hôm nay tôi xin thưa với quý vị rằng Bồ Tát Quán Thế

Âm không phải người Tàu, người Mỹ, nam, nữ. Thế thì Ngài đến từ nơi nào ? Ngài hiện thân khắp hư không và tận cùng pháp giới. Ngài ở mọi nơi nhưng lại không ở mọi nơi. Ngài ứng thân tùy theo loại để cứu độ và thuyết pháp cho chúng sanh. Thế nên, ứng thân của Ngài không nhất định. Bồ Tát Quán Thế Âm thị hiện thân Phật để độ những chúng sanh chắc chắn sẽ thành Phật; thị hiện thân Bồ Tát cho chúng sanh chắc chắn sẽ thành Bồ Tát; thị hiện thân Thiên Vương để thuyết pháp cho chư Thiên.

Trong Phật giáo, Bồ Tát Quán Thế Âm là vị đi khắp nơi giáo hóa chúng sanh, khiến họ phát tâm Bồ Đề. Trước hết, Ngài xem xét coi chúng sanh thích những gì, rồi khiến họ vui với những gì họ thích. Một khi đã vui thích xong, họ sẽ hoan hỷ nghe Ngài thuyết pháp và dần dần được Ngài cứu độ. Do đó, tôi nói rằng Bồ Tát Quán Thế Âm không nhất định có thân nam, thân nữ. Ngài có thể là nam hay nữ, mà đó chỉ là những thân hình biến hóa. Bản thể của Ngài vốn như như bất động và đồng chư Phật không khác. Ngài đã thành Phật lâu xa trong tiền kiếp với danh hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Hiện tại, Ngài chỉ hóa hiện hình tướng Bồ Tát để giáo hóa chúng sanh.

Trong đạo Phật, Ngài hiện thân Bồ Tát. Trong những tôn giáo khác, Ngài cũng hiện thân làm ngoại đạo như mặc y phục trắng, mà đạo Gia Tô gọi Ngài là Thánh Mẫu. Thánh Mẫu đó thật sự là ai ? Đó cũng chính là Bồ Tát Quán Thế Âm hóa thân để chỉ dạy cho chúng sanh ngoại đạo. Ngài hiện thân bạch y với danh hiệu là Thánh Mẫu để khiến cho chúng sanh ngoại đạo phát tâm Bồ Đề, mau chóng hiểu rõ Phật pháp. Một khi đã hiểu rõ, thì họ sẽ phát tâm Bồ Đề. Đó là những cảnh giới không thể nghĩ bàn và diệu dụng vô cùng tận của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Ngài thường dùng từ, bi, hỷ, xả để cứu độ hết thảy chúng sanh. Ngài cứu độ chúng sanh thoát khỏi bảy hiểm nạn, ứng hai sở cầu. Ngài có mười bốn lực vô úy, mười chín cách thuyết pháp, ba mươi hai ứng thân. Nếu ai cầu con trai hay con gái, thì sự mong cầu nguyện sẽ được toại nguyện. Đó là hai việc sở cầu. Do đó, trong Quán Thế Âm Thất, dầu ai có phát nguyện gì, sự cầu nguyện của họ nhất định sẽ được thành tựu, vì nếu có cầu tức có sự cảm ứng của Bồ Tát. Nếu cầu xuất gia, cầu không xuất gia, cầu thành Phật, tất cả đều có thể được thành tựu. Do Bồ Tát Quán Thế Âm đại từ đại bi, Ngài sẽ không làm quý vị thất vọng dầu quý vị có cầu nguyện

điều gì. Thế nên, trong Quán Thế Âm Thất, quý vị có cầu nguyện điều gì cũng được. Dầu cầu mong có con trai, con gái, giàu sang, sống lâu, quý vị đều sẽ được toại nguyện. Song, nói đích thực thì những niềm vui đó chỉ là niềm vui hữu lậu, có giới hạn. Quý vị phải cầu mong quả vị Phật vô lậu. Sự vinh hoa phú quý ở thế gian đều là hữu lậu và đều sẽ hết tận, còn niềm vui vô lậu không bao giờ cùng tận. Thế nên, chúng ta hãy niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm nhiều hơn để chứng quả vị vô lậu.

“Dũng mãnh tinh tấn nhất tâm niệm (một lòng dũng mãnh tinh tấn niệm)”.

Khi niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, phải niệm không ngừng nghỉ, như dòng nước chảy bất tận. Chúng ta phải niệm như thế đó cho đến khi đả thành một phiến. Đi, đứng, nằm, ngồi đều niệm danh hiệu Ngài. Phải đặc biệt chú ý chớ quên danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm trong từng tâm niệm. Mỗi câu niệm phải rõ ràng rành mạch. Không nên ngủ gục hay khởi vọng tưởng khi niệm danh hiệu Ngài. Không nghĩ gì cả ngoài việc chuyên tâm nhất ý mà niệm câu: “Nam mô Bồ Tát Quán Thế Âm”. Dầu đi, đứng,

nằm, ngồi đều không rời câu niệm danh hiệu Ngài.

Nếu quý vị niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài cũng niệm quý vị. Niệm danh hiệu Ngài với niềm hy vọng rằng Ngài sẽ khởi lòng từ bi cứu độ hết chúng sanh. Ngài cũng niệm quý vị, với niềm hy vọng rằng quý vị sẽ xa rời đau khổ mà được an lạc; thoát khỏi bệnh tật, tai hoạ; tội diệt phước sanh; tâm Bồ Đề được tăng trưởng; đạo tâm chóng thành tựu viên mãn. Chúng ta chớ cô phụ niềm hy vọng của Ngài. Ngài từ bi ban bố ân huệ và hộ niệm cho chúng ta. Vì vậy, chúng ta hãy gác mọi việc sang một bên mà chuyên tâm niệm danh hiệu Ngài. Nếu làm được như thế, Bồ Tát Quán Thế Âm nhất định luôn luôn ở bên cạnh chúng ta. Dầu chúng ta có đi, đứng, nằm, ngồi, Ngài cũng đến gia hộ, khiến tiêu trừ nghiệp chướng và căn lành được tăng trưởng. Được sự gia hộ của Ngài rồi, chúng ta phải nên phát tâm Bồ Đề, giữ vững tâm niệm tu hành kiên cố, dũng mãnh tinh tấn, không bao giờ giải đãi. Chúng ta chớ nói năng quá nhiều. Nếu muốn không nói năng, không ăn uống, không ngủ nghỉ, đều được hết, nhưng không thể chẳng tu hành. Ai ai cũng phải nên tu hành. Chúng ta phải xem mọi thời mọi khắc đều như

Quán Thế Âm Thất. Thật vậy, chúng ta hy vọng đả Quán Thế Âm Thất trong mỗi tháng, mỗi năm và mỗi đại kiếp. Chớ nghĩ rằng mình được tự do sau khi Quán Thế Âm Thất kết thúc, vì nếu chưa liễu ngộ thì chưa thật sự được giải thoát. Vì thế, chớ đùa giỡn với tâm niệm thối thất. Tất cả chúng ta phải cầu thêm một Quán Thế Âm Thất nữa để tiếp tục dụng công.

Diệu dụng của việc niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm giống như dùng tay ăn cơm mặc áo. Khi mặc y phục, phải dùng tay để mặc. Khi dùng cơm, phải dùng tay cầm muống đũa để bỏ vào miệng. Cũng vậy, phải niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm để trưởng dưỡng pháp thân.

Niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm cũng như mở chốt cửa. Chúng ta bị nhốt trong ngục tù vô minh, còn danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm giống như chìa khóa mở cửa ngục tù. Một lần niệm danh hiệu của Ngài là một lần ống khóa vô minh được vặn mở ra một chút. Càng niệm danh hiệu Ngài nhiều chừng nào, ống khóa đó càng được mở ra nhiều chừng ấy. Chúng ta dùng chìa khóa trí huệ của Bồ Tát Quán Thế Âm để mở ống khóa vô minh của mình. Vừa mở ống khóa vô minh ra thì chúng ta sẽ hoát nhiên khai ngộ. Nho giáo nói đến việc “hoát nhiên quán

thông”, nhưng đó chỉ là một phần nhỏ vì chưa khai ngộ hoàn toàn. Một khi đã hoát nhiên khai ngộ, vô minh và cội gốc sanh tử từ đời vô thủy đến nay sẽ bị cắt đoạn.

Bồ Tát Quán Thế Âm tầm âm thanh mà cứu khổ cho chúng sanh. Ngài cùng chúng sanh trong cõi Ta Bà này có nhân duyên thâm sâu lớn lao. Do đó, có rất nhiều người thường được Ngài phóng ánh hào quang gia hộ. Tại sao chúng ta chưa được những điềm cảm ứng đó ? Vì tâm chúng ta chưa chân thành và còn quá nhiều tạp niệm. Một bên chúng ta niệm danh hiệu của Ngài, còn một bên vọng niệm của chúng ta chạy đuổi theo ngoại cảnh và khởi bao loại vọng tưởng bất tịnh khiến lãng phí hết thời giờ. Chúng ta phải nhận rõ cuộc đời này rất ngắn ngủi. Hiện tại nếu không chịu tu hành thì chúng ta có lẽ không còn dịp may nào khác.

Hãy trân trọng thời giờ, chớ để thời gian trôi qua vô ích. Chớ vô tâm chạy theo đám đông. Phải dùng cơ hội tu hành trong đạo tràng mà niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Chỉ khi nào đạt được Quán Thế Âm tam muội, cảnh giới chánh định và chánh thọ mà gió thổi không lay hay mưa không ướt, thì sự tu hành mới hoàn mãn. Chớ xem thường điểm này.

“Thiên thủ thiên nhãn đại từ bi (đức đại từ bi ngàn tay ngàn mắt)”.

Chúng ta hãy lễ bái Bồ Tát Quán Thế Âm, đáng vạn thánh chí tôn. Hình tượng của Bồ Tát Quán Thế Âm có ngàn tay ngàn mắt, nhưng thực ra Ngài có vô số vô lượng tay và mắt. Ngài dùng vô lượng cánh tay để vớt chúng sanh ra khỏi bể khổ và tiếp dẫn họ đến bờ an lạc. Ngài dùng vô số mắt để trông coi chúng sanh và cứu độ những ai đang bị nguy hiểm khó khăn. Đối với tất cả chúng sanh hữu duyên, nhất định không bao giờ Ngài bỏ quên họ.

Bồ Tát Quán Thế Âm là vị Bồ Tát siêng năng và tinh tấn nhất mà không bao giờ nghỉ ngơi. Suốt ngày, Ngài mãi đi cứu độ chúng sanh. Không quản chúng sanh có bao nhiêu khổ nạn, Ngài đều cứu giúp họ. Do đó, Ngài là vị Bồ Tát bận rộn và siêng năng nhất, chứ không phải là vị làm biếng giải đãi. Một hoặc hai tay không thể cứu độ được nhiều người. Thế nên, Ngài dùng ngàn tay để cứu độ chúng sanh thoát khổ và dùng ngàn mắt để trông nom chúng sanh trong đại thiên thế giới.

Khi gặp khổ nạn, chúng sanh thường nghĩ đến cha mẹ từ bi của họ, tức là Bồ Tát Quán Thế Âm. Họ bắt đầu niệm “Nam mô Bồ Tát Quán Thế Âm, nam mô Bồ Tát Quán Thế Âm”. Khi chúng sanh bị khổ nạn niệm “Nam mô Bồ Tát Quán Thế Âm”, thì Ngài dùng ngàn mắt để quán sát họ. Nghĩa là Ngài dùng ngàn mắt trí huệ để quán sát, ngàn tai trí huệ để lắng nghe, và ngàn tay trí huệ để cứu độ chúng sanh. Dẫu trăm ngàn muôn ức chúng sanh đang bị khổ nạn đồng xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm cùng một lúc, Ngài cũng cứu độ và khiến cho tất cả đều được an vui.

Hôm nay, có vài người tị nạn đưa cho tôi xem tấm ảnh chụp hình Bồ Tát Quán Thế Âm thị hiện khi họ còn lênh đênh trên biển cả. Trong tấm ảnh do vị thuyền trưởng chụp, có pháp tướng của Bồ Tát Quán Thế Âm hiển hiện trên vàng mây rõ ràng. Từ việc này, chúng ta biết rằng ngàn nơi cầu nguyện Ngài thì ngàn nơi đều có sự cảm ứng của Ngài. Ngài bơi thuyền trên biển khổ để cứu độ chúng sanh. Tuy nhiên, nếu chúng ta chưa nhận rõ thâm sâu và khởi tâm thành tín vào Ngài, khi chúng ta gặp tai nạn, Bồ Tát Quán Thế Âm có thể không màng đến. Nếu phát khởi niềm tin chân thật, thì nhất định Bồ

Tát Quán Thế Âm sẽ không bao giờ bỏ rơi vào lúc chúng ta gặp nạn.

“Giải tam độc khổ, hóa chúng nạn (giải trừ khổ ba độc, hóa giải các tai nạn)”.

Tại sao chúng ta phải niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm ? Vì xưa kia Ngài đã từng phát đại nguyện rằng nếu chúng sanh nào có nhiều sân hận, nhiều ngu si, nhưng thường cung kính niệm danh hiệu của Ngài thì tâm niệm tham, sân, si của họ sẽ được tiêu trừ mà tự không biết đến. Họ sẽ quên đi ba độc đó và chỉ nghĩ về thiện định cùng giới luật. Nếu chúng ta thường cung kính niệm danh hiệu của Ngài, không những tham, sân, si tan mất, mà chúng ta còn tránh được tất cả khổ nạn. Nếu gặp nạn lửa cháy, lửa chẳng cháy đặng. Nếu té xuống sông sâu, sóng mồi chẳng làm chìm đặng. Đó là oai lực thần thông không thể nghĩ bàn của Bồ Tát Quán Thế Âm như thế ấy. Nếu niệm danh hiệu của Ngài trong suốt bảy ngày, chúng ta sẽ đạt được công đức không thể nghĩ bàn và thoát khỏi mọi khổ nạn.

Dẫu Bồ Tát Quán Thế Âm có thể gia hộ cho quý vị tránh khỏi nạn lửa cháy hay bị nước

chìm, quý vị cũng phải hoàn toàn tin tưởng vào Ngài thì mới có những niềm cảm ứng như thế. Nếu nghi ngờ: “Đó là những điều họ nói, nhưng có thật chăng?”, thì dấu hiệu này có chân thật cũng sẽ trở thành hư giả. Sự cảm ứng đến từ tâm niệm của quý vị chứ không phải đến từ Bồ Tát Quán Thế Âm.

Nếu gặp nhiều điều phiền toái, chỉ cần niệm: “Nam mô Bồ Tát Quán Thế Âm”, thì những điều phiền toái đó sẽ tan mất. Phiền toái sợ Bồ Tát Quán Thế Âm vì Ngài có thể quán sát và nhận ra nguyên nhân của chúng; khi Ngài vừa nhận ra thì chúng sẽ biến mất. Đó là phương pháp vi diệu và cách thức hay nhất để giải quyết vấn đề. Quý vị nói: “Vâng, lần sau tôi sẽ niệm danh hiệu của Ngài”. Song, vào lúc gặp những vấn đề rắc rối, quý vị có thể chỉ biết lo lắng ưu sầu và quên đi pháp môn này.

Phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa thuyết rõ rằng “nếu ai có tham dục nặng nề”, tức là lòng ái dục thâm trọng, thì phải thường cung kính niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Người nhiều tình cảm dễ dàng bị bối rối khi phiền não đến. Lúc gặp rắc rối, chớ quá hoảng hốt hay ưu sầu mà phải lắng lòng niệm “Nam mô Bồ Tát Quán Thế Âm, nam mô Bồ Tát Quán

Thế Âm”. Không cần phải niệm lớn tiếng mà chỉ cần niệm trong tâm. Bồ Tát Quán Thế Âm có thể nghe âm thanh trong tâm của quý vị. Ngài sẽ nghe và nói: “Thằng bé này không thể tự khống chế tâm tình và đang cầu mình cứu giúp”. Khi ấy, Ngài sẽ gia hộ cho tâm tình của quý vị được lắng dịu.

Trong kinh này cũng dạy “Người nhiều sân hận” nên niệm danh hiệu của Ngài. Nếu sắp phát nộ, phải kèm chế lại ! Trước khi sân hận nổ tung, phải nên niệm vài lần danh hiệu của Ngài trong tâm niệm. Khi niệm được thì sẽ không tìm được sân hận nữa, vì nó đã đi mất. Quý vị xem coi có phải là pháp vi diệu không ? Có thể rất vi diệu, nhưng trước kia quý vị chưa từng biết đến. Nghe lời này, quý vị suy nghĩ: “Ồ ! Đó là những điều cảm ứng lớn lao !” Thật ra, còn có những điều cảm ứng lớn lao hơn. “Những ai nhiều ngu si”, nên thường cung kính niệm danh hiệu Ngài thì sẽ hết ngu si.

Phật Thích Ca thuyết phẩm này trong kinh Pháp Hoa để tán thán Bồ Tát Quán Thế Âm. Giả sử Bồ Tát Quán Thế Âm không có những oai lực thần thông thì Phật có tán thán như thế không ? Không ! Đức Phật sẽ không nói bừa: “Vị Bồ Tát đó có nguyện lực, có đạo nghiệp, có bốn nguyện

như thế”, trừ khi những điều đó là chân thật. Vì Bồ Tát Quán Thế Âm thật sự có những oai lực thần thông lớn và những điều linh ứng như thế, nên đức Phật giới thiệu Bồ Tát Quán Thế Âm cho chúng ta để chúng ta có phương pháp giải quyết vấn đề nếu không thể tự giải quyết được.

Hôm nay, tôi giải thích phương pháp này đơn giản và rõ ràng rồi thì quý vị cũng phải nên dụng công. Quý vị nói: “Nhưng tôi thích tham, sân, si nên không muốn niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm”. Thế thì quý vị có thể niệm tên của mình. Hãy quán xem quý vị là ai, rồi sẽ nhận ra Bồ Tát Quán Thế Âm. Chúng ta niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm đơn giản chỉ vì chưa nhận ra chính mình. Chúng ta chưa bị rắc rối vì tham, sân, si, nên chưa muốn niệm danh hiệu Ngài. Song, việc không chịu niệm danh hiệu Ngài tự nó là vấn đề.

Hiện tại, nếu không sợ rắc rối thì quý vị không cần phải học chi cả. Nếu sợ rắc rối thì phải tu học Phật pháp và học cách niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Nếu không muốn nhận ra chính mình mà bảo: “Tôi chẳng là ai cả, nên không cần niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng”, thì chẳng bao lâu quý vị sẽ trở thành ma quỷ, vì không muốn làm người. Vào lúc đó, quý

vị cũng có thể vẫn còn niệm danh hiệu của Ngài được. Bồ Tát Quán Thế Âm không bỏ rơi khi quý vị thành ma quỷ. Ma quỷ có thể niệm danh hiệu Ngài và loài súc sanh cũng như thế. Nếu ở trong địa ngục, quý vị cũng có thể niệm danh hiệu của Ngài. Dẫu ở trong ba đường ác, quý vị cũng có thể niệm danh hiệu của Ngài. Thế nên chớ nghĩ rằng không thể nào niệm được. Đó là lý do tại sao pháp môn này được gọi là pháp môn vi diệu. Cảnh giới của Bồ Tát Quán Thế Âm thật không thể nghĩ bàn. Khi ở trong ba đường ác, nếu niệm danh hiệu của Ngài thì quý vị sẽ thoát khổ và đạt an lạc. Tất cả quý vị phải trở về nhà tự độ chúng sanh địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh của mình. Nếu có thể tự cứu độ chúng sanh khổ não ngay trong nhà của mình thì đó là hành hạnh Bồ Tát. Quý vị hỏi: “Những chúng sanh đó thật có trong nhà hay chăng?” Nhà chính là tâm niệm của quý vị. Tâm niệm tham, sân, si là chúng sanh trong ba đường ác.

“Thường niệm tự tại Quán Thế Âm (hãy thường niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm đức tự tại)”.

Tu học Phật pháp không cần phải tìm học những điều thâm sâu cao tột. Tâm bình thường

là đạo. Tâm chất trực là đạo tràng. Phải dùng tâm ngay thẳng mà tu hành. Chớ dùng tâm tham lam mà niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Hãy niệm danh hiệu Ngài với tâm bình thường mà không tìm cầu điều gì. Nếu thật sự niệm danh hiệu của Ngài thì còn nghĩ gì về việc ăn ngon, mặc đẹp, sống sung sướng ? Quý vị sẽ quên tất cả và đồng nhất thể với Bồ Tát Quán Thế Âm. Trong tâm niệm của mỗi người đều có Bồ Tát Quán Thế Âm. Đó là lý do tại sao quý vị có thể được chánh niệm, niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm ngay trong tâm khảm.

Bồ Tát Quán Thế Âm không có vọng tưởng, chấp trước, tham cầu. Công việc của Ngài là cứu độ, gia hộ cho chúng sanh thoát khổ, được an lạc, cắt dòng sanh tử, và mau chóng chứng quả vị Phật. Ngài không mong cầu gì nơi chúng sanh; Ngài chỉ muốn chúng sanh đạt được sự hiểu biết chân chánh và xả bỏ mọi tham vọng. Đó là niềm hy vọng của Ngài đối với chúng ta. Do đó, khi niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, chúng ta chớ nên khởi vọng niệm.

Chúng ta niệm danh hiệu và lễ bái Bồ Tát Quán Thế Âm, nhưng khi Ngài thị hiện trước mặt thì chúng ta lại không nhận ra. Thật đáng thương thay ! Chẳng những không nhận ra Ngài

mà chúng ta còn không vượt qua những thử thách. Khi niệm danh hiệu của Ngài, chúng ta phải học theo đức tánh đại từ đại bi, đại nguyện và đại lực của Ngài. Khi bị người khác đối xử tàn tệ, chửi mắng, đánh đập, hay giết hại, chúng ta phải như như bất động và chịu đựng những điều đó để trả những mối oan nghiệp. Nếu xưa kia chưa từng giết hại, đánh đập, chửi mắng họ thì hiện tại họ sẽ không bao giờ đối xử như thế với chúng ta. Hiện tại họ muốn gây tổn hại cho chúng ta bởi vì trong quá khứ do u mê, chúng ta đã từng hãm hại họ. Xưa kia, lúc chưa hiểu nghĩa lý này, chúng ta từ chối trả oan nghiệp. Hiện tại đã hiểu rõ rồi thì chúng ta phải chân thật nhận ra oan nghiệp của mình. Có được như thế, chúng ta mới thật sự nhận ra Bồ Tát Quán Thế Âm và chân chánh làm quyến thuộc của Ngài.

“Từ quán, bi quán, hỷ xả quán (dùng lòng từ bi, hỷ xả mà quán xem chúng sanh)”.

Làm thế nào chúng ta nhận ra Bồ Tát Quán Thế Âm ? Chúng ta phải biết rõ tông chỉ của Ngài; đó là tông chỉ từ bi, hỷ xả. Chúng ta phải học theo lòng từ bi của Ngài đến với những chúng sanh chưa có duyên lành. Từ nghĩa là ban

vui, tức là chia sẻ niềm vui của mình với chúng sanh, chứ không ích kỷ. Bi nghĩa là cứu khổ. Chúng ta phải cứu những ai đang gặp khó khăn khổ nạn. Hỷ nghĩa là vui vẻ và không cảm giác nóng giận đối với người khác tức giận mình. Xả nghĩa là đem đồ vật quý giá nhất của mình để ban cho chúng sanh. Nếu sự tu hành dựa vào bốn tâm vô lượng từ, bi, hỷ, xả đó thì chúng ta mới là người Phật tử chân thật, bằng ngược lại thì chưa đủ tư cách để làm người Phật tử. Chớ nên ích kỷ, mong cầu tự lợi, nói láo, hay tham lam những gì không phải của mình. Nếu vì muốn trúng số ở sòng bạc mà làm việc lành hay tạo công đức, thì chúng ta đã chạy ra ngoài tìm cầu, và Bồ Tát Quán Thế Âm không thể gia hộ cho mình được. Chúng ta phải y theo sáu tông chỉ chính luôn được đề xướng ở Vạn Phật Thành: Không tranh, không tham, không mong cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo. Nếu chân thật dùng sáu tông chỉ chính làm dụng và lấy bốn tâm vô lượng làm thể để dụng và thể hỗ trợ lẫn nhau, thì chúng ta sẽ nhận ra đạo Phật và Bồ Tát Quán Thế Âm như thế nào.

Chúng ta niệm “Nam mô Bồ Tát Quán Thế Âm”, nhưng không biết rõ nghĩa lý ra sao. Đối với những ai biết tiếng Tàu thì hiểu chút ít,

còn đối với người Tây phương không biết tiếng Tàu thì cũng giống như tụng thần chú. Ví dụ, mọi người tụng câu: “Án ma ni bát di hồng”, nhưng không biết nghĩa lý ra sao. Quán có nghĩa là quán sát; Âm nghĩa là âm thanh; Thế nghĩa là thế gian. Đó là những gì mà Ngài thường làm vì không còn điều gì để làm hơn nữa. Ngài không quán sát bên ngoài mà lại quán sát trong tâm niệm của chúng sanh để xem chúng sanh nào không còn những vọng tưởng. Một khi tâm vắng lặng thì có thể khai ngộ. Có câu: “Mười phương đồng tụ hội để cùng học đạo vô vi”. Tất cả thiện nam tín nữ đồng đến tu học pháp vô vi. Pháp môn niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm chính là pháp môn vô vi dừng vọng tưởng. Đây là pháp vô vi, nhưng cũng là pháp “vô bất vi”.

“Bồ Tát ca ca, Pháp Vương phụ (chúng ta có trưởng huynh là Bồ Tát và người cha là vị Pháp Vương)”.

Khi niệm “Nam mô Bồ Tát Quán Thế Âm” Bồ Tát Quán Thế Âm niệm nhớ quý vị. Cũng như khi quý vị nghĩ về thân bằng quyến thuộc của mình thì họ cũng nghĩ về quý vị. Chúng ta đã từng làm pháp hữu với Bồ Tát Quán Thế Âm từ vô lượng kiếp đến nay. Tất cả đều bắt đầu từ

Phật A Di Đà, vị giáo chủ của cõi Tây Phương Cực Lạc và là thầy của Bồ Tát Quán Thế Âm. Bồ Tát Quán Thế Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí trợ giúp Phật A Di Đà hồng dương pháp môn Tịnh Độ. Nếu niệm “Nam mô A Di Đà Phật”, chúng ta sẽ được vãng sanh sang cõi Cực Lạc ở Tây phương và Phật A Di Đà sẽ làm vị đạo sư tiếp dẫn. Vì là đệ tử của Phật A Di Đà, nên Bồ Tát Quán Thế Âm làm trưởng huynh của chúng ta. Thật ra, Ngài là vị trưởng huynh của tất cả chúng sanh chưa được vãng sanh sang cõi Cực Lạc. Giải thích bằng cách này thì quý vị sẽ thấy rằng mình rất gần gũi với Bồ Tát Quán Thế Âm. Do đó, khi niệm danh hiệu của vị trưởng huynh, thì vị này cũng niệm nhớ chúng ta. Chúng ta là người em nhỏ của Bồ Tát Quán Thế Âm, còn Ngài thì là vị trưởng huynh của chúng ta.

Có người nói: “Làm thế nào Bồ Tát Quán Thế Âm là vị trưởng huynh của tôi ?” Tôi có nói quá đáng lắm chăng ? Không những đối với chúng ta thôi, Bồ Tát Quán Thế Âm còn xem tất cả chúng sanh đều như những đứa em thơ dại của Ngài, bằng không thì tại sao Ngài lại lắng nghe âm thanh và đến cứu khổ cho chúng ta ? Khi chúng ta gặp những vấn đề rắc rối, tại sao Ngài lại muốn cứu giúp chúng ta ? Ngài xem tất

cả chúng sanh giống như tay chân, thịt thà xương tủy của Ngài. Đó là lý do tại sao Ngài chẳng màng khó khăn rắc rối mà đến cứu độ tất cả chúng sanh khổ não trong cõi Ta Bà. Tất cả chúng ta chớ nên quên đi vị trưởng huynh của mình. Khi chúng ta niệm “Nam mô Bồ Tát Quán Thế Âm”, thì Ngài cũng niệm nhớ chúng ta. Khi xưng niệm danh hiệu của Ngài, chúng ta kêu gọi trưởng huynh của mình. Ngài cũng gọi những đứa em thơ dại, tức là những vị Bồ Tát và Phật trong tương lai. Nếu xem xét bằng cách này, chúng ta sẽ niệm danh hiệu của Ngài chân thành hơn, giống như xưng niệm tên của vị trưởng huynh. Hiện tại đã gặp pháp môn xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, chúng ta chớ để bỏ lỡ cơ hội mà phải hết lòng chân thành xưng niệm. Song, lúc niệm danh hiệu Ngài, chớ để đầu gục xuống mà phải ngưỡng đầu lên để tụng niệm với tâm tinh tấn dũng mãnh. Khi Bồ Tát Quán Thế Âm thấy tinh thần tinh tấn của chúng ta, Ngài sẽ cầm tay mà bảo: “Hãy mau đến đây với Ta !” Kế đến, Ngài sẽ dẫn dắt chúng ta từng bước đến cõi Tây Phương Cực Lạc.

Có người ngờ vực: “Tại sao Bồ Tát Quán Thế Âm xem xét nhiều quá, còn tôi thì không được xem xét điều gì cả ?” Phải biết rằng sự xem

xét của quý vị khác với sự xem xét của Bồ Tát Quán Thế Âm. Bồ Tát Quán Thế Âm quán sát vào trong, còn quý vị thì quán sát ra ngoài. Ngài quán sát vào tự tánh của chính mình. Ngài xem thấy và biết rõ tất cả tâm niệm của chúng sanh ngay trong màn ảnh vô tuyến của Ngài. Dầu có ngàn tay hay ngàn mắt cũng chưa đủ vì có rất nhiều chúng sanh ở những nơi xa xăm. Ngài muốn quán sát vô số chúng sanh nhưng không thể được. Do đó, Ngài phải xoay về tự tánh mà quán sát. Ngài quán sát chúng sanh trong tự tánh và cứu độ chúng sanh khổ não. Ngược lại, quý vị quán sát bên ngoài và hoàn toàn quên hẳn trí huệ sẵn có của mình. Đó là lý do tại sao tôi nói rằng sự quán sát của quý vị khác với sự quán sát của Ngài để trả lời những điều nghi vấn hư vọng của quý vị.

“Từ bi tức thị Quán Thế Âm (Đức từ bi chính là Bồ Tát Quán Thế Âm)”.

Bồ Tát Quán Thế Âm không quán sát âm thanh của Ngài mà quán sát âm thanh của thế gian. Có câu: “Vô ngã vô nhân, Ngài tự tại quán sát”. Ngài là vị không còn thấy có mình hay người và tự tại quán sát, nên cũng được gọi là Quán Tự Tại. Bất cứ ai không còn chấp vào

mình hay người đều được gọi là Quán Thế Âm. Nếu không còn chấp vào mình hay người, không còn tâm cống cao ngã mạn, ganh ghét đố kỵ, tạo việc chướng ngại, thì quý vị chính là Quán Thế Âm. Bồ Tát Quán Thế Âm vốn không hướng ngoại tìm cầu mà chỉ tìm lại chính mình. Nếu muốn trở thành Bồ Tát Quán Thế Âm thì chớ nên có tâm ganh ghét đố kỵ, hay tạo việc chướng ngại.

Mọi người phải nên học theo hạnh của Bồ Tát Quán Thế Âm bằng cách dẹp trừ tâm nóng giận, sân hận, tham lam, si mê. Nếu dẹp trừ được ba độc đó và tu giới định huệ, thì quý vị chính là Bồ Tát Quán Thế Âm. Quý vị hãy tự hỏi xem mình có phải là Bồ Tát Quán Thế Âm chăng ? Nếu phải thì quý vị chớ nên khởi tâm sân hận hay vô minh, mà phải tu từ bi, nhẫn nhục, tinh tấn, bố thí, trì giới, thiền định, trí huệ Bát Nhã. Nếu ai có trí huệ Bát Nhã thì chính là Bồ Tát Quán Thế Âm, bằng ngược lại thì không có. Khi vừa biết gặt đầu, trẻ em cũng biểu thị được rằng có trí huệ Bát Nhã. Tuy tất cả chúng ta đều có một vị Bồ Tát Quán Thế Âm ngay trong tâm niệm, nhưng chúng ta chưa nhận ra Ngài nên chưa biết rõ Ngài đang ở trong đó. Hiện tại, tôi đã giới thiệu Ngài đến cho quý vị. Thế thì quý vị

nên luôn luôn lắng nghe lời giảng dạy của Bồ Tát Quán Thế Âm ngay trong tự tâm.

Quý vị hỏi tôi: “Bồ Tát Quán Thế Âm là vị nào?” Tôi không biết rõ, nhưng xưa kia, Lục Tổ Huệ Năng đã từng dạy: “Từ bi là Bồ Tát Quán Thế Âm. Hỷ xả là Bồ Tát Đại Thế Chí”. Nếu có tâm hạnh từ bi thì quý vị là Bồ Tát Quán Thế Âm. Nếu thường hoan hỷ bố thí thì là Bồ Tát Đại Thế Chí. Vì không nhận ra hai vị Bồ Tát ngày đêm đang ở bên cạnh, nên quý vị mới sanh tâm tức giận. Dẫu niệm “Nam mô A Di Đà Phật” suốt ngày, nhưng khi Ngài thị hiện trước mặt thì quý vị lại không thèm nhìn. Đối diện với Phật A Di Đà, Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí mà quý vị lại không nhận ra các ngài. Tuy ba vị thánh ở cõi Tây Phương Cực Lạc thường gần gũi quý vị, nhưng quý vị lại lánh xa các ngài. Dẫu Bồ Tát Quán Thế Âm rất từ bi và Bồ Tát Đại Thế Chí rất hỷ xả, nhưng các ngài không có cách gì để cứu giúp quý vị. Phật A Di Đà nói: “Hãy đợi thêm đôi chút nữa. Dần dần, chúng sẽ phát tâm Bồ Đề”.

“Canh năng hồi quang Quán Tự Tại (Hãy tự tại quán sát và soi chiếu lại chính mình)”.

“Khi Bồ Tát Quán Tự Tại tu hành Bát Nhã Ba La Mật thâm sâu, Ngài soi thấy năm uẩn đều không, nên vượt quan tất cả khổ ách”. Đây là một câu trong Tâm Kinh nói về Bồ Tát Quán Thế Âm, vị đã chứng đắc Nhĩ Căn Viên Thông. Ngài “nghe lại tự tánh của mình, nên tự tánh thành đạo vô thượng”. Nghe lại tự tánh tức là “xoay chiếu lại bên trong” mà quán sát. Xoay chiếu lại bên trong tức là tham Thiền. Nếu dụng công tham Thiền như thế, quý vị sẽ khám phá những cảnh giới không thể nghĩ bàn mà tôi không thể miêu tả được. Nếu muốn nếm mùi vị đó, phải tự dụng công tu hành. Phản chiếu nghĩa là suy tư, tham quán, quán chiếu Bát Nhã. Phải thật sự dụng công tu hành nếu muốn cảm nghiệm những cảnh giới không thể nghĩ bàn đó. Xoay lại quán chiếu vào trong bằng cách dùng trí huệ Bát Nhã để soi chiếu tan hết tất cả sự tăm tối. Đó chính là nghe lại tự tánh của mình. Tâm thức nhiễm ô như tâm sân hận, ích kỷ, tự lợi, phan duyên vốn không phải là chân tâm, vì chân tâm hay tự tánh vốn hằng thanh tịnh, không nhiễm ô. Vọng tâm giống như con khỉ, nhảy tới nhảy lui suốt cả ngày. Nghe lại tự tánh tức là quán xét tâm niệm cho đến khi tâm niệm đó quay về với tự tánh. Tâm niệm thì động, còn tự tánh thì tĩnh lặng. Khi đạt đến nơi thanh tịnh cùng tột thì ánh

sáng trí huệ hiển hiện và chiếu soi thông suốt; đó là cảnh giới công phu nghe lại tự tánh của mình, và tự tánh đó cũng chính là đạo vô thượng. Đó là pháp môn tu hành của Bồ Tát Quán Thế Âm. Xoay chiếu ánh sáng trở lại nghĩa là phải tìm lại chính mình, hay lắng nghe lại tự tánh của mình có tâm niệm tham lam, sân hận, si mê chăng ? Nếu ba độc đó không hiển hiện thì sẽ có ba học vô lậu: Giới, Định, Huệ. Đó là ý nghĩa đại khái về pháp môn nghe lại tự tánh của chính mình.

Nhờ nghe lại tự tánh nên Bồ Tát Quán Thế Âm mới tự tại quán sát. Tự tại nghĩa là cảnh giới không còn chấp vào mình, người, chúng sanh, thọ giả. Quý vị hỏi: “Tự tại ở nơi nào ?” Nơi thánh vị thì tự tại, còn nơi phàm phu thì chưa được tự tại. Các vị thánh không còn tướng mình, người, chúng sanh, thọ giả, nên mới được tự tại. Ngược lại, vì còn chấp vào bốn tướng mình, người, chúng sanh, thọ giả, nên phàm phu chưa được tự tại. Người tu học Phật pháp vì vẫn còn bốn tướng đó, nên mãi mãi không được tự tại. Muốn được tự tại, nhất định phải quét sạch ba tâm và xả bỏ bốn tướng. “Không thể nắm bắt được tâm niệm trong quá khứ” vì chúng đã biến mất. “Không thể nắm bắt được tâm niệm trong

hiện tại”; quý vị có thể bảo rằng “hiện tại là ngay bây giờ”, nhưng ngay trong lúc này, tâm niệm đã thuộc về tâm niệm trong quá khứ; không có gì là “hiện tại” cả. “Không thể nắm bắt được tâm niệm trong tương lai”, vì chúng chưa đến. Nếu biết rằng không thể nắm bắt được tâm niệm trong ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai và bốn tướng mình, người, chúng sanh, thọ giả đều không thật có, thì quý vị là Bồ Tát Quán Tự Tại.

Chúng ta đả Thiên Thất để được “Quán Tự Tại”. Mọi người phải tự tại quán sát, mà chớ bảo: “Bồ Tát Quán Thế Âm là Bồ Tát Quán Tự Tại mà trong Tâm Kinh đã thuyết”. Không phải như thế. Ai được tự tại thì là Bồ Tát Quán Tự Tại. Bồ Tát Quán Tự Tại không có danh hiệu nhất định, vì tất cả chúng sanh đều có thể làm Bồ Tát Quán Tự Tại. Trong lúc ngồi thiền, hãy xem coi mình có quán sát tâm niệm được tự tại chăng. Nếu được tự tại thì quý vị sẽ có khả năng “soi thấy năm uẩn đều không” và cũng là “hành Bát Nhã Ba La Mật thâm sâu”. Nếu hành được như thế thì sẽ “vượt qua hết tất cả khổ ách” và sẽ được tự tại. Bên cạnh Bồ Tát Quán Thế Âm, mười phương chư Phật cũng sẽ hòa nhập cùng với chúng ta.

Đại Địa Linh Văn Lăng Nghiêm Thần Chú (Thần chú Lăng Nghiêm, ngữ ngôn linh diệu của trời đất).

Hiện tại, tôi sẽ giảng về thần chú Lăng Nghiêm cho quý vị. Trong trăm ngàn muôn kiếp chưa có ai giảng giải và dấu có giảng qua một lần cũng không dễ dàng. Pháp hội giảng thần chú Lăng Nghiêm này thật hy hữu vì khó lòng mà gặp được. Khi giảng giải, tôi biết rõ rằng không ai hiểu rõ những điều đã được giảng. Dấu có ai nghĩ rằng hiểu rõ, nhưng thật ra họ không hiểu. Có người tự nghĩ rằng đã hiểu, nên không chú ý, nhưng họ cũng chẳng hiểu thật sự.

Trong Phật giáo, thần chú Lăng Nghiêm được xem là một bài chú tối quan trọng, vì là vua trong các thần chú, cũng là thần chú dài nhất. Thần chú này quan hệ với sự thịnh suy của Phật giáo. Nhờ linh văn của thần chú Lăng Nghiêm mà trời đất không bị đoạn diệt. Linh văn thần chú Lăng Nghiêm duy trì được việc thế giới tránh ngày tận thế. Đó là lý do tại sao tôi thường bảo rằng nếu còn một người tụng thần chú Lăng Nghiêm thì thế giới và Phật pháp không bao giờ bị hủy hoại. Ngược lại, khi không còn ai tụng trì nữa thì thế giới sẽ nhanh chóng bị hủy hoại vì chánh pháp không còn trụ thế.

Hiện tại có một hạng thiên ma ngoại đạo bảo rằng kinh Lăng Nghiêm và thần chú Lăng Nghiêm là giả. Chúng sai ma con và ma cháu xuống rao đồn những tin thất thiệt để khiến con người không còn tin vào kinh Lăng Nghiêm và thần chú Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm và thần chú Lăng Nghiêm là một bộ kinh chú rất quan trọng cho việc tồn vong của chánh pháp. Đức Phật thuyết kinh Lăng Nghiêm do vì thần chú Lăng Nghiêm. Không có cách gì để giải thích hết về tầm trọng yếu của kinh Lăng Nghiêm và thần chú Lăng Nghiêm; cho đến cuối đời vị lai cũng không thể thuyết hết công đức và diệu dụng của kinh Lăng Nghiêm và thần chú Lăng Nghiêm, nên bộ kinh chú này thật không thể nghĩ bàn. Nói chung kinh Lăng Nghiêm tán thán thần chú Lăng Nghiêm. Nếu vẫn còn một người trì tụng thần chú Lăng Nghiêm thì thiên ma ngoại đạo không thể dám công khai xuất đầu lộ diện, vì chúng sợ nhất là thần chú Lăng Nghiêm. Nếu không còn ai tụng thuộc lâu thần chú Lăng Nghiêm thì yêu ma quỷ quái xuất đầu lộ diện. Chúng làm những chuyện tồi bại mà người đời không bao giờ nhận ra. Hiện tại, do còn người vẫn tụng thuộc thần chú này nên yêu ma quỷ quái không dám xuất hiện nơi thế gian. Do đó, nếu muốn giúp thế giới không bị hủy hoại, phải

mau niệm thần chú Lăng Nghiêm và tụng kinh Lăng Nghiêm để giúp chánh pháp được trụ lại thế gian dài lâu.

Hôm nay bắt đầu giảng thần chú Lăng Nghiêm. Chữ Lăng Nghiêm được dịch là “Cứu cánh kiên cố”.

Toàn danh tự của thần chú này là “Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La Đà La Ni” hay “Phật Đánh Quang Minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La Vô Thượng Thần Chú”. Phật đánh tức là hóa Phật trên đánh nhục kế của Phật Thích Ca; thần chú này vi diệu không thể nghĩ bàn. Thần chú này hàng phục thiên mà và chế ngự ngoại đạo. Từ đầu đến cuối, mỗi câu đều là pháp môn tâm địa của chư Phật; mỗi câu có mỗi công dụng; mỗi chữ có mỗi điểm thâm áo vi diệu; tất cả đều có thần lực không thể nghĩ bàn. Chỉ cần tụng niệm một câu, một chữ, một hội, hay toàn thần chú cũng đều khiến trời rung đất chuyển, quỷ thần khóc, yêu ma lánh xa, ly mị độn hình. Ánh hào quang trên đánh nhục kế của đức Phật biểu thị cho thần lực của thần chú, tức là có khả năng phá trừ tất cả màn đêm tăm tối và khiến hành giả thành tựu tất cả công đức lành. Nếu thọ trì thần chú này thì tương lai nhất định sẽ thành Phật, chứng đắc ngôi vô thượng chánh đẳng

chánh giác. Nếu thường tụng trì thần chú này thì sẽ tiêu trừ nghiệp chướng trong bao đời tiền kiếp. Đó là diệu dụng của thần chú Lăng Nghiêm.

“Ma Ha” là tiếng Phạn, dịch là “Đại (lớn)”. Tại sao gọi là “đại” ? Vì thể, tướng, dụng của thần chú này vĩ đại. Thể biến khắp 10 phương, nên gọi là “Đại”. Dụng bao trùm tận cùng hư không khắp pháp giới. “Tướng” tức là vô tướng, nhưng vô tướng mà vô bất tướng (không có tướng mà chẳng không có tướng). Dụng cũng có thể gọi là không có dụng; tận cùng khắp pháp giới không có gì là chẳng dụng. Dụng tức là đại dụng; tướng tức là đại tướng; thể tức là đại thể. Biến khắp 10 phương và tận cùng hư không pháp giới là nghĩa của chữ “Ma Ha”.

“Tát Đát Đa” cũng là tiếng Phạn, dịch là “Bạch (trắng)”, nghĩa là thanh tịnh không có nhiễm ô. Thần chú Lăng Nghiêm là pháp trắng sạch thanh tịnh không có nhiễm ô.

“Bát Đát La” cũng là tiếng Phạn, dịch là “tán cái (lọng dù)”. Tán cái là ví dụ. Diệu dụng của Tán Cái này là che trùm muôn đức, nghĩa là bảo vệ tất cả người có nhân đức; ai có đức hạnh thì sẽ gặp thần chú này. Những ai thiếu đức

hạnh thì không thể gặp được pháp này. Thế nên có câu:

“Tam quang phổ chiếu thấu tam tài

Diêm Phù thế giới nhĩ bất lai

Đại đức đại thiện năng ư đắc

Vô đức vô thiện bất minh bạch

Tạm dịch:

Ba hào quang chiếu khắp ba tài

Thế giới Diêm Phù bạn không qua

Đức lớn lành lớn mới đạt được

Thiếu đức thiếu lành không hiểu đâu”.

“Ba hào quang chiếu khắp ba tài”, nơi đây ba ánh hào quang không phải bàn về mặt trời, mặt trăng, tinh sao, mà có nghĩa là khi tụng thần chú Lăng Nghiêm, thân khẩu ý của quý vị phóng ánh hào quang. Ba tài tức là bàn về trời, đất, con người.

“Thế giới Diêm Phù bạn không qua”, nghĩa là tìm kiếm xuyên suốt thế giới Diêm Phù mà không thể tìm thấy ánh sáng đó. Tuyệt đối phải trì tụng thần chú này mới đạt được ánh sáng đó.

“Đức lớn lành lớn mới đạt được”, nghĩa là có đức hạnh cao cả và nghiệp lành nhiều mới gặp pháp môn này.

“Thiếu đức thiếu lành không hiểu đâu”, nghĩa là nếu thiếu đức độ và không vun trồng đủ công đức thì dầu có đối mặt mà quý vị vẫn đánh mất cơ hội. Ngay trong tầm tay mà để đánh mất. Thấy vàng mà nghĩ lầm là đồng; thấy kim cương mà cho là thủy tinh; không thể nhận ra. Xem qua thần chú Lăng Nghiêm xong mà chỉ cho là tầm thường, nên không biết được châu báu quý giá nhất trong các hạt châu báu và vi diệu nhất trong các sự vi diệu ! Không biết rõ hết được công đức không thể nghĩ bàn của thần chú Lăng Nghiêm.

Có ánh sáng màu đỏ xoáy cuộn bên cạnh ba ánh hào quang thanh tịnh của ba nghiệp thân khẩu ý. Tụng thần chú Lăng Nghiêm tự nhiên có màu đỏ cuốn xoáy xuất hiện. Thế nên có câu:

“Thiên đóa hồng liên hộ trụ thân

Tọa câu kỳ trước hắc kỳ lân

Vạn yêu nhất kiến vãng viễn đóa

Tế Công pháp sư hữu diệu âm.

Tạm dịch:

Sen đỏ ngàn cánh hộ trì thân
Ngồi vững trên lưng kỳ lân đen
Muôn yêu ma vừa thấy trốn xa
Pháp sư Tế Công có diệu âm”.

“Sen đỏ ngàn cánh hộ trì thân”: Khi tụng 29 câu chú đầu tiên của thần chú Lăng Nghiêm thì có cảnh giới xuất hiện: Hoa sen đỏ ngàn cánh phóng ánh sáng đỏ hộ trì thân của quý vị.

“Ngồi vững trên lưng kỳ lân đen”: Người trì thần chú Lăng Nghiêm tự cảm thấy dường như ngồi trên lưng kỳ lân màu đen.

“Muôn yêu ma vừa thấy trốn xa”: Dẫu loại yêu ma quỷ quái nào cũng đều bỏ chạy vì không dám đối đầu với tướng đại oai đức này. Ai ai cũng biết pháp sư Tế Công. Pháp Sư chuyên dùng một đoạn chú văn để hàng phục thiên ma và chế ngự ngoại đạo rất là linh nghiệm, nên bảo: “Pháp sư Tế Công có diệu âm”. Đoạn chú văn đó cũng dạy chúng ta “Quy y tất cả chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác tận cùng khắp hư không pháp giới”. Đây cũng là đoạn hộ trì Tam Bảo. Thế nên, vừa niệm đoạn thần chú này thì yêu ma quỷ quái đều bỏ chạy lánh xa ra ngoài mười dặm. Không những chỉ mười dặm

mà chúng thối lui cho đến khi không còn chỗ thối lui. Từ đó, chúng không còn dám tác quái và bị bắt buộc phải sống đàng hoàng.

Đó là ý nghĩa đại khái của đoạn thần chú này; nếu bàn chi tiết thì vi diệu không thể nghĩ bàn.

“Áo diệu vô cùng tận nan sai

Kim Cang Mật Tích ngữ bốn tánh lai

Lăng Nghiêm chú lý hữu linh diệu

Ngũ nhãn lục thông đạo phàm khai.

Tạm dịch:

Vô cùng áo diệu khó suy lường

Lời Kim Cang Mật Tích từ bốn tánh

Trong chú Lăng Nghiêm có linh diệu

Ngũ nhãn lục thông khai đạo phàm”.

“ Vô cùng áo diệu khó suy lường”: Thần chú Lăng Nghiêm vô cùng thâm áo vi diệu; sự biến hóa của thần chú cũng không thể nghĩ bàn và không thể suy lường.

“ Lời Kim Cang Mật Tích từ bốn tánh”: Thần chú Lăng Nghiêm là thần chú bí mật trong sự bí mật; nghĩa là Kim Cang Mật Tích đến hộ trì thần chú.

Cội nguồn của bốn tánh chính là Phật tánh trong tự tánh xuất hiện.

“ Trong chú Lăng Nghiêm có linh diệu”: Thần chú Lăng Nghiêm cũng được gọi là “Linh Văn (văn tự linh nghiệm)”, vì đặc biệt có linh nghiệm và thần lực, nên nói rằng trong thần chú Lăng Nghiêm có sự linh nghiệm vi diệu.

“ Ngũ nhãn lục thông khai đạo phàm”: Nếu thường nhất tâm chuyên trì tụng thần chú này thì sẽ mở ngũ nhãn (nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn), lục thông (thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, thần túc thông, túc mạng thông, tha tâm thông, lậu tận thông). Kế đến sẽ cảm nghiệm sự biến hóa không thể nghĩ bàn và không thể suy lường của những cảnh giới khác nhau mà hầu hết những người phàm tục đều không thể biết đến. Do đó, tôi hy vọng mọi người đều tụng đọc kinh Lăng Nghiêm và học thuộc thần chú Lăng Nghiêm. Tại sao yêu ma quỷ quái không dám xuất hiện khi quý vị tụng thần chú Lăng Nghiêm ? Vì thần lực quá lớn lao đến nỗi không có nơi nào trong tận cùng hư không khắp pháp giới là không có ánh hào quang của thần chú tràn ngập chiếu đến. Thế nên, nếu còn người tụng thần chú này thì còn người hỗ trợ cho chánh khí của trời đất. Một

người trì tụng thì tạo năng lực của một người; trăm người tụng thì tạo trăm năng lực. Nhờ đó mà yêu ma quỷ quái trên thế gian này đều phải sống đàng hoàng. Vì vậy, càng có nhiều người trì tụng thần chú này thì càng tốt hơn.

Đây là thần chú vô thượng. Tại sao gọi là “vô” ? Vì thần chú này cao siêu sáng ngời vô cùng tận, và ánh hào quang chiếu đến cực điểm mà không có loại ánh sáng nào tỏa sáng bằng, nên gọi là “Vô”. Tại sao gọi là “Thượng” ? Vì không có gì cao thượng, tôn quý bằng, nên gọi là thượng. “Thần” nghĩa là không thể nghĩ bàn và oai linh khó suy lường. “Chú” nghĩa là cảm ứng đạo giao; khi tụng thần chú thì sẽ có cảm ứng.

“Phật Đảnh Quang Minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La Vô Thượng Thần Chú”: Nghĩa là ánh hào quang từ đảnh nhục kế của Phật phóng ra giống như cây dù trắng lớn che chở và hộ trì tất cả chúng ta, những ai trì tụng thần chú.

Không ai hiểu rõ thần chú này hay giải thích từng câu và từng chữ được. Tuy nhiên, nếu quý vị muốn hiểu rõ, tôi sẽ cố gắng hết sức mình để giải thích. Thần chú Lăng Nghiêm không thể được giải thích trong một năm, hai năm, ba năm, hoặc ngay cả mười năm mới xong. Hiện

tại, tôi giải thích ý nghĩa tổng quát về thần chú này.

Thần chú này có năm hội để tượng trưng cho năm phương như đông, tây, nam, bắc, chính giữa. Phương đông là bộ Kim Cang với Phật A Súc làm giáo chủ. Phương nam là bộ Bảo Sanh, với Phật Bảo Sanh làm giáo chủ. Trung ương là bộ Phật, với Phật Thích Ca làm giáo chủ. Phương tây là bộ Liên Hoa, với Phật A Di Đà làm giáo chủ. Phương bắc là bộ Yết Ma, với Phật Thành Tựu làm giáo chủ. Năm bộ này quản lý năm đại quân của quỷ ở năm phương. Vì năm loại ma này nên chư Phật phân ra năm hướng để trấn áp chúng. Nếu không có chư Phật, ma quân đều xuất hiện nơi thế gian. Thế nên, quý vị vừa tụng một biến thần chú Lăng Nghiêm thì năm đại ma quân ở năm hướng liền đưa đầu nạp mạng, tự hành chân chánh, không dám chống lại oai lực của thần chú này. Nhờ có đủ năm bộ nên thần chú này mới tối vi diệu không gì sánh bằng. Tuy nhiên, chớ nên chấp trước, bằng ngược lại sẽ không còn vi diệu.

Trong năm hội thần chú Lăng Nghiêm có hơn 30 bộ pháp. Xưa kia ở vùng Mãn Châu, lý do tôi chữa trị được bệnh tật cho dân chúng, tất cả đều nhờ vào oai lực của thần chú Lăng Nghiêm.

Song, không thể tùy tiện lạm dùng thần chú này. Nếu lạm dùng thì không thể dùng hết được vì ngay trong đó có hơn ba mươi bộ pháp khác nhau. Đây là bàn đại khái. Nếu bàn chi tiết thì có hơn một trăm loại.

Trong những pháp đó có pháp Thành Tụ; nghĩa là trì tụng thần chú Lăng Nghiêm thì dấu tu pháp môn nào cũng đều thành tựu; dấu cầu việc gì, tất cả sẽ đều thành tựu như ý nguyện. Lại nữa, có pháp Tăng Ích: Ví dụ, khi tu hành, nếu đạo tâm chưa vững, thì nhờ trì tụng thần chú này mà tăng trưởng trí huệ, tâm Bồ Đề, nguyện lực; tất cả đều được tăng trưởng. Khi tụng trì thần chú này, tất cả sở cầu của mình đều có thể được tăng thêm; đối với sở cầu của người khác cũng như thế.

Pháp Tiêu Tai: Tụng trì thần chú này thì không còn thiên tai hoạn nạn. Giả sử có người đáng lẽ phải bị chết đuối trên biển cả, nhưng nhờ tụng trì thần chú này mà được thoát chết. Hoặc giả ngồi trên một chiếc thuyền sắp bị chìm, nhưng nhờ tụng trì thần chú này mà thuyền không chìm. Hoặc giả đáng lẽ phi cơ sẽ bị rơi, nhưng nhờ trì tụng thần chú này mà phi cơ tránh được tai nạn. Tuy nhiên, phải chính tự mình chịu trách nhiệm diệt trừ những tai hoạn

ngay trong nội tâm. Những tai hoạn đó là gì ? Nếu chỉ dựa vào thần chú mà trong tâm lại khởi vọng tưởng, giữ những tâm niệm xấu xa, có đầy tạp niệm và dục niệm không thanh tịnh, thì quý vị thật chưa diệt trừ tai hoạn ngay trong nội tâm. Trong trường hợp đó, dẫu tụng chú gì cũng vô dụng. Nếu muốn tránh tai hoạn, trước hết phải thanh tịnh hóa tâm niệm; đó mới là việc diệt trừ tai hoạn chân chánh. Dẫu có niệm chú nào cũng không linh nghiệm nếu trong tâm vẫn đầy tràn tham lam, sân hận, si mê. Do đó, tâm niệm rất là quan trọng; nhất định phải giữ tâm từ bi hiền hòa lương thiện, nguyện muốn trợ giúp người khác.

Pháp Câu Triệu: Được dùng để bắt thiên ma ngoại đạo khi gặp chúng, giống như cảnh sát bắt kẻ phạm tội. Pháp Câu Triệu này bắt những yêu ma quỷ quái bỏ chạy sau khi hại người ở nơi này, tạo việc xấu ở nơi khác, khiến người sanh bệnh, hoặc gây tai nạn. Khi tụng trì thần chú này, tất cả thiện thần hộ pháp, tám bộ quỷ thần, 84.000 Kim Cang Tạng Bồ Tát đều có thể bắt yêu ma quỷ quái dẫu chúng có chạy xa đến đâu. Dẫu như thế, đôi khi chúng không khuất phục, nên quý vị phải dùng đủ mọi phương tiện để giáo hóa chúng. Nếu cưỡng bức áp chế để hàng phục

chúng, thì đó là phương pháp thấp hèn không tốt. Phương pháp hay nhất là không dùng thế lực để áp bức hay tranh đấu với chúng như loài A Tu La thường thích tranh hơn thua. Dầu rõ ràng có đủ oai lực để hàng phục chúng, nhưng không nên lạm dùng. Phải dùng đức độ để cảm hóa và giáo hóa chúng.

Pháp Hàng Phục: Ma cũng có thần thông và chú thuật. Quý vị tụng chú; chúng cũng tụng chú. Tuy nhiên, khi tụng thần chú Lăng Nghiêm quý vị phá hết tất cả chú thuật của chúng và hàng phục được chúng. Dùng oai lực của thần chú này để khiến chúng phải đàng hoàng. Trước kia, tôi đã từng nói với quý vị rằng trong thần chú này có vài câu chú phá được lưới võng của ma quân. Tại sao khi tụng trì thần chú Lăng Nghiêm thì chú của Tiên Phạm Thiên vô hiệu nghiệm ? Vì nhờ oai lực của năm đại tâm chú. Năm đại tâm chú đó là tâm chú căn bản phá vỡ tất cả chú thuật của thiên ma ngoại đạo. Dầu chúng có chú thuật gì, một khi quý vị tụng câu chú đó thì liền phá được chú thuật của chúng, khiến vô hiệu hóa tà thuật. Nếu muốn ra giá pháp này, cả triệu đô cũng chưa xứng. Song, vì thấy quý vị có chút ít tâm thành, tôi truyền pháp này mà không lấy một xu.

Kết luận, dấu tu pháp nào, phải nên giữ tâm Bồ Đề vô thượng, tâm đại từ đại bi, đại hỷ đại xả. Chớ dùng oai lực để trấn áp người khác hay yêu ma quỷ quái.

Pháp Kiết Tường: Tụng trì thần chú này thì tất cả sự việc đều tùy tâm như ý, thật kiết tường may mắn. Tôi sẽ giải thích rõ những pháp này cho quý vị.

Dẫu có giảng nhiều năm mà vẫn không thể giảng hết những điểm hay của thần chú này. Tất cả 10 phương chư Phật đều sanh xuất từ thần chú này, nên có thể gọi thần chú Lăng Nghiêm là mẹ của chư Phật. Mười phương các đức Như Lai đều nương y thần chú này mà thành tựu đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác. Các ngài ứng thân nhiều như số bụi vi trần ở các cõi nước để chuyển bánh xe pháp, giáo hóa chúng sanh, thọ ký cho chúng sanh trong 10 phương, cứu độ chúng sanh thoát khổ, khiến tất cả chúng sanh đại, tiểu, quyền, thừa đều được giải thoát; tất cả các ngài đều nhờ nương y vào oai lực của tâm chú Lăng Nghiêm. Nếu muốn chứng đắc quả A La Hán, phải tụng trì thần chú này thì mới tránh ma sự. Trong thời mạt pháp, nếu có ai học thuộc thần chú này hay khuyến khích người khác học thuộc, thì lửa không thể

đốt người đó và nước không thể làm họ chết đuối. Dầu thuốc độc nặng nhẹ đến đâu cũng không thể hại được họ. Đối với những ai thường tụng trì thần chú này, thuốc độc sẽ biến thành nước cam lồ khi vừa vào miệng. Người tụng trì thần chú này sẽ không tái sinh vào những chỗ xấu xa; dầu có muốn cũng không được. Tại sao ? Vì thần chú này giữ quý vị lại mà không cho đi đến những nơi đó. Dầu không bao giờ tích tụ được công đức khi tụng trì thần chú, nhưng chư Phật trong 10 phương sẽ ban bố công đức lành cho quý vị. Có phải đáng giá chăng ? Đó là do thường trì tụng thần chú này thôi. Ngoài ra, nếu thường trì tụng, quý vị sẽ luôn luôn được sanh vào nơi và lúc chư Phật ra đời cũng như huân tu dưới sự giáo huấn của các ngài.

Giả sử tâm niệm thường bị tán loạn không thể chuyên nhất hay phát sanh định lực, nếu tâm tưởng về thần chú Lăng Nghiêm rồi dùng miệng để trì tụng thì Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương sẽ ẩn hình chú ý hộ trì quý vị cho đến khi tâm tán loạn tiêu dần và phát khởi định lực. Các ngài sẽ ẩn hình hỗ trợ quý vị khai mở trí huệ và chuyên tâm nhất ý đến độ tỏ ngộ hoàn toàn về tất cả sự tình trong 84.000 hằng hà sa số kiếp.

Nếu quý vị tụng thần chú Lăng Nghiêm đến độ tụng thuộc lòng để hòa nhập vào với thần chú thì tâm của quý vị là thần chú và thần chú cũng là tâm của quý vị, tức là đắc được tam muội trì chú và sự tụng đọc trôi như nước chảy cuộn cuộn không ngừng. Nếu hành được như thế thì tệ lắm là trong bảy đời thường được giàu sang như những trùm tư bản có các mỏ dầu ở Mỹ. Quý vị có thể bảo: “Ồ ! Thật tuyệt hảo ! Tôi sẽ học thần chú Lăng Nghiêm ngay lập tức ! Bảy đời trở thành nhà tỷ phú thì chẳng có sao đâu”.

Nếu ích kỷ như thế, không nên học thần chú Lăng Nghiêm để làm gì. Bảy đời trôi qua mau như chớp mắt. Người thường trì tụng thần chú Lăng Nghiêm phải hy vọng đạt được những gì ? Phải hy vọng đạt được quả vị Phật vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chớ quá nhỏ nhen. Thật ra, những ai thường trì tụng thần chú Lăng Nghiêm chính là hóa thân Phật. Không những là hóa thân Phật mà còn là hóa thân Phật ngay trên đánh nhục kế của Ngài, nghĩa là hóa thân Phật ngay trong hóa thân. Do đó, chỗ vi diệu của thần chú Lăng Nghiêm thật không thể nghĩ bàn. Bất cứ nơi nào có người chân thành trì tụng thần chú Lăng Nghiêm thì nơi đó sẽ có một cây dù trắng lớn che đỉnh đầu của hành giả đó. Nếu

công phu thâm sâu, cao tột thì khi vừa khởi niệm trì tụng thần chú, cây dù trắng lớn đó sẽ hiện ra trong khoảng ngàn dặm che trên đỉnh đầu của quý vị để bảo hộ tránh khỏi thiên tai hoạn nạn. Nếu chỉ có công phu chút ít thì dù trắng sẽ che trên đỉnh đầu để bảo vệ quý vị. Nếu là vị đại đức cao tăng thì khi tụng trì thần chú này, cả quốc gia đều được thanh bình, không gặp những thiên tai. Hoặc giả nếu không tránh được thì thiên tai hoạn nạn lớn sẽ chuyển thành nhỏ, và thiên tai hoạn nạn nhỏ sẽ không xảy ra.

Dẫu quốc gia có bị chiến tranh, đói khát, bệnh dịch, hay giặc cướp, tất cả đều sẽ được tránh khỏi. Giả sử viết và dán thần chú Lăng Nghiêm bốn cửa thành hoặc trên ụ gác, hoặc những đài cao; giả sử quý vị có khiến cho dân chúng kính ngưỡng và mến thích thần chú Lăng Nghiêm mà họ cung kính đánh lễ và nhất tâm cúng dường thần chú này thể như cúng dường chư Phật; giả sử có thể khiến mọi công dân mang thần chú này trong mình hoặc trì giữ trong nhà. Nếu làm được như thế, tất cả thiên tai hoạn nạn sẽ tan biến. Bất cứ nơi nào có thần chú Lăng Nghiêm, trời rồng đều vui mừng. Thế nên, nơi đó sẽ tránh khỏi bão lụt; mùa màng ngũ cốc đều được phong phú; dân chúng sẽ sống an lạc

thanh bình. Đó là lý do tại sao tôi nói rằng công đức và diệu dụng của thần chú này thật không thể nghĩ bàn, không thể tưởng tượng. Đó là nơi vi diệu của thần chú này.

Nếu phá giới trọng thì không thể kết lại. Tuy nhiên, nếu tụng trì thần chú Lăng Nghiêm thì sẽ được thanh tịnh trở lại. Song, khi tôi nói rằng tụng trì, không có nghĩa là tụng qua loa mà phải đạt trì chú tam muội. Thần chú phải được lưu xuất từ tâm niệm và quy về nơi tâm niệm. Đó là “thần chú là tâm và tâm là thần chú”. Tâm và thần chú đều nhất như, hợp thành một thể mà không có sự phân biệt. Dẫu có muốn quên thần chú đi, nhưng không thể nào quên được. Đó gọi là không niệm mà niệm hay niệm mà không thấy mình niệm. Nếu dẹp trừ hết tất cả tạp niệm thì đó là tâm niệm trì tụng thần chú Lăng Nghiêm; tâm niệm hợp nhất với thần chú mà không còn vọng niệm thứ hai nào. Bây giờ, muôn vật diễn thuyết nghĩa Đại Thừa: Tiếng gió hiu hiu và dòng nước chảy róc rách đều là tâm chú của thần chú Lăng Nghiêm. Nếu đạt đến cảnh giới đó và dẫu có phạm giới, thì giới thể vẫn được thanh tịnh trở lại; nghĩa là không cần thọ giới trở lại. Nếu không muốn tu hành tinh tấn hay không muốn nghiên cứu Phật pháp,

nhưng trì tụng thần chú trong một thời gian thì tự nhiên quý vị sẽ phát tâm tu hành tinh tấn; những ai thiếu trí huệ, tụng trì thần chú này thì sẽ khai mở trí huệ. Nếu sự tu hành chưa được thanh tịnh vì hủy phạm trai giới, nhưng nếu không quên trì tụng thần chú này thì tịnh giới sẽ mau chóng được phục hồi. Nếu phạm giới trước lúc trì tụng thần chú này, thì một khi nhất tâm tụng trì thần chú, dầu là tội khinh hay trọng đến đâu, bao gồm những tội không thể sám hối như bốn tội Ba La Di, ngũ nghịch, bốn hay tám tội bị đui khỏi tăng đoàn, sẽ đều được tiêu trừ hoàn toàn mà không còn một mảy lông tội lỗi nào. Do đó, tôi nói rằng năng lực của thần chú Lăng Nghiêm thật không thể nghĩ bàn.

Có người nhận biết sự linh ứng và diệu dụng của thần chú Lăng Nghiêm nên chỉ chú tâm trì tụng nhưng lại bỏ qua tất cả những phương pháp tu hành khác; đó thật là thái quá. Đối với việc tu đạo, dầu tu pháp môn nào, phải y theo trung đạo, chớ tu hành giải đãi hay thái quá. Tuy thần chú Lăng Nghiêm rất linh nghiệm, nhưng cũng phải tu thiền định. Kinh Lăng Nghiêm giảng thuyết về sự nhiệm màu của thần chú Lăng Nghiêm, nhưng cũng giảng giải về pháp môn Nhĩ Căn Viên Thông: “Phản văn văn

tự tánh (nghe lại tánh nghe của mình)”; đó cũng là pháp môn tối trọng yếu. Đang lúc trì tụng thần chú, quý vị cũng nên nghe lại tánh nghe hay phản chiếu lại ánh sáng tự tâm của mình. Có phải bên trên tôi đã nói rằng khi trì tụng, thần chú là tâm niệm và tâm niệm là thần chú chăng ? Thần chú và tâm niệm không thể tách rời nhau được; tâm niệm và thần chú tuy là hai nhưng chẳng phải hai. Nếu đạt đến đó thì dầu cầu mong điều gì, tất cả sẽ được thành tựu và như ý nguyện. Một khi thể nhập thần chú vào tâm niệm thì chính là đạt được thiền định tam muội và định lực chân chánh. Đó là điều mà mỗi chúng ta phải nên biết rõ.

Mỗi câu trong thần chú Lăng Nghiêm đều có vô lượng ý nghĩa; mỗi nghĩa đều có vô lượng công năng. Nên biết rằng thần chú Lăng Nghiêm là “Linh Văn (ngôn ngữ nhiệm màu)” trong trời đất, là pháp bảo vô thượng, là châu báu cứu mạng tất cả chúng sanh, là linh văn giữa các linh văn, và bí mật trong các sự bí mật. Thần chú này bao trùm muôn vật, trên thì đến mười phương chư Phật, dưới thì tới địa ngục A Tỳ; tất cả bốn hàng thánh vị (Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác) và sáu loài phàm phu (trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A Tu La) đều tôn kính

thần chú này. Không có một pháp giới nào trong mười pháp giới vượt ngoài phạm vi của thần chú này. Tất cả loài quỷ, thần, chư Thiên hộ pháp, Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến Phật Thừa đều nằm trong thần chú Lăng Nghiêm. Khi những danh tự của các quỷ thần trong thần chú Lăng Nghiêm được tụng đọc lên, tất cả quyến thuộc của những loài quỷ thần đó đều quy phục, tuân thủ quy củ, không dám tùy tiện phá phách. Tụng trì thần chú Lăng Nghiêm mỗi ngày sẽ khiến cho yêu ma quỷ quái trên thế gian không dám xuất hiện hại người mà phải sống đàng hoàng. Đại dụng của thần chú Lăng Nghiêm là bao trùm toàn thể tánh và có thể nói rằng bao quát tất cả giáo nghĩa Phật pháp. Nếu hiểu rõ thần chú Lăng Nghiêm thì sẽ hiểu rõ tất cả tinh hoa bí mật của Phật giáo. Mọi sự thâm sâu áo diệu và những sự không thể nghĩ bàn trong trời đất, tất cả đều nằm trong thần chú này. Nếu hiểu thần chú này thì không cần phải học Mật Tông, Bạch-giáo, Hắc-giáo, Hoàng-giáo, Hồng-giáo. Đây là pháp tam muội căn bản và bí mật rất ráo nhất. Không ai hiểu rõ và nhận ra pháp bí mật này. Dẫu có tu học nhưng hầu hết mọi người đều chưa thâm nhập được, chỉ biết tụng niệm, mà không hiểu ý nghĩa. Thật ra, không cần phải hiểu

ý nghĩa của thần chú, chỉ biết rằng thần chú này là “Linh Văn” không thể nghĩ bàn cũng đủ rồi.

Có khả năng tụng trì thần chú này tức là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, bằng ngược lại thì không làm được gì cả. Quý vị hãy mau học, ghi nhớ, quán sát, và hiểu thần chú này ! Nếu được như thế thì hoàn thành trọng trách của người Phật tử. Cách hay nhất của việc trì tụng thần chú này là phải vì sự lợi lạc chung cho cả toàn thế giới; hồi hướng tất cả công đức cho toàn thế giới. Trong Phật giáo, không có gì quan trọng bằng thần chú Lăng Nghiêm vì thần chú này là biểu tượng chân chánh cho chánh pháp. Sự hiện hữu của thần chú này bảo đảm cho sự hiện hữu của chánh pháp. Một khi không còn thần chú này thì chánh pháp cũng sẽ biến mất. Những ai chưa có thể tụng đọc thần chú này thì không đáng làm người Phật tử. Thần chú Lăng Nghiêm có biệt danh là “Lăng Bán Niên (trong nửa năm mới học thuộc thần chú này)” vì dẫu ngày ngày có tinh tấn tụng niệm, nhưng đến nửa năm mới nhớ hết. Những người trì tụng thuộc lòng thần chú Lăng Nghiêm như chúng ta hiện nay vốn là những người đã từng trồng căn lành trong vô số kiếp; thuộc nhớ mà mãi mãi không quên, chính là sự biểu hiện của căn lành. Nếu

không có căn lành, ngay cả danh tự còn không thể xem thấy còn nói chi đến việc tụng niệm. Hoặc giả có nghe qua danh tự của thần chú, nhưng sẽ không thể thường trì tụng được. Thật vậy, những ai tụng thuộc thần chú này chính là những người có căn lành sâu xa.

Thần chú Lăng Nghiêm là pháp môn khó gặp được trong trăm ngàn muôn kiếp. Học và hiểu mỗi câu thì hiệu nghiệm hóa một phần năng lực của thần chú, nhưng phải hành trì thực tiễn. Song, không phải nghe rằng thần chú này có linh nghiệm và năng lực rất lớn để rồi sử dụng những điều đó. Nếu sử dụng pháp này mà không giữ giới như hầu hết những người không hiểu rõ gì và buông lung tạo nghiệp giết hại, ăn cắp, tà dâm, nói láo, uống rượu và những người chỉ tụng năm tâm chú chính khi gặp hoạn nạn, thì đó là làm ô uế pháp này, chứ không tạo công đức gì cả. Nếu cố ý muốn sai sử quỷ thần và chư thần hộ pháp thì chỉ tự khiến nghiệp xấu tăng trưởng và sẽ tự mang lại tai họa cho chính mình. Do đó, đối với việc tu đạo, đầu tiên là phải giữ giới luật, chú trọng đức hạnh, không tranh, không tham, không mong cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo. Nếu không đủ đức độ mà giả dạng làm thánh hiền truyền thánh chỉ,

hay giả trang làm quốc vương, thì hành vi đó không thể nào chấp nhận được. Ngày nay, nhiều người chỉ chú trọng việc tụng chú để có thần thông linh ứng, mà không chú trọng phẩm hạnh của mình, thì khiến vô hiệu hóa sự tụng niệm thần chú này.

Do đó, muốn tu học pháp môn của thần chú này thì hành vi và động cơ phải chân chánh, chớ nên khởi vọng tưởng hay làm những việc không thanh tịnh. Phải chú tâm tu hành hạnh thanh tịnh. Nếu có ai một bên thì trì tụng thần chú, còn một bên thì không giữ đúng quy củ, họ sẽ gặp những vấn đề lớn phát sanh. Mọi người phải hiểu rõ điểm này. Nếu không giữ chánh niệm và không hành theo chánh hạnh, Bồ Tát Kim Cang Tạng sẽ không kính phục và bảo hộ quý vị. Chư Phật và chư Bồ Tát có lòng đại từ bi, nên không biết làm hại chúng sanh vì sân hận. Tuy nhiên, tất cả trời, rồng, quỷ thần hộ pháp đều sẽ tức giận. Những ác quỷ, ác thần khi thấy quý vị đang trì tụng thần chú Lăng Nghiêm mà lại tạo lỗi lầm, họ sẽ mang tai họa đến và làm hại quý vị; hoặc họ sẽ khiến quý vị bất an, gặp những điều phiền toái lớn lao; hoặc khiến quý vị phải chịu hoạn nạn, thọ bao quả báo xấu. Đây không phải là điều giỡn chơi. Do đó, tất cả quý

vị phải nên ăn chay và thanh tịnh hóa thân tâm, giữ hạnh thanh tịnh, không hành pháp nhiễm ô, chớ phạm bất cứ quy củ nhỏ nhoi nào.

Tụng trì thần chú Lăng Nghiêm còn giá trị hơn bất cứ vàng bạc nào. Tụng một biến thì đáng giá bằng muôn vạn cân vàng. Tuy nhiên, chớ tụng niệm chỉ vì vàng ! Nếu trì giới thì sẽ không có tâm đố kỵ ganh ghét, chướng ngại. Nhờ không tham lam hay sân hận khi trì tụng thần chú mà sẽ phát khởi sự cảm ứng và lợi ích lớn lao. Lúc tu hành, nếu có những hành vi trái quy củ thì sẽ không đạt được sự cảm ứng hay linh nghiệm gì cả vì chư thiện thần hộ pháp tránh xa; nếu có việc gì xảy đến chư thiện thần hộ pháp chẳng màng đến quý vị. Do đó, đối với người trì tụng thần chú này, chớ nên có tâm gian xảo hoặc có những hành vi bất chánh như tạo tác nghiệp xấu. Bất cứ lúc nào cũng phải có hành vi chánh chân quân tử và chỉ biết làm lợi ích cho người, chứ không nghĩ về mình, giữ tâm hạnh và hành hạnh Bồ Tát.

Pháp tu trì thần chú Lăng Nghiêm rất mực linh nghiệm, nhưng không thể dễ dàng. Trước hết, chớ nên có tâm ích kỷ. Kế đến, chớ nên có tâm tự lợi mà phải giữ tâm rộng lượng không thiên vị; phải có tâm xả mình vì người, cứu độ

hết tất cả chúng sanh. Nếu giữ tâm niệm như thế, sự tu hành mới mau đạt thành tựu. Quý vị phải chú ý giữ năm giới cho cẩn thận và thường hành mười điều lành, vì đó là những phép tắc căn bản nhất.

Không thể tu hành mà chẳng giữ giới. Nếu tâm niệm đầy cả vọng tưởng ô uế, chẳng những tu hành không được cảm ứng hay thành tựu, mà chỉ mang lại tai họa. Do đó, lúc tu pháp trì tụng thần chú Lăng Nghiêm, đặc biệt phải chú ý giữ ba nghiệp thân, khẩu, ý cho thanh tịnh thì mới có cảm ứng. Chớ nên tùy tiện nói nhảm khiến tạo sự chia rẽ, hoặc khiến đại chúng trong đạo tràng tu hành cảm thấy không an lạc. Trong mọi cử chỉ hành động, như đi, đứng, nằm, ngồi nhất định phải chú ý. Chớ nên “giặt y phục cho người khác” mà phải quán chiếu lại chính mình.

Như trên đã bàn qua, thần chú Lăng Nghiêm vốn là “linh văn (ngôn ngữ linh nghiệm)”; mỗi câu có mỗi sự hiệu nghiệm riêng. Song, chớ nên nghĩ: “Tại sao tôi trì tụng thần chú Lăng Nghiêm nhưng lại không có hiệu nghiệm?” Chớ màng đến việc có hiệu nghiệm hay không, chỉ nên trì tụng; giống như tập võ, ngày ngày đều đánh quyền mà không màng công phu như thế nào. Có võ thuật là do có công phu

tập luyện, bằng ngược lại thì không thể có được. Cũng như thế, ngày ngày phải trì tụng pháp này không ngừng nghỉ, dầu có bận rộn đến đâu hay sự việc gì xảy ra. Chớ nên trì tụng thần chú Lăng Nghiêm một thời gian rồi sanh tâm giải đãi vì không còn thích thú vào pháp này. Không chắc chắc quý vị sẽ có được sự cảm ứng ngay vừa lúc trì tụng. Dầu có được cảm ứng hay không, ngày ngày phải thường trì tụng. Công phu tu hành phải ngày càng thâm sâu. Sự thành tựu không phải xảy ra trong một ngày một đêm. Điển hình, phải học tập suốt mười năm, hai mươi năm, hoặc ngay cả ba mươi năm trước khi thật sự có trình độ học vấn; việc tu hành cũng phải như thế. Phải luôn luôn giữ tâm niệm trì tụng thần chú liên tục mà không gián đoạn, giống như việc mặc y phục, ăn cơm, ngủ nghỉ. Dầu có cảm ứng hay không cũng chẳng quan trọng vì nhờ trì tụng hằng ngày mà quý vị từ từ sẽ có điểm tựa căn bản và tự nhiên cảm nghiệm được diệu dụng của thần chú.

Nếu mong cầu sự diệu dụng và thần thông không thể nghĩ bàn của thần chú thì chớ giữ tâm vọng tưởng như ngủ mớ vào ban ngày với bao tâm niệm lăng xăng. Nếu tam muội trì chú bị gián đoạn thì không thể đạt thành tựu.

Lúc hành trì pháp môn thần chú Lăng Nghiêm phải dùng tâm chân thật và thành khẩn. Tại sao gọi là tâm chân thật ? Nghĩa là vì việc trì tụng thần chú Lăng Nghiêm mà quên tất cả thời gian, không gian, ngày đêm, ăn uống, ngủ nghỉ. Mọi việc đều tan biến; một niệm dài như vô lượng kiếp và vô lượng kiếp cũng dài bằng một tâm niệm. Phải có tinh thần quên đi sự ăn uống ngủ nghỉ mà chỉ vì mục đích tu hành. Nếu được như thế, nhất định sẽ đạt thành tựu Lăng Nghiêm tam muội, bằng ngược lại thì không phải chân thật tu hành pháp môn trì thần chú Lăng Nghiêm. Không những lúc tu trì thần chú Lăng Nghiêm phải như thế, mà lúc hành trì các pháp môn khác cũng phải hành như vậy. Đi mà không biết đang đi; ngồi mà không biết đang ngồi; khát mà không biết đang khát; đói mà không biết đang đói. Quý vị có thể nói: “Vậy thì trở thành người ngu si sao ?” Vâng, điều này rất đúng. Có câu: “Dưỡng thành đại chuyết phương vi xảo, học đáo như ngu thủy kiến kỳ (Dưỡng thành đại mới có thiện xảo, học đến như ngu mới thấy lạ kỳ)”.

Nếu có thể học đến lúc như người ngây dại thì dấu tu pháp môn nào cũng đều có thể đắc tam muội và đạt thành tựu. Vì chưa được

ngu si nên chưa chân chánh thâm nhập vào cảnh giới thiền định, và sự tu hành chưa được tương ứng với đạo.

Lúc dụng công trì thần chú Lăng Nghiêm, hoặc có thể mộng thấy lễ Phật, hoặc có thể mộng thấy Phật phóng ánh hào quang, hoặc có thể mộng thấy mình cùng Phật giảng kinh thuyết pháp, hoặc mộng thấy Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, Thánh Tăng hay thiên tướng trên trời, hoặc mộng thấy tự thân thăng lên hư không, hoặc mộng thấy tự mình biết bay, hoặc mộng thấy cỡi ngựa, vượt sông, hoặc thấy bao loại ánh sáng kiết tường, hoặc thấy dị tướng phi thường lạ kỳ xuất hiện, đó là những điềm mộng lành. Nếu đạt được những điềm cảm ứng linh nghiệm như thế, phải nên cẩn thận, phải nên phát tâm Bồ Đề, phải thanh tịnh hóa ba nghiệp thân, khẩu, ý, và phải khẩn thiết gia tăng sự dụng công trì tụng thêm nữa. Song, chớ nên kể cho người khác nghe những cảm ứng hay linh nghiệm gì mà quý vị đã cảm nhận được với mục đích muốn khiến người khác tin tưởng và kính trọng mình. Tự biết về những cảm ứng mà mình đã cảm nhận cũng đủ quá rồi. Nếu mãi quảng cáo công đức của mình và đi dạo rao sự tu hành thì hoàn toàn sai lầm. Nếu làm như thế thì dễ lỗi

hồng cho ma thừa cơ hội xông vào, cũng giống như không cất giữ châu báu trong hộp kín. Nếu bỏ châu báu trước cổng nhà thì nhất định sẽ bị người trộm lấy. Do đó, tu hành theo đạo Phật, chúng ta phải cẩn thận, chớ để thiên ma ngoại đạo thừa cơ hội quấy phá. Tuy nhiên, có thể kể lại kinh nghiệm tu hành của mình cho các bạn đồng tu nếu không vì mục đích tham danh lợi, được người cung kính, ca ngợi.

Kinh Lăng Nghiêm thuyết: “Nếu thường tụng trì thần chú Lăng Nghiêm cho đến khi có công phu và đạt diệu dụng, thì 84.000 Bồ Tát Kim Cang Tạng và quyến thuộc của các ngài sẽ thường đi theo và bảo hộ quý vị, khiến tất cả sở cầu đều được như ý nguyện. Song, ma vương không ngừng tìm chỗ hở để gieo rắc rối nhiễu hơn khả năng quý vị có thể chịu đựng được.

Xưa kia, tại vùng Hồ Bắc ở Đông Sơn, ngũ tổ Hoàng Nhẫn tu hành và giữ giới đặc biệt rất tinh nghiêm. Lần nọ, một bọn cướp vây quanh thành Hồ Bắc. Ngũ tổ Hoàng Nhẫn không thể nhẫn chịu nhìn cảnh đó, nên quyết định xuống núi cứu dân chúng trong thành. Ngài xuống núi Đông Sơn và đi vào thành Hồ Bắc. Vừa thấy Ngài đến, bọn cướp run sợ, hạ gươm giáo và bỏ chạy. Tại sao ? Dầu Ngài chỉ vào thành một mình,

nhưng bọn cướp thấy thiên binh và thiên tướng mang kiếm vàng cùng áo giáp vàng uy dũng từ trên trời bay xuống, nên bọn chúng liền bỏ chạy tán loạn. Không dùng một cây gươm, giáo, cung tên, Ngài đánh bại bọn cướp, vì Ngài thường trì tụng thần chú Lăng Nghiêm, nên vừa thấy Ngài thì bọn cướp liền run sợ. Có thể nói rằng chư Bồ Tát Kim Cang Tạng hiển oai linh hoặc đó là do oai đức tu hành của ngũ tổ Hoàng Nhãn mà nhiếp phục bọn cướp. Đó là cách mà hành giả không dùng một quân binh hay khí giới nào để hàng phục bọn cướp. Nếu không chân chánh tu hành hoặc không có công phu chân thật thì làm sao có những sự cảm ứng đạo giao như thế ?

Phật Thích Ca tuyên thuyết thần chú Lăng Nghiêm để gia hộ và hỗ trợ định lực cho tất cả những người phát tâm tu đạo như chúng ta hiện nay, khiến cho thân tâm của chúng ta được an lạc, không bị phiền muộn. Do đó, trong mọi thời mọi khắc, chúng ta chớ quên pháp trì tụng thần chú này. Nếu có thể thành tâm chuyên chú trì tụng thần chú Lăng Nghiêm thì chính là hỗ trợ Phật pháp được hưng thịnh và chánh pháp được trụ lại thế gian dài lâu.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm đại biểu chánh pháp Như Lai (giảng vào tháng giêng, năm 1983).

Trong tam tạng kinh điển của Phật giáo đại thừa, kinh Thủ Lăng Nghiêm là bộ kinh ví như tấm gương chiếu rõ yêu ma quỷ quái. Tất cả thiên ma ngoại đạo, ly mị vọng lượng, một khi nhìn đến kinh Thủ Lăng Nghiêm, thì hình tướng của chúng sẽ hiện rõ, không thể ẩn hình, hoặc chạy trốn khỏi. Vì vậy, xưa kia khi đại sư Trí Giả nghe đến bộ kinh này, liền hướng về Ấn Độ thành tâm khẩn thiết, lễ bái mười tám năm trường, cầu mong bộ kinh này qua đến nước Tàu.

Tất cả chư đại đức cao tăng đại trí huệ, ai ai cũng đều tán thán kinh Thủ Lăng Nghiêm. Do đó, bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm tồn tại thì Phật pháp mới còn tồn tại. Ngược lại, Phật pháp sẽ bị hủy diệt. Tại sao gọi là đời mạt pháp? Gọi là đời mạt pháp vì kinh Thủ Lăng Nghiêm bị hủy diệt. Ai hủy diệt bộ kinh này? Thiên ma ngoại đạo sẽ hủy diệt. Chúng thấy kinh Thủ Lăng Nghiêm như đinh trong mắt, như xương trong thịt, nên ngồi không yên, đứng không an. Vì vậy, bắt buộc chúng phải sáng chế tà thuyết, bảo rằng kinh Thủ Lăng Nghiêm này là giả.

Phật tử chúng ta phải nhận rõ điều này. Mỗi lời trong bộ kinh này đều là chân kinh, chân điển. Lời lời đều giảng về chân lý. Vì vậy, hiện tại chúng ta nghiên cứu năm mươi loại ám ma, mới thấy rõ kinh Thủ Lăng Nghiêm quan trọng như thế nào. Tà ma quỷ quái sợ nhất bộ kinh này.

Đại lão hòa thượng Hư Vân trụ thế 120 năm. Suốt đời tu hành, đại lão hòa thượng Hư Vân rất quý trọng bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm, nên chỉ chú giải bộ kinh này, và đặc biệt bảo tồn những lời chú giải cả vài thập niên. Tuy nhiên, điều nuối tiếc nhất trong đời của đại lão hòa thượng Hư Vân là quyển chú giải bị đốt mất, do biến cố tại Vân Môn. Đại lão hòa thượng Hư Vân chủ trương rằng là người xuất gia như chúng ta phải nghiên cứu tu học cho đến khi thuộc lòng bộ kinh này từ đầu đến cuối và từ cuối đến đầu.

Được người khác thưa rằng có kẻ bảo kinh Thủ Lăng Nghiêm là giả tạo, đại lão hòa thượng Hư Vân bảo:

– Hiện tại là đời mạt pháp; yêu ma quỷ quái muốn lừa bịp người tu hành, nên bảo rằng mất cá là hạt châu, khiến người người mê mờ, không phân biệt đúng sai. Chúng khiến người khác đui mù để không còn nhận ra Phật pháp. Chúng cho thật là giả và giả là thật, nên bảo: “Xem kìa !

Người này viết quyển sách này, ai ai cũng đọc. Người khác viết quyển sách kia, ai ai cũng đọc. Tuy nhiên, đối với kinh điển chân chánh do Phật thuyết, hãy đặt trên gác sách, để vĩnh viễn không ai có thể đọc được”.

Vì vậy, mới thấy rõ chúng sanh nghiệp chướng nặng nề. Nếu nghe tà tri tà kiến, thì họ liền tin tưởng ngay. Giảng giải chánh tri chánh kiến, họ không tin tưởng. Tại sao họ không tin ? Vì không đủ căn lành và không có nền tảng đạo đức căn bản. Do đó, đối với chánh pháp, họ hoài nghi bất tín.

Tại Vạn Phật Thành, chúng ta kiến lập đạo tràng Thủ Lăng Nghiêm. Mỗi ngày, có ai phát tâm tụng đọc kinh hay học thuộc lòng bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm thì thật rất hay. Ngày ngày, quý vị thường đọc tụng hoặc học thuộc lòng kinh Thủ Lăng Nghiêm, kinh Pháp Hoa, và ngay cả kinh Hoa Nghiêm, như đến trường học thì rất tuyệt. Nếu có ai học được như thế thì chánh pháp mãi trường tồn trên thế gian. Thế nên, tại đạo tràng Vạn Phật Thành thanh tịnh, mọi người phải phát tâm hành những hạnh này. Tuy nhiên, chớ nên tranh với nhau. Chúng ta phải vượt trên mọi thế tình để hành hạnh này.

Xưa kia, tâm nguyện của tôi là: Học thuộc lòng kinh Pháp Hoa và kinh Thủ Lăng Nghiêm. Tại Hồng Kông, tôi có đệ tử là Hằng Định, học thuộc lòng kinh Thủ Lăng Nghiêm. Tôi cũng dạy Thầy ta học kinh Pháp Hoa. Tại đạo tràng vi diệu này, chúng ta phải phát tâm Bồ Đề, tu học nghiên cứu và học thuộc lòng kinh luật của Phật đà như kinh Thủ Lăng Nghiêm, kinh Pháp Hoa, Tứ Phần Luật, và kinh Phạm Võng. Nếu làm được như thế thì chánh pháp mới tồn tại lâu dài trên thế gian.

Kinh Hoa Nghiêm, mẹ của chư Phật (giảng vào năm 1979).

Kinh Hoa Nghiêm là kinh của pháp giới và là kinh của hư không. Tận hư không khắp pháp giới, nơi nơi đều có kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm ở nơi đâu thì có chư Phật, chư pháp, và chư hiền thánh tăng ở nơi đó. Vì vậy, vừa giác ngộ, thành chánh đẳng chánh giác, đức Phật liền thuyết kinh Hoa Nghiêm để giáo hóa chư đại Bồ Tát. Vì là bộ kinh vi diệu bất khả tư nghị, nên kinh Hoa Nghiêm được bảo tồn tại Long Cung. Sau này, Bồ Tát Long Thọ xuống Long Cung, học thuộc lòng, rồi đem trở lại thế gian.

Kinh Hoa Nghiêm như vàng mây lành trong hư không, biến chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, như mưa pháp cam lộ thấm nhuần hết tất cả chúng sanh. Kinh Hoa Nghiêm ví như vàng mặt trời, soi chiếu khắp đại thiên thế giới, khiến tất cả chúng sanh đều được ấm áp. Bộ kinh này cũng như cội đất, có khả năng sanh trưởng tất cả vạn vật. Do đó, còn kinh Hoa Nghiêm thì chánh pháp còn tồn tại lâu dài.

Mỗi ngày giảng giải, nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm, chúng ta phải y chiếu theo lý kinh mà tu hành, và dùng kinh điển để đối trị những tật xấu của mình. Khi nghe qua kinh Hoa Nghiêm, tâm tham sân si liền bị diệt trừ.

Giảng giải lý lẽ của bộ kinh này, nhằm mục đích đối trị tập khí xấu xa của chúng ta. Tuyệt đối chớ bảo rằng kinh này Phật thuyết cho chư Bồ Tát, chư A La Hán tu hành, chứ không liên hệ gì với chúng ta. Không nên nói: “Ô ! Phàm phu chúng ta chỉ có thể lắng nghe kinh này thôi, chứ không thể nhận ra cảnh giới của chư thánh hiền.”

Nếu nghĩ như thế, tức là tự khinh rẻ và tự cách biệt với chư thánh hiền.

Trong kinh Hoa Nghiêm, từ đầu đến cuối, lời văn nào cũng đều là pháp bảo vô thượng. Nếu cung hành thật tiến, tức y chiếu theo lời kinh mà tu trì, thì chúng ta nhất định sẽ thành Phật. Vì vậy, kinh Hoa Nghiêm được gọi là mẹ và là pháp thân của chư Phật. Đức Phật tán thán kinh Kim Cang: “Nơi nào có bộ kinh này thì nơi đó có chư Phật.”

Cũng như thế, kinh Hoa Nghiêm này ở đâu, thì nơi đó có chư Phật. Chư Phật đang ở nơi đây. Vì nghiệp chướng chúng sanh quá thâm trọng, nên đối diện mà không thể thấy được các ngài. Thế nên bảo: “Đối diện mà không thể nhận ra Bồ Tát Quán Thế Âm”.

Quý vị hãy nhìn xem tượng Quán Thế Âm ngàn tay ngàn mắt. Ngài thường phóng ánh sáng vô ngại, chiếu khắp chúng sanh hữu duyên trong ba ngàn đại thiên thế giới. Song, ngày ngày lễ bái, tụng niệm danh hiệu chư Phật và Bồ Tát Quán Thế Âm, mà chúng ta không nhận ra các Ngài. Chúng ta chỉ làm theo đại chúng. Người khác lễ lạy, mình cũng lễ lạy. Người khác tụng niệm, mình cũng làm theo. Chúng ta bị cảnh giới chuyển, mà thật không thể nhiếp thọ thân tâm.

Thế thì tụng niệm lễ bái Bồ Tát Quán Thế Âm như thế nào mới đúng cách ? Nếu còn giữ tánh

nóng giận, tập khí xấu xa mà không chịu sửa đổi, thì dầu quý vị có lẽ lay cho đến tận đời vị lai, không thể nào thấy được Bồ Tát Quán Thế Âm. Đó là lý do mà có người tu hành cả bao năm, nhưng vẫn chưa khai mở trí huệ, đặc biệt tài vô ngại. Nếu thường chuyển nghiệp ác để hành việc thiện, chân thật dẹp trừ thói quen tật xấu, hết mình cố gắng sửa đổi tánh tình, thì nhất định Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ gia hộ cho quý vị. Vì vậy, chúng ta, bậc sa môn, phải cần tu giới định huệ, để tẩy trừ tham sân si. Nhất cử nhất động đều phải xoay lại chính mình, thì mới có phần tiến bộ. Nếu chúng ta thường tự tụng niệm, giảng giải, lắng nghe kinh Hoa Nghiêm mà không y chiếu theo lời kinh để hành trì thì mình là mình, kinh là kinh, tôi vẫn là tôi, quý vị vẫn là quý vị, nên không thể trở thành một hợp nhất. Nếu muốn hợp nhất với kinh điển thì phải hành trì theo lời kinh dạy; đó mới chân thật là hợp nhất.

Nếu không chân thật hành trì y theo lời kinh, không đủ tâm từ bi, hỷ xả, mà chỉ chạy theo vô minh phiền não, thì không thể hiểu rõ và thâm nhập vào kinh. Nghe được một câu kinh, phải tự hỏi: “Mình phải hành như thế nào? Mình phải chạy theo thói quen tật xấu, hay y chiếu theo lời kinh mà tu hành?”

Nếu thường tự hỏi như thế, thì mới thật sự đạt được lợi ích. Vì sao chưa đạt được lợi ích? Chỉ vì mình thấy kinh là kinh, mình là mình. Mình không có liên hệ gì với kinh điển. Đức Phật thuyết ra bộ kinh này cho tất cả chúng sanh, bao gồm quý vị, tôi, và mọi loài. Mặt đối mặt với chúng sanh, đức Phật dùng kim khẩu thuyết pháp. Khi lắng nghe giảng kinh thuyết pháp, phải cảm giác như đức Phật thuyết đạo lý kinh điển ngay bên tai, nhắc nhở mình phải y chiếu kinh điển mà tu hành.

Dẫu là pháp nào, tất cả đều không vượt ngoài tự tánh. Tự tánh này bao trùm tận hư không, khắp pháp giới. Thế nên, nếu quý vị có thể khai mở tâm mình rộng lớn, thì sẽ hợp nhất cùng với kinh Hoa Nghiêm. Tuy gọi là hai nhưng không phải hai. Người người đều nên dùng cảnh giới kinh Hoa Nghiêm làm cảnh giới của mình; đây là cách thu nhiếp trí huệ. Nếu được như thế thì tâm lượng và cảnh giới của mình rộng lớn đến ngàn nào !

“Tâm này rộng lớn và tinh vi
Phóng xả, sẽ hòa cùng vũ trụ
Cuộn lại, tức dấu nơi mật tạng.
Thật vi diệu không thể diễn bày”.



Bồ-Tát Hộ Pháp Vi-Đà.

Kệ Hồi Hương Công Đức

Nguyện đem công đức này

Trang nghiêm Phật tịnh độ

Trên đên bốn ơn nặng

Dưới cứu ba đường khổ

Nếu có ai thấy nghe

Tất phát tâm Bồ-đề

Khi xả báo thân này

Đồng sinh cõi Cực-Lạc.